

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN TÂM LÝ HỌC

LÊ THỊ THANH HƯƠNG
(Chủ biên)

**TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP
CHO HỌC SINH
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**

THỰC TRẠNG Ở VIỆT NAM
VÀ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ



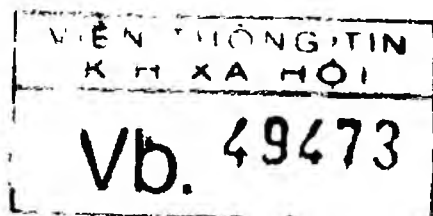
NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN TÂM LÝ HỌC

LÊ THỊ THANH HƯƠNG
(*Chủ biên*)

TU VẤN HƯỚNG NGHIỆP
CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
THỰC TRẠNG Ở VIỆT NAM
VÀ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 2010



Các tác giả

Lê Thị Thanh Hương

Đỗ Thị Lệ Hằng

Mai Việt Thắng

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Các từ viết tắt	7
Danh mục các bảng	8
Mở đầu	11
Chương I: Sơ lược lịch sử ngành tư vấn hướng nghiệp và một số khái niệm cơ bản	15
1.1. Sự ra đời của ngành tư vấn hướng nghiệp	16
1.2. Các hướng nghiên cứu tư vấn hướng nghiệp	20
1.3. Một số khái niệm cơ bản của đề tài	24
Chương II: Một số lý thuyết và mô hình tư vấn hướng nghiệp	34
2.1. Một số lý thuyết tư vấn hướng nghiệp	34
2.2. Một số mô hình tư vấn hướng nghiệp	56
Chương III: Tư vấn hướng nghiệp ở một số nước trên thế giới	64
3.1. Tư vấn nghề nghiệp và tư vấn hướng nghiệp tại Mỹ	64
3.2. Tư vấn nghề nghiệp và tư vấn hướng nghiệp tại Pháp	80
3.3. Hoạt động hướng nghiệp tại Áo	82
3.4. Tư vấn nghề nghiệp và tư vấn hướng nghiệp ở một số quốc gia khác	84

Chương IV: Nhu cầu tư vấn hướng nghiệp ở Việt Nam	91
4.1. Những đòi hỏi khách quan xuất phát từ môi trường sống đối với học sinh trung học phổ thông có liên quan đến sự hình thành định hướng nghề nghiệp	91
4.2. Những thay đổi tâm lý liên quan đến sự hình thành định hướng nghề nghiệp	93
4.3. Nhu cầu về tư vấn hướng nghiệp của học sinh trung học phổ thông	116
Chương V: Giáo dục hướng nghiệp và tư vấn hướng nghiệp tại Việt Nam	137
5.1. Các chủ trương, chính sách và quyết định của các cấp quản lý nhà nước và quản lý giáo dục về công tác hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông	137
5.2. Thực trạng giáo dục hướng nghiệp và tư vấn hướng nghiệp ở Việt Nam	145
Chương VI: Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện giáo dục hướng nghiệp và tư vấn hướng nghiệp cho học sinh ở Việt Nam	179
Kết luận	186
Tài liệu tham khảo	189

CÁC TỪ VIẾT TẮT

- HSPT - Học sinh phổ thông
- THCS - Trung học cơ sở
- THPT - Trung học phổ thông
- GDHN - Giáo dục hướng nghiệp

DANH MỤC CÁC BẢNG

- Bảng 1:** Đặc điểm mẫu khách thể là học sinh THPT
- Bảng 2:** Đánh giá của học sinh THPT về những giá trị nghề nghiệp
- Bảng 3:** Tính tích cực của học sinh THPT trong tìm kiếm các thông tin liên quan đến các ngành nghề
- Bảng 4:** Các nguồn mà học sinh có được các thông tin về các ngành nghề khác nhau
- Bảng 5:** Tính hữu ích của các thông tin mà học sinh nhận được đối với việc lựa chọn ngành học
- Bảng 6:** Những suy nghĩ về việc lựa chọn trường, ngành học
- Bảng 7:** Quyết định về trường/ngành học
- Bảng 8:** Cảm thấy như thế nào khi có những quyết định về trường/ngành sẽ học
- Bảng 9:** Đánh giá của học sinh THPT về những điều cần quan tâm khi chọn ngành học

Bảng 10: Lý do khiến học sinh THPT đã chọn các khoa/ngành hoặc trường sẽ học sau khi tốt nghiệp THPT

Bảng 11: Hiểu biết của học sinh THPT về công việc phải làm trong lĩnh vực ngành nghề chọn và nơi sẽ làm việc

Bảng 12: Đánh giá của học sinh THPT về sự cần thiết phải có hoạt động/cơ sở hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông

Bảng 13: Đánh giá của học sinh THPT về các nội dung hướng nghiệp cần có

Bảng 14: Đánh giá của học sinh về các hình thức hướng nghiệp tốt nhất

Bảng 15: Mong muốn của học sinh THPT về cách thức tư vấn hướng nghiệp

Bảng 16: Cảm nhận và mong muốn của sinh viên liên quan đến ngành nghề đang theo học

Bảng 17: So sánh trải nghiệm của sinh viên sau một thời gian học đại học với một số tiêu chí

Bảng 18: Các hình thức và nội dung hướng nghiệp cho học sinh đã được tổ chức

Bảng 19: Các thông tin được đưa ra trong buổi tư vấn hướng nghiệp

MỞ ĐẦU

Định hướng nghề nghiệp (đào tạo nghề, định hướng giá trị trong hoạt động nghề...) cho thế hệ trẻ có ý nghĩa rất lớn trong quyết định chất lượng nguồn nhân lực của đất nước, bởi định hướng nghề nghiệp chính xác sẽ giúp cá nhân phát huy được tối đa năng lực của bản thân, hứng thú với công việc, nhờ đó hiệu quả làm việc của họ được nâng cao. Đồng thời, định hướng nghề nghiệp đúng đắn cũng giúp cá nhân đáp ứng đúng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực, góp phần giảm thiểu tình trạng mất cân đối trong nguồn nhân lực ở nước ta hiện nay.

Định hướng nghề nghiệp của mỗi cá nhân có thể được bắt đầu từ rất sớm, trong đó giai đoạn lứa tuổi học sinh THPT là một giai đoạn quan trọng. Ở giai đoạn này giáo dục hướng nghiệp nói chung và tư vấn hướng nghiệp nói riêng cho học sinh có vai trò rất lớn trong việc hình thành định hướng nghề nghiệp của các em.

Học sinh THPT là một lực lượng tiềm năng quan trọng của nguồn nhân lực. Tuy nhiên, hiện nay ở nước ta công tác giáo dục hướng nghiệp nói chung và tư vấn hướng nghiệp nói riêng cho học sinh chưa được coi trọng một cách đúng mức, dẫn đến tình trạng các chủ trương thì có, nhưng thực tiễn hoạt động lại yếu và kém hiệu quả.

Trong tình hình đó, việc nghiên cứu thực trạng hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho học sinh THPT ở nước ta hiện nay và tìm hiểu kinh nghiệm quốc tế trong lĩnh vực

này sẽ có ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn thiết thực. Kết quả nghiên cứu sẽ góp phần cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc xây dựng các chính sách nhằm hiện thực hoá các chủ trương đúng đắn về công tác hướng nghiệp cho học sinh mà Đảng và Chính phủ đã đề ra.

Nghiên cứu này được thực hiện với mục đích trên cơ sở nghiên cứu thực trạng tư vấn hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông ở nước ta hiện nay và kinh nghiệm quốc tế trong lĩnh vực này, đề xuất một số kiến nghị làm cơ sở khoa học cho việc xây dựng chính sách nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho học sinh ở Việt Nam trong thời gian tới, hướng tới phát triển và sử dụng nguồn nhân lực một cách tối ưu.

Để thực hiện được mục đích nêu trên, những người thực hiện đề tài đã: 1) Phác họa sơ lược lịch sử hình thành ngành tư vấn hướng nghiệp, phân tích một số lý thuyết và mô hình tư vấn hướng nghiệp trên thế giới tại một số nước như Mỹ, Pháp, Áo, Malaixia, New Zealand..., tìm hiểu kinh nghiệm một số nước trong hoạt động tư vấn hướng nghiệp; 2) Nghiên cứu thực trạng tư vấn hướng nghiệp cho học sinh THPT ở Việt Nam hiện nay; 3) Đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho học sinh ở Việt Nam trong thời gian tới.

Nghiên cứu được thực hiện với cách tiếp cận tâm lý học là chủ yếu. Điều này đòi hỏi việc phân tích, đánh giá nhu cầu tư vấn hướng nghiệp cho học sinh và thực trạng hoạt động tư vấn hướng nghiệp phải dựa trên cơ sở những thành tựu nghiên cứu của tâm lý học và các chuyên ngành của nó, đặc biệt là các lý thuyết về phát triển tâm lý lứa tuổi, về phát triển nhu cầu, về ý thức và hoạt động nghề nghiệp của con người, các lý thuyết về tư vấn tâm lý...

Việc nghiên cứu thực trạng tư vấn hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông ở nước ta được tiến hành năm 2008, tại 3 trung tâm giáo dục lớn nhất nước thuộc cả 3 miền: miền Bắc (Hà Nội), miền Trung (Đà Nẵng), và miền Nam (TP. Hồ Chí Minh). Tại mỗi địa bàn chọn 2 trường PTTH. Ngoài ra, đề tài còn tiến hành khảo sát tại một số trường đại học.

Mẫu nghiên cứu: Tổng số gần 1.000 người, trong đó:

- Học sinh PTTH (3 khối: lớp 10; lớp 11; lớp 12): 835 học sinh trả lời phiếu hỏi. Phân bố học sinh theo một số tiêu chí như sau:

Bảng 1. Đặc điểm mẫu khách thể là học sinh THPT

<i>Các tiêu chí</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>Các tiêu chí</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Tỷ lệ %</i>
Địa bàn nghiên cứu			Khối lớp		
Hà Nội, gồm:	290	34,7	Lớp 10	283	33,9
Trường Kim Liên	145	17,4	Lớp 11	278	33,4
Trường Hai Bà Trưng	145	17,2	Lớp 12	274	32,8
Đà Nẵng, gồm:	287	34,4	Giới tính		
Trường Hoà Vang	142	17,0	Nam	363	43,4
Trường Hoàng Hoa Thám	145	17,5	Nữ	438	52,4
TP. Hồ Chí Minh, gồm:	258	30,9	Không rõ	35	4,2
Trường Bùi Thị Xuân	126	15,1			
Trường Trưng Vương	132	15,8			

- Sinh viên năm thứ nhất, thứ hai một số trường đại học trả lời phiếu hỏi: 100 người.

- Cán bộ quản lý có liên quan công tác tại Bộ Giáo dục và Đào tạo, cấp sở giáo dục, cấp trường trả lời phiếu hỏi: 40 người.

- Ngoài ra còn có một số người cán bộ và học sinh tham gia phỏng vấn sâu.

Trong quá trình thực hiện đề tài, những người thực hiện đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu chủ yếu sau:

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu, văn bản (dùng trong nghiên cứu cơ sở lý luận, các lý thuyết và mô hình tư vấn hướng nghiệp...).

- Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi.

Đề tài sử dụng 3 loại bảng hỏi, gồm:

+ Bảng hỏi dành cho học sinh.

+ Bảng hỏi dành cho sinh viên năm thứ nhất, thứ hai.

+ Bảng hỏi dành cho giáo viên các trường THPT và các cán bộ quản lý giáo dục các cấp.

- Phương pháp phỏng vấn sâu.

Phỏng vấn sâu được dùng chủ yếu cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, những người làm công tác tư vấn tâm lý và học sinh THPT nhằm làm rõ hơn một số vấn đề mà bảng hỏi chưa khai thác được.

Các kết quả nghiên cứu thực tiễn được xử lý bằng phần mềm SPSS 13.0 dùng cho các nghiên cứu khoa học xã hội. Các phương pháp phân tích số liệu chủ yếu là các phép phân tích mô tả và phân tích suy luận.

Chương I

SƠ LƯỢC LỊCH SỬ NGÀNH TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP VÀ MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

Tư vấn hướng nghiệp là một trong những phân tích ngành chính của tư vấn tâm lý và có lịch sử phát triển khá lâu đời. Hiện nay, trên thế giới, tư vấn hướng nghiệp đã có những đóng góp đáng kể cho sự phát triển của ngành tư vấn tâm lý nói riêng và phát triển con người nói chung thông qua việc trợ giúp cho những đối tượng có nhu cầu lựa chọn được những nghề nghiệp phù hợp với trí tuệ, năng lực, sở thích, hứng thú của bản thân.

Từ những năm trước Công Nguyên, Trung Quốc là nơi đầu tiên đã sử dụng những cuộc thi viết luận để lựa chọn những người có khả năng phục vụ cho chính quyền. Các sự kiện này có thể được xem như những dấu hiệu đầu tiên cho thấy hoạt động tư vấn hướng nghiệp được ứng dụng trong thực tiễn cuộc sống thông qua hình thức thi cử để lựa chọn những người có khả năng đảm nhận những công việc khác nhau trong xã hội. Socrates và Platon đã rất nhiều lần nhấn mạnh vào việc đánh giá khả năng con người, năng lực của con người trong lựa chọn nghề nghiệp. Fitzherbert đã chỉ rõ một số đơn vị đo lường để sàng lọc những cá nhân chậm phát triển và những người bình thường. Sự kiện Alfred Binet (1857-1911) trở thành Giám

đốc phòng thí nghiệm tâm sinh lý tại Pháp, dưới sự hỗ trợ của Chính phủ Pháp, thực hành nhiều hình thức đo đạc để lựa chọn những học sinh chậm phát triển trong số những học sinh của Pari để từ đó cung cấp những dịch vụ giáo dục và hỗ trợ đặc biệt có thể coi là một mốc quan trọng trong phát triển thực nghiệm tâm lý và hướng nghiệp.

1.1. Sự ra đời của ngành tư vấn hướng nghiệp

*** *Giai đoạn 1850 – 1940***

Từ năm 1850 phong trào hướng nghiệp đã xuất hiện ở Mỹ. Trong thời gian từ năm 1850 đến năm 1940 có rất nhiều sự kiện xảy ra có tác động đến sự ra đời của ngành tư vấn hướng nghiệp như: 1) Cách mạng công nghiệp; 2) Xuất hiện nghiên cứu khoa học về những khác biệt của từng cá nhân; 3) Chiến tranh thế giới thứ I; 4) Hội thảo quốc gia về hướng nghiệp; 5) Xuất hiện trào lưu sử dụng các thang đo (trắc nghiệm); 6) Các hoạt động hướng nghiệp liên bang có ý nghĩa như thành lập các quỹ liên bang hỗ trợ cho chương trình giáo dục nghề trên cả nước. Hoạt động này có ảnh hưởng đến việc thiết lập các khoá đào tạo nhà tham vấn hướng nghiệp tại các trường học lớn. Trong giai đoạn này những tác giả như Francis Galton, Wilhelm Wundt, James Cattell, Alfred Binet, Frank Parsons, Robert Yerkes, và E. K. Strong là những người có nhiều đóng góp cho sự phát triển chuyên ngành tư vấn hướng nghiệp.

Sự ra đời hệ thống công nghiệp với quy mô lớn vào cuối thế kỷ XIX đã làm thay đổi mạnh mẽ môi trường làm việc và điều kiện sống của con người. Khu vực đô thị phát triển

với tỉ trọng lớn, số lượng dân nhập cư cao. Thêm vào đó, tốc độ phát triển và tập trung hóa công nghiệp hấp dẫn rất nhiều người lao động từ các khu vực nông thôn. Các khu nhà ổ chuột chật chội với điều kiện sống khắc nghiệt ngày càng nhiều. Môi trường làm việc trong các nhà máy và môi trường sống chật chội đã làm mất đi bản sắc cá nhân. Trong bối cảnh đó một vài nhà nghiên cứu đã bắt đầu quan tâm đến hành vi con người và nghiên cứu về những khác biệt mang tính cá nhân.

Francis Galton – một tác giả người Anh đã xuất bản 2 cuốn sách về nguồn gốc năng lực của con người vào năm 1874 và 1883. Năm 1879, Wilhelm Wundt thành lập phòng thực nghiệm ở Leipzig (Đức) phục vụ cho những nghiên cứu về hành vi con người. Tại Pháp, năm 1896, Alfred Binet và V. Henri đã mô tả các khái niệm về thang đo trí tuệ trong các bài đăng trên tạp chí khoa học (Borow, 1964).

Tại Mỹ, G. Stanley Hall đã thành lập phòng thực nghiệm tâm lý vào năm 1883 để nghiên cứu và đo lường các đặc điểm về thể chất và tinh thần của trẻ em. Đến năm 1890, James Cattell đề xuất các trắc nghiệm trí tuệ để đo những khác biệt mang tính cá nhân.

Bối cảnh xã hội trong cách mạng công nghiệp, những nghiên cứu tâm lý học về hành vi và những khác biệt mang tính cá nhân của con người là những điều kiện khách quan dẫn tới sự ra đời một ngành khoa học mới - ngành tư vấn nghề.

Nói đến tư vấn nghề có thể kể đến Frank Parsons - người Mỹ và là một kỹ sư của trường Đại học Cornell. Ngày ~~mùng 1 tháng 5~~ năm 1908, tại trường Đại học

Vb. 49473

Cornell (Mỹ) Parsons đã có bài thuyết giảng mô tả tiến trình tư vấn hướng nghiệp một cách có hệ thống cho 80 người (cả nam giới và phụ nữ) - những người đã đến văn phòng tư vấn việc làm của ông. Bài thuyết giảng này đã có ảnh hưởng mạnh mẽ đến phong trào hướng nghiệp thời bấy giờ. Cuốn sách nổi tiếng với nhan đề *Lựa chọn nghề* (Choosing a Vocation) của Frank Parsons được xuất bản với số lượng lớn vào tháng 5 năm 1909, đã đánh dấu sự xuất hiện của ngành tư vấn nghề.

Một trong những đóng góp quan trọng nhất của Parsons đối với hoạt động hướng nghiệp là ông đã đưa ra mô hình giúp cá nhân lựa chọn nghề. Mô hình của Parsons đã kích thích sự quan tâm của nhiều người trong nước Mỹ về hướng dẫn nghề. Hiện nay, công thức ba thành phần này của ông đã và đang được áp dụng trong nhiều chương trình tư vấn nghề.

**** Sự phát triển của phong trào hướng nghiệp giai đoạn từ năm 1940 đến nay***

Những sự kiện có ý nghĩa trong toàn bộ giai đoạn này là: 1) Những ấn phẩm chính thống về tham vấn; 2) Chiến tranh thế giới lần thứ II; 3) Các chương trình hướng nghiệp liên bang có ý nghĩa. Năm 1940, trắc nghiệm phân loại trong quân đội ra đời và công cụ này được dùng để đo năng lực chuyên biệt phục vụ trong suốt Chiến tranh thế giới thứ II; 4) Các mô hình lý thuyết nghề phát triển; 5) Phát triển giáo dục nghề; 6) Phong trào chuyên môn hóa; 7) Những tiện ích của kỹ thuật. Những người có công lớn trong giai đoạn này phải kể đến E. G. Williamson, Carl Rogers, Eli Ginzberg, Ann Roe,

Donal Super, John Holland, David Tiedeman, và H. B. Gelatt. Có thể nhận thấy đây là những nhà tư vấn nổi tiếng với những lý thuyết tư vấn mà sau này được áp dụng nhiều trong tư vấn hướng nghiệp.

Vào đầu những năm 1950, Ginzberg, Ginsburs, Axelrad và Herma (1951), Roe (1956), và Super (1957) đã cho ra các lý thuyết lựa chọn nghề và phát triển nghề. Những lý thuyết này đã trở thành những điểm mốc đáng nhớ cho phong trào hướng nghiệp. Chúng là cơ sở lý thuyết cho các thực hành hướng nghiệp và khơi nguồn một loạt các dự án nghiên cứu về các chương trình tư vấn hướng nghiệp.

Các quan điểm lý thuyết về phát triển nghề đã có những đóng góp to lớn cho các chương trình hướng nghiệp bằng việc cung cấp những đặc điểm đặc trưng trong các giai đoạn phát triển tâm lý cũng như trong thời kỳ chuyển dịch giữa các giai đoạn phát triển này. Các lý thuyết này cũng giúp cho việc xác định các loại nhân cách và sự phù hợp của các loại nhân cách với môi trường làm việc, các kỹ năng ra quyết định, làm rõ ảnh hưởng của đập khuôn vai trò giới, cung cấp những điểm đặc trưng trong việc phát triển nghề cho nhóm phụ nữ, nhóm dân tộc thiểu số và các nhóm khác, đồng thời phân loại các khía cạnh về lý thuyết học tập xã hội và mối liên hệ của nó với sự phát triển nghề.

Ở Việt Nam, vấn đề hướng nghiệp đã được một số tác giả bàn đến từ những năm 60 của thế kỷ XX, nhưng phải đến những năm 80 của thế kỷ này thì mới được Nhà nước thật sự quan tâm khi nhận rõ nhu cầu chuẩn bị cho học sinh có kỹ năng bước vào cuộc sống.

Tóm lại, xem xét lịch sử phát triển ngành tư vấn cho thấy, tất cả những nhà tư vấn đều nhận rõ những khác biệt cá nhân và cho rằng cần chú ý đến những khác biệt này trong quá trình giáo dục nghề. Ví dụ, Carl Rogers đã nhấn mạnh đến tính duy nhất của mỗi cá nhân và nhà tư vấn sẽ làm việc để giúp cá nhân nhận ra những điểm mạnh của mình và phát triển những điểm mạnh đó. Alfred Adler đã áp dụng tư vấn nhóm cho trẻ em trong tìm kiếm việc làm và hỗ trợ kỹ năng sống ở Hoa Kỳ trong những năm 1940. Frank Parsons được coi là cha đẻ của tư vấn hướng nghiệp. Hiệp hội Tư vấn Hoa Kỳ (ACA-American Counseling Association) ngay từ những năm đầu thành lập, năm 1952, cũng mang tên một tổ chức hiệp hội có chức năng chính là chức năng hướng nghiệp (National Vocational Guidance Association, NVGA). Tuy nhiên, để đáp ứng nhu cầu phát triển, hiện nay hiệp hội đã đổi tên và mở rộng thêm những phạm vi hoạt động của mình, trong đó phân ngành tư vấn hướng nghiệp được coi là một phân ngành có lịch sử lâu đời nhất và có số thành viên đông nhất trong ACA.

1.2. Các hướng nghiên cứu tư vấn hướng nghiệp

Hướng nghiên cứu lý thuyết tư vấn hướng nghiệp

Qua quá trình phát triển, đến nay, người ta đã thống kê được nhiều lý thuyết tư vấn hướng nghiệp với ba kiểu phân loại chính: (1) Phân loại dựa trên các đặc điểm nhân cách; (2) Phân loại dựa trên quá trình phát triển của con người và (3) Phân loại dựa trên quá trình xử lý thông tin. Các lý thuyết hướng nghiệp này đã định hướng cho việc

xây dựng các công cụ đánh giá sử dụng trong tư vấn hướng nghiệp. Ví dụ, từ lý thuyết của Parson, William đã phát triển thang đo đánh giá nghề nghiệp tại trường Đại học Minnesota có tên là Minnesota Occupational Rating Scales, từ lý thuyết của Holland, một thang tự đo về nghề nghiệp đã được phát triển là SDS (Self-Directed Search), hay từ lý thuyết của Ann Roe một hệ thống tham khảo nghề nghiệp đã ra đời (Career Occupational Preference System). Những người có nhu cầu tìm kiếm việc làm có thể sử dụng những công cụ hỗ trợ này để tìm cho mình những việc làm phù hợp nhất.

Cùng với sự ra đời của các lý thuyết hướng nghiệp thì những nghiên cứu về các đặc trưng nghề nghiệp cũng được nhiều tổ chức và các nhà nghiên cứu quan tâm. Năm 1468, tác giả Sanches de Arevalo đã đưa ra hệ thống phân loại nghề nghiệp. Vào những năm 1800, ở Anh và Mỹ đã xuất hiện một số thông tin liên quan đến hướng nghiệp và mô tả nghề nghiệp (Zytosky, 1972). Đây được coi là những nghiên cứu bước đầu cung cấp thông tin định hướng nghề nghiệp trong xã hội. Sau này B. Jesse David có những nghiên cứu về hướng nghiệp mang tính giáo dục và tổng thể hơn. Ông cho rằng, việc hướng dẫn mang tính nhân đạo và có ý thức giáo dục trong trợ giúp con người tìm việc sao cho phù hợp với đặc điểm của cá nhân là nhân tố chính cho sự tồn tại và phát triển của một cá nhân trong một xã hội đầy biến động. Thuật ngữ Counseling (tư vấn, tham vấn) được ông sử dụng lần đầu tiên khi thiết lập trung tâm tư vấn hướng nghiệp giáo dục tại Detroit năm 1898 [11].

Hướng nghiên cứu và ứng dụng trắc nghiệm tâm lý như công cụ kỹ thuật của tư vấn hướng nghiệp

Nói đến sự phát triển của tư vấn hướng nghiệp thì chúng ta luôn phải nói đến sự phát triển và đóng góp to lớn của các trắc nghiệm tâm lý. Từ những năm đầu của thế kỷ XX, những trắc nghiệm tâm lý đã có những hỗ trợ rất lớn cho các nhà tư vấn trong việc giúp cá nhân lựa chọn nghề nghiệp phù hợp. Ví dụ, trong Chiến tranh thế giới thứ I và Chiến tranh thế giới II, các nhà tâm lý học đã sử dụng trắc nghiệm Army Alpha và Army Beta để lựa chọn ra những người có đủ năng lực trí tuệ phục vụ trong quân đội. Một trắc nghiệm khác nhằm kiểm tra mức độ tâm thần và tình cảm có tên là Woodworth Personal Data Sheet cũng đã được xây dựng, và sau thời gian đó là sự ra đời của hàng loạt những bảng kiểm cá nhân. Hiện nay, các trắc nghiệm tâm lý, bảng kiểm, bảng tự đánh giá cá nhân... là những công cụ đặc lực cho tư vấn hướng nghiệp. Các nhà tư vấn hướng nghiệp còn sử dụng rất nhiều các bảng kiểm ngắn, đơn giản, hình thức đa dạng để giúp cho khách hàng tìm hiểu về chính bản thân và những nghề nghiệp liên quan.

Sự ra đời của các trắc nghiệm khác nhau đã giúp cho các nhà tư vấn có được những công cụ, kỹ thuật quan trọng để đánh giá những đặc điểm tâm lý của đối tượng trong tư vấn học đường và định hướng nghề nghiệp hay tuyển dụng, sử dụng lao động trong xã hội [11].

Hướng nghiên cứu yếu tố văn hóa trong tư vấn hướng nghiệp

Việc tìm ra những khác biệt về văn hóa để có những hình thức hướng nghiệp phù hợp cũng là một trong những

vấn đề dành được nhiều sự quan tâm của các nhà nghiên cứu và nhà tư vấn. Ví dụ, nhiều chương trình đào tạo tư vấn hướng nghiệp tại các trường đại học ở Mỹ đã đề cập đến yếu tố chủng tộc và dân tộc trong khi làm hướng nghiệp cho học sinh. Dựa trên đặc điểm văn hóa, lối sống, nhiều chương trình tư vấn hướng nghiệp dành cho những người gốc châu Á, Nam Mỹ đã thay đổi hình thức tiếp cận cơ bản. Chẳng hạn, việc thực hiện hướng nghiệp cho những học sinh Mỹ thường là sự tiếp cận mang tính cá nhân thì việc thực hiện hướng nghiệp cho học sinh châu Á và Nam Mỹ là sự tiếp cận nhóm.

Ở Việt Nam, những nghiên cứu tâm lý học trên bình diện lý luận trong nhiều năm qua, đặc biệt là những nghiên cứu về giao tiếp, nhân cách, mối quan hệ xung đột cá nhân trong gia đình, xã hội; các nghiên cứu sâu về vấn đề trẻ em, người già, người khuyết tật... đã tạo cơ sở lý luận cho tham vấn tâm lý ở Việt Nam. Tuy nhiên, những nghiên cứu về tư vấn hướng nghiệp còn ít.

Trong hơn ba thập niên gần đây, ở Việt Nam đã có một số nghiên cứu thực tiễn về hướng nghiệp, tiêu biểu là các công trình nghiên cứu như: *Hướng nghiệp cho nữ sinh phổ thông trung học* (1973); *Phụ nữ và nghề nghiệp* (1978); *Nghề em yêu thích* (1985) của Phạm Tất Dong; *Sự lựa chọn tương lai* (2000) của Phạm Tất Dong và Nguyễn Như Ất; *Thị trường lao động và định hướng nghề nghiệp cho thanh niên* (2005) của Nguyễn Hữu Dũng; *Một số vấn đề về hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở trường trung học phổ thông* (2005) của Phùng Đình Mẫn, Phan Minh Tiến, Trương Thanh Thủy; *Tuổi trẻ và nghề nghiệp* của Tổng cục Dạy nghề; *Tôi chọn nghề* (2007) - Tủ sách hướng nghiệp nhất

nghệ tinh của Nxb. Kim Đồng do Nguyễn Thắng Vu, Phạm Quang Vinh chủ biên... Các công trình này đã đề cập đến những vấn đề cần chú ý khi mỗi cá nhân ra các quyết định lựa chọn nghề nghiệp cho bản thân.

Ngoài ra còn có một số tác giả khác như Lê Đức Phúc với nghiên cứu *Chẩn đoán tâm lý đương đại trong tư vấn hướng nghiệp* đã đề xuất sự phối kết hợp giữa chẩn đoán tâm lý với tư vấn nghề. Tác giả Trần Trọng Thủy đã nghiên cứu và giới thiệu khả năng ứng dụng trắc nghiệm khuôn mẫu hình tiếp diễn của Raven vào nghề tư vấn, Đặng Danh Ánh nhấn mạnh vai trò của công tác hướng nghiệp cho học sinh và đề cập đến các nội dung và quy trình làm việc với học sinh về tư vấn hướng nghiệp trong một số nghiên cứu của mình...

Tóm lại, tư vấn hướng nghiệp đã có lịch sử phát triển lâu đời. Hoạt động tư vấn hướng nghiệp phát triển nhất ở Hoa Kỳ, nơi các nhà tư vấn học đường áp dụng nhiều hình thức tư vấn hướng nghiệp nhất cho đối tượng học sinh. Với sự hỗ trợ của các lý thuyết hướng nghiệp, các trắc nghiệm tâm lý, tư vấn hướng nghiệp đã giúp cá nhân mỗi học sinh tự tìm hiểu về trí tuệ, năng lực, hứng thú, sở thích của mình, cung cấp cho các em những thông tin cần thiết để đưa ra được những quyết định nghề nghiệp phù hợp nhất với bản thân.

1.3. Một số khái niệm cơ bản của đề tài

Khái niệm tư vấn

Thuật ngữ counseling trong tiếng Anh được chuyển sang tiếng Việt chủ yếu thành hai thuật ngữ là “tư vấn”

và “tham vấn”. Hiện nay giữa các nhà chuyên môn còn chưa có sự thống nhất trong việc sử dụng những thuật ngữ này. Một số người đề nghị rằng trong lĩnh vực tâm lý học thì nên sử dụng thuật ngữ “tham vấn”, bởi tham vấn tâm lý khác với tư vấn trong các lĩnh vực khác của đời sống ở chỗ, nhà tham vấn không được phép cho khách hàng những lời khuyên (như trong tư vấn), mà chủ yếu bằng các thủ pháp chuyên môn khác nhau, kích lệ khách hàng để họ tự tìm ra cách giải quyết vấn đề của mình một cách phù hợp nhất. Tuy nhiên, một số tác giả khác lại sử dụng thuật ngữ “tư vấn” với nội hàm chung, bao gồm cả tham vấn tâm lý. Trong đề tài này chúng tôi thống nhất dùng thuật ngữ “tư vấn hướng nghiệp” với hàm ý rằng hoạt động tư vấn hướng nghiệp là một loại hoạt động phức hợp, sử dụng tri thức của nhiều lĩnh vực khác nhau. Trong quá trình làm việc, nhà tư vấn hướng nghiệp vừa có thể sử dụng các biện pháp tâm lý làm cho khách hàng hiểu rõ bản thân, những mặt mạnh, mặt yếu của họ, vừa cung cấp cho khách hàng những thông tin cần thiết liên quan đến các ngành nghề khác nhau trong xã hội, từ đó hướng dẫn hoặc đề xuất cho khách hàng những cách thức/phương án lựa chọn ngành nghề trên cơ sở phân tích sự phù hợp giữa năng lực, sở thích, điều kiện cá nhân và những yêu cầu của nghề, yêu cầu của thị trường lao động...

Khái niệm hướng nghiệp (Career guidance)

Các nhà tâm lý học Mỹ cho rằng: “Hướng nghiệp là một quá trình giúp cho cá nhân tìm hiểu nghề và những phẩm chất nhân cách của mình, trên cơ sở đó lựa chọn một nghề phù hợp”[8].

Theo tác giả Đặng Danh Ánh: “Hướng nghiệp là một hoạt động của các tập thể sư phạm, của các cán bộ thuộc các cơ quan, nhà máy khác nhau, được tiến hành với mục đích giúp cho học sinh chọn nghề đúng đắn phù hợp với năng lực, hứng thú, thể lực và tâm lý của cá nhân, với nhu cầu nhân lực của xã hội. Hướng nghiệp là một bộ phận cấu thành của quá trình giáo dục – học tập trong nhà trường” [8].

Theo các tác giả Phạm Minh Hạc, Lê Khanh, Trần Trọng Thủy, Phạm Hoàng Gia thì xét về nội dung và mục đích, hướng nghiệp là một hệ thống công tác giảng dạy, giáo dục được tổ chức một cách đặc biệt, nhằm hình thành ở học sinh một xu hướng nghề nghiệp có tính đến nhu cầu của xã hội, trên cơ sở đó tự xác định nghề nghiệp của mình. Bản chất tâm lý của công tác hướng nghiệp là hệ thống các hoạt động nhằm điều khiển động cơ chọn nghề của học sinh [15].

Như vậy có thể thấy rằng các định nghĩa trên đây đều có điểm chung coi hướng nghiệp là hoạt động nhằm giúp con người chọn nghề phù hợp với nhu cầu của xã hội, với năng lực và nguyện vọng của cá nhân.

Hướng nghiệp không chỉ liên quan tới học sinh. Hướng nghiệp là thuật ngữ còn được dùng để chỉ những dịch vụ hoặc hoạt động với mục đích hỗ trợ các cá nhân ở mọi lứa tuổi và vào mọi thời điểm trong cuộc đời đưa ra những lựa chọn về đào tạo, học tập, nghề nghiệp và quản lý sự nghiệp của mình. Những dịch vụ này có thể ở các trường trung học, các trường đại học, cao đẳng, các tổ chức đào tạo, dịch vụ tuyển dụng công, ở nơi làm việc, ở khu vực tư nhân,

tình nguyện hoặc cộng đồng. Những hoạt động này có thể được tiến hành cho một cá nhân hoặc một nhóm cá nhân, có thể trực tiếp theo kiểu “mặt đối mặt” hoặc gián tiếp, qua tiếp xúc từ xa như qua điện thoại, qua website... Những hoạt động này bao gồm cung cấp thông tin nghề nghiệp (bằng ấn bản, trên mạng hoặc các hình thức khác), thực hiện các đánh giá và hướng dẫn tự đánh giá, phỏng vấn, tư vấn, những chương trình giáo dục nghề nghiệp để giúp các cá nhân phát triển nhận thức về bản thân, nhận biết cơ hội và những kỹ năng quản lý sự nghiệp), chương trình thử (lựa chọn mẫu trước khi lựa chọn chính thức), chương trình tìm kiếm việc làm và những dịch vụ chuyển tiếp [12].

Bên cạnh đó, hướng nghiệp còn được hiểu là hệ thống biện pháp tác động xã hội (gia đình, nhà trường, xã hội) đến nhận thức, thái độ và hành vi lựa chọn nghề và trường đào tạo nghề của thanh niên. Kết quả là làm thay đổi nhận thức, thái độ và hành vi chọn nghề (chọn trường học) của đối tượng theo chiều hướng tạo ra sự phù hợp giữa sự lựa chọn của cá nhân với các yêu cầu của nghề được chọn, qua đó đảm bảo lợi ích tối đa của cá nhân và xã hội, khai thác và sử dụng triệt để khả năng, tiềm năng và ưu thế của cá nhân trong việc hành nghề trong suốt cuộc đời và đảm bảo sự khai thác hợp lý nguồn nhân lực trong sự phát triển kinh tế của xã hội [5].

Với cách hiểu trên về hướng nghiệp, chúng ta có thể nhận thấy hướng nghiệp được xem là quá trình trợ giúp một người phát triển và chấp nhận một bức tranh toàn diện về bản thân và vai trò của cá nhân này trong thế giới công việc. Một mục tiêu quan trọng nữa của hướng nghiệp

là trợ giúp cho các cá nhân tìm thấy sự thỏa mãn, hứng thú trong môi trường làm việc. Hướng nghiệp là quá trình giúp các cá nhân nhận biết về bản thân họ, giá trị và năng lực của họ và những yêu cầu của thế giới công việc để họ có quyết định chín chắn về nghề nghiệp mà họ sẽ chọn.

Hướng nghiệp bao gồm tất cả những thành phần dịch vụ và hoạt động tại các viện nghiên cứu giáo dục, cơ sở và các tổ chức tư vấn đưa ra các chương trình tư vấn giáo dục liên quan đến nghề.

Như vậy hướng nghiệp sẽ giúp học sinh có được ba mảng kiến thức sau: tự nhận thức về bản thân, khám phá thế giới nghề nghiệp, và đưa ra những quyết định đúng đắn.

- *Tự nhận thức về bản thân*: là quá trình thu thập thông tin về những hứng thú, năng lực và giá trị của bản thân. Để xác định được điều này, học sinh cần phải trả lời được những câu hỏi: Tôi là người như thế nào? Tôi thích làm những loại việc gì? Tôi có những điểm mạnh và điểm yếu nào về năng lực? Tôi có những điều kiện gì đặc thù liên quan đến gia đình, kinh tế, xã hội và định hướng giá trị của tôi trong cuộc sống, nghề nghiệp...

- *Khám phá thế giới nghề nghiệp*: Tìm hiểu những thông tin về thế giới nghề nghiệp trong xã hội hiện nay và trong tương lai, triển vọng phát triển của các ngành nghề khác nhau trong sự phát triển của xã hội, nhu cầu xã hội về nhân lực các ngành nghề khác nhau. Tìm hiểu sâu hơn về những ngành nghề mà cá nhân ưa thích hoặc được cho là phù hợp năng lực và những điều kiện khác của bản thân, những yêu cầu về trình độ và kỹ năng của các ngành

nghề đó đối với người lao động nói chung và thậm trí đối với người lao động ở những vị trí công việc khác nhau nói riêng, những địa bàn có thể hành nghề, những nguồn thu nhập từ những nghề đó có thể có, những cơ hội phát triển.

- *Ra quyết định chín chắn*: là quá trình khám phá những khả năng khác nhau, thu hẹp các khả năng và rồi chọn ra khả năng đúng để đưa ra quyết định nghề nghiệp một cách đúng đắn nhất. Lúc này cá nhân nên: so sánh giữa những thuận lợi và không thuận lợi của những khả năng lựa chọn khác nhau, tham khảo ý kiến của những người khác, cân nhắc và ra quyết định lựa chọn cuối cùng.

Theo tác giả Đặng Danh Ánh, quá trình hướng nghiệp là một quá trình lâu dài. Quá trình này được chia thành bốn giai đoạn tạo nên sự thống nhất ảnh hưởng đến các thời kỳ phát triển nghề nghiệp của con người. Bốn giai đoạn này bao gồm: 1) Giai đoạn giáo dục nghề và tuyên truyền nghề. Mục đích của giai đoạn này là cung cấp một số kiến thức về nghề nghiệp và hình thành hứng thú đối với nghề nghiệp cho học sinh; 2) Giai đoạn tư vấn nghề, sử dụng các trắc nghiệm để đánh giá năng lực, sở thích của học sinh với mục đích giúp học sinh chọn nghề trên cơ sở khoa học; 3) Giai đoạn tuyển chọn nghề xác định sự phù hợp của học sinh với một nghề hoặc một lĩnh vực lao động nào đó; 4) Giai đoạn thích ứng nghề là giai đoạn giúp con người dần làm quen với lao động nghề nghiệp.

Hướng nghiệp là một quá trình lâu dài, có thể bắt đầu từ những năm đứa trẻ còn rất nhỏ – ngay từ lứa tuổi mẫu giáo (chẳng hạn, một số thiên tài âm nhạc trên thế giới đã được cha mẹ hướng nghiệp từ những năm 4 – 5 tuổi) và

việc ra quyết định đúng đắn chỉ là kết quả cuối cùng của quá trình này. Ở một số nước, hướng nghiệp được bắt đầu từ cấp tiểu học. Ở Việt Nam, vấn đề phân ban ở trung học phổ thông hiện nay thực chất là vấn đề hướng nghiệp.

Tư vấn hướng nghiệp (tư vấn chọn nghề)

Để có thể lựa chọn được nghề nghiệp một cách khoa học thì mỗi cá nhân cần biết kết hợp hài hoà những nhân tố/điều kiện khác nhau. Theo Đặng Danh Ánh, tiêu chuẩn cơ bản để chọn nghề đúng là biết kết hợp hài hoà hai nhóm yếu tố có liên kết chặt chẽ với nhau, tác động lẫn nhau.

- Nhóm các yếu tố khách quan gồm:

+ Các đặc điểm yêu cầu của nghề: đối tượng lao động, công cụ lao động, nội dung lao động, các yêu cầu về tâm - sinh lý, chống chỉ định y học, nơi đào tạo, tiền lương khi đi làm. Trong đó những yêu cầu về tâm - sinh lý đặc biệt quan trọng vì chúng đòi hỏi người hành nghề phải có để có thể hoàn thành công việc. Những yêu cầu này gồm: những yêu cầu về sinh lý - y tế như chiều cao, cân nặng, khả năng chịu đựng, sức bền bỉ, dẻo dai, tính nhanh nhạy của các giác quan; những yêu cầu về năng lực trí tuệ chung như chú ý, trí nhớ, tư duy, ngôn ngữ, tưởng tượng không gian và các năng lực chuyên biệt; những yêu cầu về kỹ xảo vận động, kỹ xảo trí tuệ, kỹ xảo giao tiếp, kỹ xảo cảm giác - vận động; những yêu cầu về nhân cách, hứng thú, khuynh hướng, khí chất, tính cách...

+ Nhu cầu nhân lực của thị trường lao động trên quy mô địa phương, quốc gia trong quá trình phát triển.

- Nhóm các yếu tố chủ quan thuộc về chủ thể chọn nghề gồm: tình trạng sức khoẻ và các giác quan; những năng lực trí tuệ chung và chuyên biệt; khả năng vận động và phối hợp các động tác; những mặt biểu hiện của nhân cách như động cơ nghề nghiệp, thái độ lao động, hứng thú, khuynh hướng và năng lực nghề nghiệp, tính cách và khí chất... [9].

Như vậy, để có thể lựa chọn được nghề nghiệp phù hợp, học sinh phải có kiến thức về các vấn đề nêu trên. Những kiến thức này học sinh có thể có được nhờ tham gia vào hoạt động hướng nghiệp của các tổ chức, cá nhân khác nhau. Tư vấn hướng nghiệp là một khâu của hoạt động này, nó gắn kết một cách chặt chẽ hơn với việc đưa ra các quyết định lựa chọn ngành nghề và nơi đào tạo. Vì vậy, có khi còn được gọi là tư vấn chọn nghề [9].

Trong tư vấn hướng nghiệp, các nhà chuyên môn sử dụng hệ thống các biện pháp tâm lý, giáo dục và y học nhằm phát hiện và đánh giá nhân cách của học sinh, giúp các em chọn nghề một cách có cơ sở khoa học. Nói cách khác, tư vấn hướng nghiệp là việc đối chiếu những yêu cầu của nghề, yêu cầu của thị trường lao động với hứng thú, khuynh hướng và năng lực của học sinh, cùng các em hình thành quyết định nên học nghề nào thì phù hợp với bản thân [9].

Theo tác giả Đặng Danh Ánh, cần phân biệt *Tư vấn hướng nghiệp* (hay còn gọi là hướng nghiệp nghề) với *Tư vấn hướng học* (hay còn gọi là hướng nghiệp học đường). Đối tượng trọng tâm của tư vấn hướng học ở Việt Nam hiện nay là học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở. Dựa trên

nên là những phẩm chất trí tuệ và hứng thú môn học của học sinh THCS, những người làm tư vấn hướng học giúp các em lựa chọn ban học ở cấp THPT để có thể phát huy được nhiều nhất, mạnh nhất những ưu thế của bản thân.

Cũng theo tác giả Ánh, ở nước ta hiện nay tư vấn hướng nghiệp đã được đề cập trong nhiều tài liệu, nhưng tư vấn hướng học vẫn là mảnh đất hoang ít người khai phá. Trên thực tế, chưa có một công trình nghiên cứu nào đánh giá thật đầy đủ, toàn diện với những luận cứ khoa học vững chắc về vấn đề phân ban ở nước ta hiện nay. Điều này dẫn đến tình trạng là khi triển khai đại trà phân ban ở cấp THPT thì tỷ lệ học sinh đăng ký vào học ở các ban khác nhau quá chênh lệch. Theo thống kê tại cuộc họp triển khai đại trà sách giáo khoa lớp 11 (tháng 10/2006) do Bộ Giáo dục - Đào tạo tổ chức thì tỷ lệ học sinh ở ban Cơ bản ở nhiều địa phương chiếm trên 70%, có nơi trên 80% [10].

Người ta còn phân biệt tư vấn hướng nghiệp với tư vấn nghề nghiệp (Career counseling). Tư vấn nghề nghiệp bao gồm tất cả những hoạt động tư vấn gắn với những lựa chọn nghề nghiệp trải dài trong toàn bộ cuộc đời của cá nhân, trong khi đó tư vấn hướng nghiệp quan tâm chủ yếu đến việc tư vấn chọn nghề cho học sinh trong các trường thuộc hệ thống giáo dục phổ thông. Như vậy, nội hàm khái niệm tư vấn nghề nghiệp bao hàm cả nội hàm khái niệm tư vấn hướng nghiệp. Trong quá trình tư vấn nghề nghiệp, tất cả những vấn đề liên quan đến cá nhân (như gia đình, công việc, và thời gian rỗi...) đều được xem như những nguồn thông tin không thể thiếu trong việc hình thành và xây dựng các quyết định về nghề nghiệp [24].

Người ta cũng phân biệt tư vấn hướng nghiệp với giáo dục hướng nghiệp. Theo tác giả Đặng Danh Ánh giáo dục hướng nghiệp trong trường phổ thông có 5 nhiệm vụ chính:

1. Giúp học sinh làm quen với “thế giới nghề nghiệp” theo bảng phân loại nghề; làm quen với những nghề cụ thể. Nhiệm vụ này được tiến hành trong suốt những năm học sinh ngồi trên ghế nhà trường.

2. Hình thành hứng thú và năng lực nghề nghiệp cho học sinh.

3. Giúp học sinh hiểu rõ về năng lực, động cơ, hứng thú... đối với nghề nghiệp

4. Giáo dục cho học sinh có thái độ lao động đúng đắn đối với mọi ngành nghề trong xã hội.

5. Tư vấn hướng nghiệp cho học sinh.

Như vậy khái niệm giáo dục hướng nghiệp rộng hơn khái niệm tư vấn hướng nghiệp.

Chương II

MỘT SỐ LÝ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP

2.1. Một số lý thuyết tư vấn hướng nghiệp

Theo các nhà tư vấn nghề nghiệp của Mỹ, hiện nay có ba cách thức phân loại cơ bản nhất về tư vấn nghề nghiệp. Phân loại dựa trên các đặc điểm nhân cách, phân loại dựa trên các giai đoạn phát triển của con người và phân loại dựa trên quá trình xử lý thông tin và ra quyết định.

Cách thức phân loại thứ nhất, phân loại dựa trên các đặc điểm nhân cách, bao gồm lý thuyết của Parsons mang tên Nhân cách và yếu tố (*Trait and Factor*), Lý thuyết nhu cầu của Ann Roe (*Need Approach*), Lý thuyết của Holland.

Parsons cho rằng, thông qua việc các cá nhân làm các trắc nghiệm tâm lý, nhà tư vấn sẽ phát hiện ra những đặc điểm nhân cách khác nhau của mỗi con người. Sau khi tìm ra các đặc điểm nhân cách của mỗi cá nhân, nhà tư vấn giúp những cá nhân đó tìm hiểu về phân loại các công việc đang có trong thị trường lao động. Và việc làm cuối cùng là kết hợp giữa những đặc điểm nhân cách với những việc làm phù hợp. Người phát triển quan điểm của Parsons

chính là Williamson. Theo các tác giả của trường phái này, những đặc điểm nhân cách của mỗi con người sẽ được đo đạc một cách hết sức chính xác và việc lựa chọn nghề nghiệp sẽ tiến hành một lần trong đời. Vì vậy, việc tiến hành làm các trắc nghiệm được coi là một việc làm quan trọng nhất và cơ bản nhất. Thời điểm thịnh hành của lý thuyết này cũng chính là thời điểm những phương pháp đo đạc và trắc nghiệm tâm lý được áp dụng rộng rãi. Những nhà tư vấn lúc này sẽ có thể trả lời chính xác cho khách hàng "Với đặc điểm nhân cách của anh/chị như vậy, anh/chị sẽ chọn nghề A, và chỉ có nghề A là phù hợp với anh/chị". Tuy nhiên, đến nay lý thuyết này không còn được sử dụng rộng rãi, một mặt vì sự ra đời của nhiều lý thuyết mang tính ứng dụng hơn, mặt khác, do bản thân lý thuyết này có những hạn chế. Đối với những người làm tư vấn nghề nghiệp, việc phải trả lời cho khách hàng về quyết định nghề nghiệp cụ thể là rất khó khăn. Bên cạnh đó, yếu tố năng lực, sở thích, giá trị, những đặc điểm tính cách của con người luôn có sự thay đổi trong những giai đoạn khác nhau trong cuộc đời, vì vậy việc xác định nghề nghiệp tại một thời điểm nhất định mà không tính đến những sự thay đổi là một điều hạn chế.

Không phải là lý thuyết đầu tiên về tư vấn nghề nghiệp, nhưng lý thuyết có sức tồn tại lâu bền nhất và được sử dụng nhiều nhất hiện nay chính là lý thuyết của Holland. Theo John Holland (1992), lựa chọn nghề của cá nhân là một sự thể hiện tính cách trong thế giới nghề của cá nhân đó. Việc so sánh nhận thức về bản thân với việc

nhận thức về nghề dẫn đến kết quả là chấp nhận hoặc từ chối nghề. Ví dụ, một người có tính xã hội thích làm việc trong môi trường mà ở đó tạo cho họ cơ hội được tương tác với người khác (chẳng hạn, nghề dạy học). Trong khi đó, những người có thiên hướng kỹ thuật sẽ tìm những công việc mà ở đó họ được làm việc một cách yên tĩnh và ít phải tương tác với người khác. Holland nhấn mạnh đến tầm quan trọng về tự nhận biết bản thân trong việc tìm kiếm sự thỏa mãn và ổn định trong nghề. Vì vậy, ông cho rằng đặc điểm nhân cách của một con người cần phải được xem xét trong sự thống nhất với môi trường nghề nghiệp. Mục đích chính của tư vấn nghề nghiệp và cũng chính là việc của các nhà tư vấn nghề nghiệp là kết hợp giữa các kiểu loại nhân cách với những đặc điểm môi trường công việc.

Holland phân ra sáu hình thái/kiểu loại nhân cách cơ bản đó là: Kiểu thực tế (*Realistic*), Kiểu khám phá (*Investigate*), Kiểu nghệ sỹ (*Artistic*), Kiểu xã hội (*Social*), Kiểu quyết đoán, dám nghĩ, dám làm (*Enterprising*), Kiểu truyền thống/bảo thủ (*Conventional*). Holland cũng cho rằng con người có xu hướng sẽ tìm kiếm những môi trường làm việc mà ở đó người ta được thể hiện các đặc điểm nhân cách, thể hiện cái tôi của mình và có xu hướng tránh những môi trường làm việc không phù hợp với bản thân.

Các hình thái/kiểu nhân cách và những môi trường nghề nghiệp tương ứng (theo quan điểm của Holland)

(Đặc điểm của các kiểu nhân cách (Personal Styles))	Chủ đề/ Tên gọi (Themes)	Môi trường nghề nghiệp phù hợp
<p>Có thể thiếu những kỹ năng xã hội, yêu thích những công việc mang tính chính xác hơn là những việc mang tính trừu tượng; có vẻ yêu thích sự thẳng thắn, thực tế và không linh hoạt, thường có các khả năng về máy móc</p>	<p>Thực tế (Realistic – viết tắt là kiểu R)</p>	<p>Những công việc phù hợp là nghề xây dựng, kỹ sư điện, thao tác máy móc hoặc làm những công việc mang tính kỹ thuật cao như phụ trách kỹ thuật hàng không, làm thợ chụp hình, hay một vài loại nghề nghiệp mang tính dịch vụ khác</p>
<p>Có định hướng công việc rõ ràng, yêu thích toán và các khoa học, có thể được coi là người độc lập, có khả năng phân tích, có khả năng tính toán và giải quyết vấn đề theo tư duy đầu óc rõ ràng</p>	<p>Khám phá (Investigative Realistic – viết tắt là kiểu I)</p>	<p>Làm những công việc khoa học như nhà hóa học, vật lý, toán học hay làm những công việc có tính kỹ thuật cao như nhân viên kỹ thuật trong phòng thí nghiệm, cán bộ chương trình máy tính, và công nhân điện</p>

<p>Có xu hướng thể hiện bản thân thông qua các công trình nghệ thuật. Có thể xem như là những người có khả năng tưởng tượng, sống nội tâm, và độc lập. Đề cao giá trị mỹ học và sáng tạo ra các loại hình nghệ thuật</p>	<p>Nghệ sỹ (Artistic Realistic – viết tắt là kiểu A)</p>	<p>Làm nghệ sỹ điêu khắc, nhà thiết kế, hoạt động trong lĩnh vực âm nhạc như giáo viên dạy nhạc, chỉ huy dàn nhạc, và các nghệ sỹ hoạt động trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật. Làm những công việc liên quan đến văn chương như nhà văn, biên tập, hay phê bình văn học.</p>
<p>Yêu thích những mối tương tác xã hội và có kỹ năng giao tiếp xã hội tốt, quan tâm đến những vấn đề xã hội và có xu hướng thích hoạt động thiên về các loại hình dịch vụ và trợ giúp cộng đồng, rất yêu thích những hoạt động giáo dục</p>	<p>Xã hội (Social Realistic – viết tắt là kiểu S)</p>	<p>Làm trong lĩnh vực giáo dục như giáo viên, điều hành trong lĩnh vực giáo dục, giáo sư... Hoặc làm những công việc liên quan đến phúc lợi xã hội như nhà công tác xã hội, nhà xã hội học, tư vấn tái hòa nhập, y tá</p>
<p>Yêu thích vai trò của người lãnh đạo, có thể được miêu tả là những con người</p>	<p>Dám nghĩ, dám làm (Enterprising Realistic –</p>	<p>Làm những công việc liên quan đến quản lý như làm việc ở phòng quản lý nhân sự, giám</p>

<p>thích kiểm soát người khác, nhiều tham vọng và áp đặt, sử dụng khả năng ngôn ngữ nói rất tốt</p>	<p>viết tắt là kiểu E)</p>	<p>độc bán hàng, nhà sản xuất, bán bảo hiểm, môi giới bất động sản, và buôn bán ô tô</p>
<p>Có thể miêu tả như những con người thực tế, tự kiểm soát tốt, dễ gần, và không bảo thủ. Yêu thích những công việc mang tính trật tự và tổ chức ví dụ như thao tác số liệu, chạy chương trình, hay tổng hợp</p>	<p>Truyền thống, bảo thủ (Conventional Realistic – viết tắt là kiểu C)</p>	<p>Làm những công việc văn phòng, làm thủ quỹ, người giữ và phân công lịch làm việc, nhân viên ngân hàng, kế toán, trông cửa hàng, thủ thư, quản lý tiêu dùng, hoặc tiếp viên</p>

Holland nhấn mạnh rằng hành vi con người được quyết định bởi sự tương tác giữa các đặc điểm của cá nhân và môi trường. Trong quá trình ra quyết định liên quan đến lựa chọn nghề thì hứng thú của cá nhân với nghề có vai trò quan trọng. Chỉ số thông minh được xem là ít quan trọng hơn các đặc điểm nhân cách và hứng thú (Holland, 1966). Holland cũng cho rằng quá trình phát triển ở tuổi ấu thơ sẽ ảnh hưởng đến phát triển nhân cách của con người sau này.

Lý thuyết của Holland bị chỉ trích là quá đơn giản và mang tính phân biệt về giới. Những đặc điểm nhân cách

của cá nhân không chỉ thuộc vào một kiểu loại mà thường có xu hướng kết hợp vài ba kiểu loại. Ví dụ, người có xu hướng thực tế, xã hội khám phá và được viết tắt là RSI. Xuất phát từ lý thuyết của Holland, một thang tự đo trong định hướng nghề nghiệp có tên là Self-Directed Search (SDS) - Tự tìm kiếm nghề nghiệp - đã được xây dựng. Tuy nhiên, thang SDS chỉ đo được sở thích, hứng thú, mà không đo được năng lực thực tế của mỗi người. Người làm test này sẽ tự kiểm tra xem mình thích hoặc không thích gì.

Tóm lại, lý thuyết của Holland mô tả là chủ yếu, ít tập trung vào giải thích những nguyên nhân và thời gian phát triển thứ bậc về các kiểu mô hình nhân cách. Ông tập trung chủ yếu vào những yếu tố ảnh hưởng đến lựa chọn nghề hơn là đến quá trình phát triển dẫn đến lựa chọn nghề. Tuy nhiên, lý thuyết của ông đã cung cấp một hướng thực hành hữu ích hơn các lý thuyết khác. Thêm vào đó, hầu hết các vấn đề ông đưa ra đều được định nghĩa một cách rõ ràng, và chúng được dùng trong các đánh giá thực nghiệm.

Lý thuyết thứ ba trong phân loại dựa trên các đặc điểm nhân cách là lý thuyết của Ann Roe. Lý thuyết này còn được gọi với một tên khác là lý thuyết nhu cầu (*Need Approach*). Lý thuyết của Roe bắt nguồn từ phân tâm học, bà nhấn mạnh rằng những trải nghiệm đầu đời có liên quan chặt chẽ đến việc lựa chọn nghề nghiệp sau này của cá nhân, chúng đóng một vai trò quan trọng trong việc cá nhân tìm thấy sự thỏa mãn của mình trong một lĩnh vực nghề nghiệp nhất định. Cũng giống như những người theo

phân tâm học khác, Roe cho rằng vô thức có vai trò quan trọng trong quá trình quyết định nghề nghiệp. Việc lựa chọn nghề nghiệp sẽ giúp mỗi cá nhân thỏa mãn nhu cầu vô thức của bản thân mình. Lý thuyết của Roe có quan hệ chặt chẽ với thang nhu cầu của Maslow, trong đó những nhu cầu cơ bản của con người cần phải được thỏa mãn trước khi thỏa mãn những nhu cầu bậc cao và việc tìm kiếm nghề nghiệp nhằm thỏa mãn một trong những nhu cầu cơ bản của con người. Theo Roe, cấu trúc nhu cầu của cá nhân chịu ảnh hưởng nhiều nhất từ những thất bại và những thỏa mãn từ thời thơ ấu. Ví dụ, những người muốn làm những công việc mà có liên hệ với người khác là những người có nhu cầu nhiều về tình cảm và phụ thuộc. Những người chọn những công việc không liên quan đến con người thì các nhu cầu ở mức thấp nhưng nhu cầu về sự an toàn nổi trội hơn. Roe nhấn mạnh sự tương tác giữa con người và môi trường trong quá trình lựa chọn nghề nghiệp. Theo bà, những kết hợp giữa mối quan hệ đầu đời cha mẹ - con cái, những trải nghiệm về môi trường và các yếu tố di truyền xác định việc phát triển cấu trúc nhu cầu.

Roe đã đưa ra 8 lĩnh vực nghề nghiệp (*occupational field*) đó là: 1) Những nghề dịch vụ (*service*); 2) Những người là kinh doanh (*business contact*); 3) Những người làm tổ chức (*organizations*); 4) Những người làm công nghệ (*technology*); 5) Những người làm việc ngoài trời (*outdoor*); 6) Những người làm khoa học (*science*); 7) Những người làm trong lĩnh vực văn hóa (*general cultural*); 8) Những người làm nghệ thuật, giải trí (*art/entertainment*). Đồng thời, Roe cũng đưa ra sáu mức độ nghề nghiệp đó là: 1)

Chuyên nghiệp và quản lý bậc I - những người này có trình độ chuyên môn sâu, có khả năng quản lý, và quyết định của họ có ảnh hưởng quan trọng đến công việc của những người khác; 2) Chuyên nghiệp và quản lý bậc II - Những người này cũng có trình độ chuyên môn, có khả năng quản lý với quy mô nhỏ hơn và các quyết định của họ có ảnh hưởng ở phạm vi nhỏ hơn; 3) Bán chuyên nghiệp và kinh doanh nhỏ; 4) Những người lao động có kỹ năng; 5) Những người lao động bán kỹ năng; 6) Những người lao động không có kỹ năng.

Những nghiên cứu Roe đã dẫn bà đến việc khám phá các phong cách làm cha mẹ ảnh hưởng đến tính thứ bậc của nhu cầu và các mối quan hệ của các nhu cầu này với các phong cách sống sau này của người đó khi trưởng thành. Roe tuyên bố rằng những tương tác khác nhau giữa cha mẹ và con cái dẫn đến những lựa chọn nghề khác nhau. Bà cũng đưa ra ba mẫu hình cha mẹ: Những người quá bảo vệ con (*overprotective*), những người lảng tránh (*avoidant*), và những người chấp nhận (*acceptant*). Việc dạy dỗ các con và kỹ năng làm cha mẹ có ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách của trẻ, và sự ảnh hưởng đó thể hiện đứa trẻ có hướng tới con người hay không hướng tới con người trong quá trình lựa chọn nghề nghiệp sau này. Roe giả thuyết rằng các cá nhân thích làm việc với mọi người là những người được cha mẹ chăm sóc với sự ấm áp và chấp nhận, còn những người tránh liên lạc với người khác có cha mẹ với phong cách lạnh lùng và từ chối.

Những test phóng chiếu như Rorschach và TAT là bằng chứng ủng hộ cho lý thuyết nhu cầu của Roe. Xuất phát từ

lý thuyết của Roe, có một công cụ được phát triển và sử dụng rộng rãi trong tư vấn hướng nghiệp là Hệ thống tham khảo nghề nghiệp (*Career Occupational Preference System*).

Cách thức phân loại thứ hai là phân loại dựa trên quá trình phát triển. Tất cả các lý thuyết về quá trình phát triển đều tập trung tìm hiểu các giai đoạn thay đổi trong cuộc sống con người và ảnh hưởng của những thay đổi trong các giai đoạn phát triển của con người đến quyết định lựa chọn nghề nghiệp. Việc lựa chọn nghề nghiệp kéo dài và có khả năng thay đổi, đó không chỉ là một quyết định duy nhất được tiếp nhận trong một thời gian cụ thể cuộc đời mỗi con người. Những người đại diện tiêu biểu cho những lý thuyết phát triển là Ginzberg và các đồng sự, Gottfredson và Super.

Theo Ginzberg thì việc phát triển nghề nghiệp có ba giai đoạn chính: 1) Giai đoạn yêu thích (tưởng tượng - *fantasy*), giai đoạn này kéo dài đến 11 tuổi; 2) Giai đoạn thăm dò (chú ý, tập trung) từ 11 tuổi đến 17 tuổi, đây là giai đoạn mà khả năng và mối quan tâm của cá nhân cần được kiểm nghiệm; 3) Giai đoạn thực tế, từ 17 đến 20 tuổi. Ở giai đoạn này, những sự lựa chọn được đưa ra dựa trên sự cân nhắc về khả năng, nhu cầu.

Theo Ginzberg và các đồng sự, trong suốt giai đoạn tưởng tượng, trò chơi có ảnh hưởng rất lớn đến việc dần dần hình thành xu hướng nghề và hoạt động này phản ánh những sở thích ban đầu về các loại hoạt động khác nhau. Thông qua trò chơi sắm vai (vai trò xã hội – vai nghề) cá nhân có những đánh giá có giá trị ban đầu về thế giới nghề.

Giai đoạn thăm dò được chia làm 4 giai đoạn nhỏ. Trước tiên là giai đoạn hứng thú, trong suốt giai đoạn này cá nhân đưa ra những quyết định liên quan đến sở thích và không thích. Tiếp đến là giai đoạn khả năng được nhận thức về năng lực của một người khi liên quan đến những mong muốn về nghề. Thứ ba là giai đoạn giá trị, lúc này những nhận thức về kiểu nghề xuất hiện một cách rõ ràng hơn. Trong giai đoạn cuối cùng, giai đoạn chuyển dịch cá nhân nhận thức về quyết định lựa chọn nghề và tiếp theo là những trách nhiệm đi cùng với lựa chọn nghề.

Giai đoạn thực tế được chia làm 3 giai đoạn nhỏ. Giai đoạn đầu tiên là giai đoạn khám phá. Trong suốt giai đoạn này, cá nhân thu hẹp lựa chọn nghề trong từ 2 hoặc 3 khả năng, nhưng nhìn chung ở giai đoạn này xuất hiện mâu thuẫn trong tư tưởng và do dự. Tuy nhiên, trọng tâm nghề có phạm vi hẹp hơn. Trong giai đoạn thứ hai gọi là giai đoạn kết tinh, cam kết phạm vi nghề chuyên biệt được hình thành. Giai đoạn cuối cùng là sự định hướng rõ ràng, ở giai đoạn này cá nhân chọn nghề hoặc được đào tạo nghề cụ thể.

Ginzberg đưa ra khái niệm “đánh giá lạc quan”: mỗi cá nhân sẽ cố gắng hết khả năng để tận dụng những cơ hội mà người ta có thể có được ở thị trường lao động. Sau này, Ginzberg có một chút thay đổi trong cách nhìn nhận của mình, ông cho rằng quá trình lựa chọn nghề nghiệp là một quá trình mở và kéo dài suốt đời, việc thay đổi nghề nghiệp có thể diễn ra bất cứ lúc nào trong cuộc sống.

Lý thuyết của Gottfredson được gọi là lý thuyết điều kiện và thoả hiệp. Gottfredson lấy khái niệm cái tôi "self-

concept" là một thành phần quan trọng trong việc lựa chọn nghề nghiệp. Theo tác giả này, có bốn giai đoạn chính trong phát triển nghề nghiệp. 1) Giai đoạn định hướng về khả năng và giới hạn từ 3 đến 5 tuổi; 2) Giai đoạn định hướng về vai trò giới từ 6 đến 8 tuổi; 3) Giai đoạn định hướng các giá trị xã hội, từ 9-13 tuổi; và 4) Giai đoạn định hướng cho bản thân với những đặc điểm và giá trị duy nhất, từ 14 tuổi trở lên. Thông qua quá trình phát triển nghề nghiệp, mỗi cá nhân sẽ cân nhắc trước các điều kiện của chính bản thân, sau đó lựa chọn một số nghề nghiệp trong khuôn khổ có thể chấp nhận được thông qua quá trình thỏa hiệp. Những tưởng tượng về nghề nghiệp sẽ giúp cho cá nhân hiểu được về những loại nghề nghiệp, từ đó điều chỉnh, xây dựng một cái tôi có tính tương đối và điều này dẫn đến việc tìm được những loại nghề nghiệp mong ước và thỏa hiệp để lựa chọn được những nghề nghiệp phù hợp.

Lý thuyết thứ ba là lý thuyết phát triển nghề nghiệp và cuộc sống của Super. Super không nhấn mạnh khái niệm lựa chọn nghề nghiệp mà tập trung nhấn mạnh khái niệm phát triển nghề nghiệp và lý thuyết phát triển nghề nghiệp của Super được xem là lý thuyết gắn bó chặt chẽ nhất với tâm lý học phát triển. Cũng giống như Gottfredson, Super cũng coi trọng khái niệm về cái tôi trong quá trình lựa chọn nghề nghiệp của mỗi cá nhân, cái tôi của cá nhân đó sẽ được thể hiện một cách rõ rệt nhất. Theo Super, có 5 giai đoạn phát triển nghề nghiệp, đó là: 1) Phát triển (*growth*) - từ khi sinh ra đến lúc 14 tuổi, giai đoạn này mỗi cá nhân phát triển khả năng, năng lực, hứng

thú, nhu cầu; 2) Giai đoạn khám phá (*exploration*) từ 15 đến 24 tuổi. Giai đoạn này việc mỗi cá nhân lựa chọn nghề nghiệp như thế nào đã được giới hạn lại, nhưng vẫn chưa phải là giai đoạn lựa chọn cuối cùng; 3) Giai đoạn thiết lập (*establishment*) từ 24 đến 44 tuổi, ở giai đoạn này cá nhân đã có những lựa chọn nghề nghiệp cho mình một cách bền vững, ổn định công việc và tạo dựng những kinh nghiệm làm việc; 4) Giai đoạn duy trì (*maintenance*), từ 44 đến 64 tuổi, đây là giai đoạn tiếp tục điều chỉnh của mỗi cá nhân để hoàn thiện công việc của bản thân mình; 5) Giai đoạn giảm sút (*decline*), từ 65 tuổi trở lên, mỗi người đang xem xét việc nghỉ hưu của mình, giảm cường độ làm việc. Với mỗi giai đoạn phát triển nghề nghiệp, một nhiệm vụ cụ thể cho mỗi cá nhân được đưa ra. Ví dụ, ở giai đoạn từ 14 đến 18 tuổi, mỗi cá nhân phải thiết lập được cho mình những mục tiêu tổng quát về nghề nghiệp; từ 18 đến 21 tuổi mỗi cá nhân sẽ chuyển từ những chú ý của mình đến một số nghề nào đó sang việc lựa chọn nghề cụ thể; từ 21 đến 24 tuổi, mỗi cá nhân bắt đầu áp dụng những lựa chọn của mình thông qua việc hoàn thiện những khóa đào tạo và bắt đầu vào làm những công việc cụ thể. Một mô hình của Super được áp dụng nhiều trong tư vấn nghề nghiệp là mô hình cầu vồng "*rainbow*"- ứng với mỗi vòng, mỗi giai đoạn của cầu vồng, con người sẽ thực hiện những nhiệm vụ khác nhau ví dụ: Nhiệm vụ làm cha mẹ, nhiệm vụ của người lao động, người nội trợ, người công dân. Super cũng đưa thêm ra khái niệm nhà hát "*theaters*" với những vòng, bậc, vị trí khác nhau, và tương xứng với mỗi vị trí đó, con người sẽ thực hiện những nhiệm vụ nhất định (ví dụ như ở gia đình, ở trường học, ở nơi làm việc, ở cộng đồng sinh sống).

Cách phân loại thứ ba dựa trên quá trình xử lý thông tin và lựa chọn. Những lý thuyết trong cách phân loại này tập trung chú ý đến cách thức mỗi cá nhân xử lý các thông tin sẵn có trong quá trình đưa ra quyết định nghề nghiệp. Đại diện cho cách phân loại thứ ba này là Tiedeman, Krumbolt, và Gelatt.

Lý thuyết của Tiedeman có tên là lý thuyết về mô hình cá nhân hóa (*individualistic model*). Điều cơ bản nhất trong lý thuyết của Tiedeman là việc cá nhân chọn lựa nghề nghiệp như thế nào luôn gắn với việc xác định bản sắc cái tôi của mình (*ego identity*). Tiedeman đưa ra hai khái niệm và cũng là hai giai đoạn chính trong quá trình lựa chọn và phát triển nghề nghiệp: giai đoạn mong đợi (*anticipation*) và giai đoạn áp dụng (*implementation*). Ở giai đoạn mong đợi - mỗi cá nhân tưởng tượng về hình ảnh bản thân trong những nghề nghiệp cụ thể. Giai đoạn này bao gồm bốn quá trình nhỏ (khám phá, đúc kết, lựa chọn và làm rõ). Ở giai đoạn áp dụng, cá nhân tham gia vào một cuộc thử nghiệm thực tế khi xem xét các mong đợi về nghề nghiệp. Giai đoạn này cũng bao gồm bốn quá trình nhỏ đó là quy nạp thông tin, thay đổi, hợp nhất và duy trì. Tiedeman cho rằng, mỗi cá nhân hoàn toàn có năng lực lựa chọn nghề nghiệp cho bản thân mình, và điều này cũng giúp cho những người làm tư vấn hướng nghiệp không phải trả lời những câu hỏi như: "Nhà tư vấn, hãy nói cho tôi, hãy quyết định cho tôi xem tôi nên làm gì". Việc lựa chọn nghề nghiệp, tuy là một quá trình liên tục và có thể được diễn ra ở bất cứ giai đoạn nào trong cuộc đời, nhưng mỗi cá nhân phải tự đưa ra những quyết định liên quan đến nghề nghiệp tại những thời điểm cụ thể trong cuộc đời.

Lý thuyết thứ hai là lý thuyết học tập (*learning theory*). Những người đầu tiên đưa ra cách tiếp cận theo lý thuyết học tập xã hội để ra quyết định về nghề là Krumboltz, Mitchell và Gelatt từ năm 1975, và vài năm sau là Mitchell và Krumboltz năm 1990. Các tác giả này chịu ảnh hưởng lớn của Bandura và lý thuyết học tập xã hội của ông. Trong hoạt động hướng nghiệp, mặc dù vẫn coi trọng vai trò của yếu tố gen di truyền và yếu tố môi trường, Krumboltz tin rằng việc ra quyết định là một kỹ năng có thể học hỏi, ông đánh giá cao khả năng học hỏi của con người. Để làm rõ quan điểm của mình, Krumboltz chỉ rõ: 1) Mặc dù yếu tố gen di truyền có thể quy định khả năng đặc biệt hoặc hạn chế một số khả năng; 2) Những yếu tố bên ngoài có thể tác động và vượt quá sự kiểm soát của mọi người; và 3) Nhưng những kinh nghiệm có được qua học hỏi và kỹ năng giải quyết vấn đề vẫn là điều quan trọng nhất. Sở thích, hứng thú của con người chính là kết quả trực tiếp của quá trình học tập liên tục; thông qua học tập, sở thích và hứng thú của con người được tạo lập và cũng có thể được thay đổi. Điểm nổi bật trong lý thuyết của Krumboltz là việc khuyến khích những người đang trong quá trình tìm hiểu và quyết định nghề nghiệp đến thăm và làm việc thực tế tại các cơ sở hoạt động (*site visits*), điều này sẽ giúp cho họ có được kinh nghiệm thực tế nhiều hơn là việc chỉ học hỏi, nghiên cứu hay tư vấn tại văn phòng.

Theo thuyết học tập xã hội, quá trình phát triển nghề liên quan đến 4 yếu tố: 1) Khả năng bẩm sinh và những năng lực đặc biệt; 2) Các điều kiện môi trường và các sự kiện; 3) Các kinh nghiệm học tập; và 4) Các kỹ năng giải quyết công việc.

- *Khả năng bẩm sinh*, bao gồm những phẩm chất di truyền và những phẩm chất này có thể tạo nên những năng lực đặc biệt hoặc làm hạn chế các cơ hội nghề nghiệp của cá nhân. Các tác giả không giải thích mối quan hệ giữa các đặc điểm di truyền và các năng lực đặc biệt, nhưng họ tập trung vào các yếu tố cần được nhận biết cũng như những ảnh hưởng của nó đến quá trình quyết định nghề.

- *Các điều kiện môi trường và các sự kiện* là những yếu tố ảnh hưởng thường vượt quá tầm kiểm soát cá nhân. Những gì được nhấn mạnh ở đây là một vài sự kiện và hoàn cảnh trong môi trường của cá nhân ảnh hưởng đến các kỹ năng phát triển, các hoạt động, và các sở thích về nghề. Ví dụ, các chính sách của chính phủ điều chỉnh một vài nghề và giá trị của một vài nguồn tự nhiên trong môi trường. Các thảm họa tự nhiên như hạn hán và lũ lụt ảnh hưởng đến các điều kiện kinh tế cũng là những ví dụ về tác động vượt quá tầm kiểm soát của những cá nhân bị ảnh hưởng.

- *Những trải nghiệm học tập*. Yếu tố này bao gồm các trải nghiệm học tập mang tính trực quan và những trải nghiệm học tập liên tưởng. Các kinh nghiệm học tập trực quan được hiểu là những kinh nghiệm mà các cá nhân học được từ quan sát trực tiếp các hành động và thông qua tương tác với những người khác. Kết quả của hoạt động học tập và ảnh hưởng sau này của chúng đến kế hoạch và phát triển nghề được xác định chủ yếu từ mức độ nỗ lực hoạt động, từ khả năng bẩm sinh, các năng lực đặc biệt và các kỹ năng của cá nhân và từ chính các công việc của họ.

Các trải nghiệm học tập mang tính liên tưởng bao gồm những tương tác tích cực và tiêu cực với các yếu tố trung gian. Ví dụ, các câu nói như “tất cả các chính trị gia là không trung thực” và “tất cả các nhân viên ngân hàng đều giàu có” có ảnh hưởng đến nhận thức của cá nhân về các nghề này. Những sự liên tưởng này có thể được học thông qua các quan sát, viết bài luận và các bộ phim...

- *Các kỹ năng giải quyết công việc.* Bao gồm các kỹ năng như các kỹ năng giải quyết vấn đề, các thói quen làm việc, những xu hướng của trí tuệ, các trách nhiệm mang tính tình cảm và các trách nhiệm về mặt hình thức. Các kỹ năng này sẽ quy định kết quả của những vấn đề và những nhiệm vụ mà cá nhân phải đối mặt.

Mô hình học tập xã hội nhấn mạnh đến tầm quan trọng của kinh nghiệm có được thông qua học tập và ảnh hưởng của chúng đến lựa chọn nghề. Hình thành quyết định về nghề được xem là quá trình lâu dài và là kỹ năng quan trọng phải được dạy trong quá trình giáo dục và trong các chương trình tham vấn nghề. Khi dạy về các kỹ năng ra quyết định, các nhân tố ảnh hưởng đến lựa chọn nghề sẽ được nhấn mạnh.

Các yếu tố có ảnh hưởng đến những sở thích được giải thích trong mô hình học tập xã hội là quá trình nhận thức, các tương tác trong môi trường, các đặc trưng và đặc điểm nhân cách nổi trội.

Các yếu tố di truyền và môi trường có liên quan đến sự phát triển các sở thích. Ví dụ, một huấn luyện viên bóng rổ có thể động viên các cầu thủ của ông về các kỹ năng của

họ, nhưng người huấn luyện viên lại thích động viên những cầu thủ có vóc dáng cao lớn hơn là những cầu thủ có vóc dáng thấp hơn.

Các tác giả của hướng tiếp cận học tập xã hội nêu ra một số điều cần lưu ý đối với những người làm tư vấn nghề:

1. Ra quyết định về nghề nghiệp là một kỹ năng đã được học.

2. Cần giúp đỡ những người có nhu cầu lựa chọn nghề (lựa chọn nghề có thể được hình thành từ thông tin không chính xác và những khả năng khiếm khuyết).

3. Thành công trong lựa chọn nghề được quy định bởi kỹ năng ra quyết định của cá nhân (đánh giá về kỹ năng ra quyết định là cần thiết).

4. Các khách hàng có nhu cầu tư vấn đến từ nhiều nhóm khác nhau.

5. Các khách hàng không có lỗi khi họ không chắc chắn về nghề mà họ làm.

6. Không một nghề nào được xem là tốt nhất cho bất kỳ một cá nhân nào.

Theo Mitchell và Krumboltz (1996), con người trong xã hội hiện đại có nhiều lựa chọn nghề, họ phải đương đầu với 4 xu hướng cơ bản. Các nhà tư vấn nghề phải nhận thức được các xu hướng này và phải được chuẩn bị để giúp đỡ những người có nhu cầu tham vấn nghề. Bốn xu hướng đó là:

1. Con người cần phải mở rộng khả năng và hứng thú của mình và các quyết định không nên chỉ dựa trên những

đặc điểm hiện có của bản thân. Trên thực tế, nhiều người bị hạn chế bởi kinh nghiệm có được từ những hoạt động quen thuộc, trong khi đó họ có thể trở nên khác hẳn với nhiều hoạt động mà họ đã không có cơ hội để trải nghiệm. Vì vậy, các nhà tư vấn nghề nên hỗ trợ các cá nhân – khách hàng của mình khám phá những hoạt động mới, hơn là hướng họ đến việc ra quyết định nghề dựa trên những đặc điểm hiện có.

2. Con người cần chuẩn bị cho những thay đổi về mục tiêu làm việc. Trong xã hội hiện đại con người thường phải thay đổi vai trò theo yêu cầu nghề nghiệp và môi trường làm việc. Do vậy, các nhà tư vấn nghề cần phải chuẩn bị giúp các khách hàng học được những kỹ năng mới và có thái độ tích cực để họ thích ứng được với sự phát triển của nghề và xã hội.

3. Con người cần được trao quyền để hành động, có nhiều vấn đề liên quan đến các quyết định về nghề thường bị bỏ qua do thiếu thông tin. Nhà tư vấn phải giúp cho khách hàng có đủ thông tin cần thiết cho việc quyết định trong lựa chọn nghề.

4. Các nhà tư vấn nghề cần sẵn sàng giúp khách hàng đương đầu với tất cả các vấn đề liên quan đến nghề như thay đổi nghề, các mối quan hệ, những cản trở trong việc phát triển nghề, chứ không chỉ việc quyết định lựa chọn nghề.

Đại diện thứ ba trong cách phân loại dựa trên quá trình xử lý thông tin và lựa chọn là Gelatt. Lý thuyết của Gelatt được gọi là mô hình ra quyết định (*decision-making model*). Theo Gelatt, việc lựa chọn nghề nghiệp có thể được

xem là một hệ thống có thể dự đoán được, và thông tin đóng vai trò quan trọng nhất trong toàn bộ hệ thống này. Hệ thống dự đoán trong quá trình ra quyết định có thể phân ra theo ba tiêu chí: 1) Tiêu chí mang tính dự đoán (*predictive*); 2) Tiêu chí mang tính giá trị (*value*); và 3) Tiêu chí mang tính quyết định (*decision*). Gelalt gọi thông tin là năng lượng của các quyết định.

Mặc dù không được xem là gương mặt tiêu biểu trong cách phân loại thứ ba, phân loại dựa trên quá trình xử lý thông tin và ra quyết định trong lý thuyết hướng nghiệp, nhưng mô hình sáu bước ra quyết định của Bergland cũng được nhiều người đánh giá cao. Theo Bergland, sáu bước cơ bản đó là: 1) Xác định vấn đề; 2) Xem xét các lựa chọn thay thế; 3) Tập hợp thông tin; 4) Xử lý thông tin; 5) Lên kế hoạch và xác định các mục tiêu cụ thể; và 6) Thực hiện kế hoạch và đánh giá.

Lý thuyết con người thích ứng với môi trường

Lý thuyết này không nằm trong cách phân loại trên, song cũng là một lý thuyết hướng nghiệp rất đáng quan tâm. Đây là lý thuyết có một lịch sử lâu dài. Đầu những năm 90 của thế kỷ XX nó được xem là lý thuyết đánh giá công việc (TWA). Sau đó lý thuyết này được sửa đổi mở rộng hơn, bao gồm những mô tả về những khác biệt giữa cấu trúc nhân cách và kiểu nhân cách; giữa kiểu nhân cách và kiểu đánh giá. Lý thuyết này nhấn mạnh đến cách mà các cá nhân tương tác với cuộc sống hàng ngày của họ, cũng như cách họ tương tác với môi trường làm việc và đưa ra mô hình “con người - môi trường - sự tương thích” (PEC). Lý thuyết PEC đặt trọng tâm vào các bước giải

quyết mục tiêu. Công việc được coi là sự tương tác giữa con người và các nguồn thoả mãn/không thoả mãn nhu cầu cá nhân, phần thưởng, sự căng thẳng và các chỉ báo về khía cạnh tâm lý. Theo Dawis và Lofquist, các cá nhân mang những nhu cầu của mình vào môi trường công việc, và môi trường công việc phải đáp ứng các nhu cầu của cá nhân. Để tồn tại, ở mức độ nào đó, giữa cá nhân và môi trường làm việc phải đạt được sự tương thích.

Bốn điểm cơ bản trong lý thuyết của Dawis và Lofquist được tóm tắt như sau: 1) Nhân cách con người và môi trường làm việc nên phù hợp với nhau; 2) Các nhu cầu cá nhân là quan trọng nhất trong việc xác định cá nhân đó có phù hợp với môi trường làm việc không; 3) Các nhu cầu cá nhân và hệ thống củng cố là những điểm đặc trưng của môi trường làm việc; và 4) nơi làm việc tốt nhất là nơi mà thông qua đó những nhu cầu đặc trưng của người lao động phù hợp với những yêu cầu của môi trường làm việc.

Tóm lại, thông qua nghiên cứu của mình, Lofquist và Dawis (1984) đã cho thấy thoả mãn về công việc là chỉ báo có ý nghĩa đối với việc điều chỉnh nghề. Lý thuyết về điều chỉnh nghề có một số gợi ý sau đây cho các nhà tư vấn nghề:

1. Thoả mãn nghề nên được đánh giá theo một vài yếu tố như sự thoả mãn với những người lao động khác và với người giám sát, kiểu công việc, sự tự chủ, trách nhiệm và các cơ hội tự bộc lộ về năng lực và đối xử với người khác.

2. Thoả mãn nghề là chỉ báo chủ yếu trong lĩnh vực tư vấn nghề, nhưng không phải là chỉ báo duy nhất để điều chỉnh nghề. Điều chỉnh nghề phải dựa trên cả các biến số

khác như năng lực của cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu của công việc.

3. Các nhu cầu và giá trị của cá nhân là những thành phần quan trọng trong thoả mãn nghề. Các yếu tố này nên được chú ý trong chương trình tư vấn nghề nhằm điều chỉnh nghề.

4. Các cá nhân khác nhau sẽ khác nhau trong việc nỗ lực để có được sự thoả mãn nghề. Do vậy, tư vấn nghề phải có tính chuyên biệt (cá nhân hoá) trong quá trình khám phá ra những sở thích, giá trị và nhu cầu của khách hàng.

Trong khung lý thuyết này, các nhà tư vấn nghề nên tính đến các nhu cầu thoả mãn về nghề của khách hàng để giúp cho họ nhận thấy trách nhiệm trong các môi trường làm việc. Thoả mãn về nghề là một chỉ báo có ý nghĩa trong việc xác định năng suất, đam mê với công việc và vị trí trong công việc. Các nhà tư vấn cũng nên sử dụng thông tin về nghề để trợ giúp cho khách hàng làm cho các nhu cầu, hứng thú và năng lực cá nhân phù hợp với các mô hình và mức độ nỗ lực khác nhau trong môi trường làm việc.

Lofquist và Dawins lưu ý các nhà tư vấn nghề có thể gặp khó khăn trong việc xác định những nỗ lực trong công việc bởi vì bị thiếu các nghiên cứu liên quan. Hiện nay có rất nhiều nghề trong thị trường lao động và xuất hiện nhiều công việc mới. Trong khi đó, lý thuyết về điều chỉnh nghề tập trung nhiều sự quan tâm vào tầm quan trọng trong việc đáp ứng sự thoả mãn cho người lao động. Trong tương lai, người lao động có thể phải điều chỉnh để tìm thấy sự thoả mãn trong những công việc khác nhau bằng việc sử dụng các kỹ năng cá nhân của mình hơn là kỹ năng có sẵn về một công việc.

Ngoài những lý thuyết nêu trên, còn một số lý thuyết khác xuất phát từ cách tiếp cận phân tâm của Bordin và Brill. Bordin cho rằng việc lựa chọn nghề nghiệp là một cách thức giải quyết những xung đột vô thức, trong khi Brill lại xem xét việc lựa chọn nghề nghiệp như một cơ chế tự vệ, cơ chế thăng hoa, con người sẽ thể hiện những nhu cầu khó có thể được chấp nhận bằng một hình thức dễ có thể được chấp nhận nhất. Ví dụ như, một người hung tính, thích đánh nhau sẽ lựa chọn công việc là võ sĩ đấm bốc.

Kể từ khi lý thuyết tư vấn hướng nghiệp đầu tiên ra đời, đến nay đã có rất nhiều lý thuyết xuất hiện và đi kèm với những lý thuyết là những bộ công cụ giúp cho người làm tư vấn hướng nghiệp và khách hàng có thể đo lường, đánh giá, và xem xét trước khi đưa ra một quyết định nghề nghiệp nào đó. Ngoài những lý thuyết được kể đến trong ba cách tiếp cận trên, còn rất nhiều lý thuyết khác không rơi vào bất cứ tiêu chí nào trong những cách tiếp cận trên, ví dụ như lý thuyết thể hiện nhu cầu (*needs-press theory*) của Murray, lý thuyết trưởng thành nghề nghiệp (*career maturity*) của Crites.

2.2. Một số mô hình tư vấn hướng nghiệp

2.2.1. Mô hình tư vấn nghề theo lý thuyết các đặc điểm nhân cách và lý thuyết con người phù hợp với môi trường

Mô hình tư vấn này gồm 7 giai đoạn:

Giai đoạn 1- Bắt đầu bằng buổi nói chuyện giữa nhà tư vấn và khách hàng để thiết lập mối quan hệ công việc

Nhà tư vấn không được coi mình là chuyên gia, họ đang xây dựng mối quan hệ mà họ sẽ chia sẻ trách nhiệm và thương thuyết theo cách ứng xử mang tính hợp tác. Các thông tin cơ bản bao gồm lịch sử gia đình có thể có được từ bảng hỏi và thảo luận. Những thông tin về những ảnh hưởng của môi trường đến khách hàng được xếp ưu tiên. Trong suốt quá trình phỏng vấn, nhà tham vấn đánh giá trạng thái tình cảm, phân loại nhận thức của khách hàng. Kiểu nhân cách và các đặc điểm nhân cách phải được nhận diện.

Giai đoạn 2 - Nhận diện các chỉ báo phát triển

Thông tin đạt được trong phần phỏng vấn được xem là những yếu tố quan trọng trong tư vấn nghề theo lý thuyết con người – môi trường. Các thông tin trên bình diện nhận thức có thể là nhận thức về cái tôi có bản sắc riêng, nhận thức về môi trường, những yêu cầu, đòi hỏi của môi trường làm việc... Các tương tác với môi trường, các trải nghiệm có liên quan và những hạn chế của khách hàng cũng cần được chú ý.

Giai đoạn 3 - Đánh giá

Đánh giá những năng lực nhận thức, các giá trị và hứng thú của khách hàng. Mục tiêu chính của giai đoạn này là xác định sự phù hợp giữa nhu cầu của khách hàng và các nghề hoặc các nhóm nghề sao cho điều đó có thể mang đến sự hài lòng và thành đạt cho khách hàng.

Giai đoạn 4 - Xác định và giải quyết vấn đề

Những thông tin thu thập được trong 3 giai đoạn đầu được dùng để xác định bất cứ sự quan tâm nào liên quan đến cảm xúc, nhu cầu tự nhận thức về bản thân, và mức

độ xử lý thông tin của khách hàng. Những khách hàng được xác định là có những vấn đề về cảm xúc hoặc tư duy không bình thường được giới thiệu đến trị liệu tâm lý hoặc được tiến hành đánh giá tâm lý. Những khách hàng có niềm tin phi thực tế hoặc sai lầm về tự nhận thức bản thân hoặc nhận thức về môi trường làm việc hoặc cả hai thì họ được cung cấp các chiến lược can thiệp được thiết kế để trợ giúp cho họ.

Giai đoạn 5 - Phân tích chung về sự tương thích giữa con người và môi trường

Nhà tư vấn và khách hàng phát triển sơ đồ nhận thức và khung khái niệm hướng đến tìm kiếm sự tương thích giữa cá nhân và môi trường. Trong giai đoạn này, các mô hình năng lực của khách hàng được dùng để giải thích cho sự thỏa mãn trong những công việc khác nhau. Các giá trị và kiểu nhân cách được dùng để giải thích sự thỏa mãn trong một vài công việc và nó cũng mô tả những đòi hỏi về mức nỗ lực của khách hàng. Hệ thống phân loại nghề được dùng để xác định những công việc đối với những năng lực được yêu cầu và những nỗ lực cần được cung cấp. Bước tiếp theo là liệt kê những công việc có thể đáp ứng được nhu cầu thỏa mãn của khách hàng. Trong giai đoạn này, khách hàng tìm được những công việc gần giống nhau và chọn trong số đó một nghề phù hợp nhất với mình.

Giai đoạn 6 - Khẳng định, khám phá và quyết định

Đây là giai đoạn khi khách hàng hài lòng với kết quả thu được từ cuộc tư vấn. Trong trường hợp khách hàng không đồng ý với môi trường làm việc đã được nhà tư vấn

nêu ra thì lặp lại mô hình tư vấn này. Với những khách hàng đồng ý thì nhà tư vấn nên hướng dẫn họ tiếp tục khám phá các môi trường làm việc tiềm năng được xem là phù hợp với họ.

Giai đoạn 7 - Tiếp tục

Tiếp tục trợ giúp khách hàng trong việc tìm kiếm môi trường làm việc mà họ tìm thấy sự hài lòng và thỏa mãn.

Tóm lại, mô hình này tập trung chủ yếu vào việc xác định sự phù hợp tối ưu nhất giữa con người và nghề nghiệp. Các trắc nghiệm được dùng để xác định các năng lực, giá trị và hứng thú của cá nhân. Nhiệm vụ của các nhà tư vấn là trợ giúp cho khách hàng trong việc tìm ra sự phù hợp giữa chính bản thân họ và môi trường làm việc trong quá trình ra quyết định liên quan đến nghề.

2.2.2. Mô hình tư vấn nghề theo lý thuyết phát triển

Mô hình theo lý thuyết phát triển cho rằng phát triển nghề là quá trình kéo dài và tư vấn nghề cho cá nhân phải phù hợp với các giai đoạn phát triển của cuộc sống. Mục tiêu tổng quát là xác định vấn đề và phát triển các kỹ năng can thiệp để khắc phục được vấn đề. Mô hình phát triển nhấn mạnh đến sự cần thiết phải khám phá được đặc điểm phát triển riêng biệt của từng khách hàng. Dưới đây là mô hình tư vấn nghề theo cá nhân của Healy (1982), gồm 4 giai đoạn:

Giai đoạn 1 - Xác định tính cách của khách hàng

Để xác định được tính cách của khách hàng, khách hàng và nhà tư vấn hợp tác thảo luận về những vấn đề cần

chú ý như các năng lực và kỹ năng, hứng thú, giá trị, và các chỉ báo nhân cách. Khách hàng nhận được những chỉ dẫn cách tự đánh giá về bản thân và những thông tin này được dùng để xây dựng những đánh giá sâu hơn.

Giai đoạn 2 - Xác định và lựa chọn các chiến lược

Giai đoạn này được xem là giai đoạn cơ bản nhằm xây dựng được các hành động vượt qua những trở ngại. Quá trình tư vấn có thể bao gồm cả việc phân loại các mục tiêu. Ví dụ, một số khách hàng có thể quyết định tham gia vào chương trình tập huấn về viết hồ sơ xin việc hoặc chương trình đào tạo về phỏng vấn xin việc.

Giai đoạn 3 - Thực hiện việc đào tạo và trợ giúp

Nhiệm vụ chính của nhà tư vấn ở giai đoạn này là hỗ trợ cho khách hàng trong việc thực hiện các chiến lược được phát triển ở giai đoạn 2.

Giai đoạn 4 - Xác định mục tiêu cần đạt

Giai đoạn này bao gồm việc xem lại hiệu quả của các chiến lược học tập, điều chỉnh để có các chiến lược phù hợp. Nhà tư vấn cung cấp sự hỗ trợ để khách hàng nỗ lực trong việc đạt được mục tiêu. Một mục tiêu chính của giai đoạn này là nâng cao sự tự tin của khách hàng để phát triển các chiến lược học tập.

Tóm lại, mô hình này nhấn mạnh đến tính cá nhân của khách hàng và những đặc điểm riêng biệt của mỗi cá nhân và những thông tin này được sử dụng để thiết lập các mục tiêu và các chiến lược tiếp theo nhằm thực hiện các mục tiêu. Việc xác định và làm rõ các vấn đề đang tồn tại và các

vấn đề có tiềm năng xảy ra có thể làm giảm hiệu quả của quá trình tư vấn là rất quan trọng.

2.2.3. Mô hình tư vấn nghề theo lý thuyết học tập

Trong mô hình này các khách hàng được khám phá và trải nghiệm các trách nhiệm và các quyết định, họ không bị yêu cầu từ bỏ mục tiêu trong quá trình khám phá hiểu biết về bản thân, nơi làm việc và nghề. Krumboltz cho rằng khách hàng không nhất thiết phải đưa ra quyết định nghề mà có thể được động viên khám phá, loại trừ, và kiểm tra thăm dò trong quá trình học tập. Chính điều này dẫn đến sự tiến bộ trong quá trình thực hiện các mục tiêu cá nhân của họ.

Mô hình tư vấn nghề theo lý thuyết học tập chủ yếu dựa vào mô hình ra quyết định của Krumboltz và Soreno (1974) và được chỉnh sửa nhiều trong những năm gần đây.

Giai đoạn 1 - Phỏng vấn

Thiết lập mối quan hệ giữa khách hàng và nhà tư vấn. Mối quan hệ này được duy trì trong suốt quá trình tư vấn. Nhà tư vấn phải làm cho khách hàng cảm nhận được tinh thần hợp tác và thoải mái trong mối quan hệ này, đồng thời họ cũng nhận được sự động viên trong học tập, khám phá và trải nghiệm. Ở giai đoạn này nhà tư vấn càng khai thác được nhiều thông tin về những trải nghiệm của khách hàng và những điều kiện của môi trường làm việc càng tốt.

Giai đoạn 2 - Đánh giá

Kết quả đánh giá được sử dụng theo 2 mục đích: 1) Chỉ ra cho khách hàng những sở thích và kỹ năng của họ phù

hợp với yêu cầu về giáo dục và môi trường làm việc; và 2) Phát triển các kỹ năng học tập mới cho khách hàng. Các đánh giá được thiết kế để đo mức độ hứng thú, giá trị, nhân cách và niềm tin về nghề của khách hàng, trên cơ sở đó đề xuất những gợi ý về phát triển học tập. Điều cơ bản là làm cho khách hàng nhận rõ hơn những năng lực tiềm ẩn và mở rộng hứng thú của họ vì trên thực tế họ luôn cần có sự chuẩn bị để đáp ứng được những thay đổi của công việc và môi trường làm việc.

Giai đoạn 3 - Các hoạt động chung

Các mục tiêu được hình thành trong giai đoạn phỏng vấn được đánh giá chi tiết hơn trong giai đoạn này. Khách hàng và nhà tư vấn xác định các bước cần thiết để đạt được các mục tiêu. Một số khách hàng có thể muốn khẳng định mục tiêu của họ bằng cách đánh giá qua bản kiểm kê hứng thú. Khách hàng khác có thể muốn đánh giá về các năng lực. Cũng có những khách hàng cần được tư vấn để giải quyết những vấn đề cá nhân của họ trước khi hình thành cam kết về mục tiêu. Trước khi hoàn thành giai đoạn này các khách hàng có thể lựa chọn hai hoặc nhiều nghề để khám phá.

Giai đoạn 4 - Thu thập thông tin

Mục tiêu chính của giai đoạn này là giới thiệu cho khách hàng các nguồn thông tin về nghề. Khách hàng và nhà tư vấn có thể cùng phát triển định dạng về nghề, bao gồm những vấn đề như các cơ hội để thăng tiến, mức lương, trợ giúp xã hội, chuẩn bị thời gian cho một số nghề, và các kỹ năng mà nghề yêu cầu.

Giai đoạn 5 - Chia sẻ thông tin và đánh giá kết quả

Trong giai đoạn này khách hàng và nhà tư vấn thảo luận về những thông tin thu được từ mỗi đánh giá về nghề. Nhà tư vấn trợ giúp cho khách hàng trong việc đánh giá các cơ hội thành công trong việc lựa chọn nghề. Trong toàn bộ quá trình này, khách hàng được hướng dẫn để đưa ra những kết luận mang tính thăm dò, những lý do cho các quyết định và các ý tưởng để khám phá sâu hơn.

Giai đoạn 6 - Đánh giá lại hoặc quyết định lại

Khách hàng và nhà tư vấn thiết lập sự cam kết về hướng dẫn nghề. Một số khách hàng tiếp tục bước tìm việc tiếp theo trong khi đó có những người khác cần tư vấn lại để có nhiều thông tin hơn hoặc để thay đổi định hướng. Một số khách hàng yêu cầu có nhiều thời gian và thông tin hơn trước khi quyết định rõ ràng. Nhà tư vấn cần hỗ trợ khách hàng để đưa ra những yêu cầu thực tế và khả thi.

Giai đoạn 7 - Giai đoạn cuối cùng: Chiến lược tìm việc

Khách hàng quan tâm đến các chương trình thông dụng như tập huấn về phỏng vấn xin việc, chuẩn bị hồ sơ xin việc, hoặc tham gia vào câu lạc bộ việc làm. Tuy nhiên, đặc trưng chính của mô hình này là nhấn mạnh đến việc đào tạo cho các khách hàng kỹ năng ra quyết định liên quan không chỉ đến việc lựa chọn nghề mà cả những vấn đề quan trọng trong cuộc sống.

Chương III

TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

3.1. Tư vấn nghề nghiệp (*career counseling*) và tư vấn hướng nghiệp (*vocational/occupational counseling*) tại Mỹ

Mỹ có thể được xem là một trong những quốc gia có lịch sử phát triển tư vấn nghề nghiệp lâu đời nhất, có hệ thống lý thuyết về tư vấn nghề nghiệp và có những công cụ hỗ trợ trong tư vấn nghề nghiệp khá hoàn chỉnh, có mô hình đào tạo, giám sát, thực hành đa dạng nhất, đồng thời có sự phối hợp cộng tác của chính phủ và nhiều tổ chức khác nhau trong xã hội. Vì vậy hoạt động tư vấn nghề nghiệp nói chung và tư vấn hướng nghiệp nói riêng có tính chuyên nghiệp sâu sắc.

Về cơ sở lý luận, có thể khẳng định rằng hầu hết những lý thuyết tư vấn hướng nghiệp nổi tiếng đều ra đời tại Mỹ.

Về những công cụ hỗ trợ trong tư vấn nghề nghiệp: Cho đến nay, các nhà tư vấn nghề nghiệp phối hợp với những đơn vị quản lý cho ra đời một bộ công cụ hỗ trợ trong tư vấn nghề nghiệp, gồm:

Các loại công cụ đánh giá trong tư vấn nghề nghiệp: Hiện nay các đánh giá trong tư vấn nghề nghiệp được phân chia thành những loại như sau: Đo khả năng, đo mức độ thành công, đo hứng thú nghề nghiệp, các loại test (trắc nghiệm) nhân cách, đo định hướng giá trị nghề nghiệp.

Các công cụ hỗ trợ khác bao gồm: OOH (Sổ tay nghề nghiệp), DOT (Từ điển tên nghề nghiệp), SOC (Bảng phân loại nghề nghiệp chuẩn), SIC (Bảng phân loại nghề nghiệp chuẩn trong công nghiệp), GOE (Hướng dẫn khám phá nghề nghiệp), CACG (Hệ thống hỗ trợ tư vấn nghề nghiệp qua máy tính)...

OOH (*Occupational Outlook Handbook*) - Sổ tay Nghề nghiệp: được Bộ Lao động Mỹ (*Department of Labor*) xuất bản và được bổ sung, chỉnh sửa hai năm một lần. Tài liệu này mô tả 80 loại nghề nghiệp khác nhau, chỉ rõ những yếu tố quan trọng trong từng loại nghề nghiệp, ví dụ như đào tạo, thu nhập, những cơ hội nghề nghiệp. Ngoài ra tài liệu này cũng đưa ra xu hướng chung của thị trường lao động.

DOT (*Dictionary of Occupational Title*) - Từ điển tên nghề nghiệp: Đây là tài liệu lớn nhất, phong phú nhất, nguồn tra cứu tài liệu hướng nghiệp được tin tưởng nhất. Tài liệu này được Bộ Lao động Mỹ xuất bản. Tài liệu đã liệt kê 28 ngàn tên công việc theo mã chín số. Ba số đầu là phân loại nghề nghiệp, ba số sau chỉ rõ những kỹ năng cần thiết, những chỉ số quan trọng trong mỗi loại nghề nghiệp, và ba số cuối cùng là tên công việc được xếp theo thứ tự A-B-C.

SOC (*Standard – Occupational Classification*) - Bản phân loại nghề nghiệp chuẩn. Tài liệu này mang tính giới thiệu chung, được các nhà tư vấn và giáo viên sử dụng.

SIC (*Standard Industrial Class*) - Bảng phân loại nghề nghiệp chuẩn trong công nghiệp: Phân loại này còn nêu rõ những hoạt động cụ thể trong những nghề nghiệp khác nhau, ví dụ liên quan đến một ngành công nghiệp A thì phải có những hoạt động A1, A2... tương ứng. Tài liệu này ra đời nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của công nghệ và máy tính tại nước Mỹ.

GOE (*Guide for Occupational Exploration*) - Hướng dẫn khám phá nghề nghiệp: được Bộ Lao động Mỹ xuất bản, tài liệu liệt kê nghề nghiệp trong 12 lĩnh vực quan tâm, giúp cho những người tìm kiếm công việc khám phá nghề nghiệp phù hợp với mối quan tâm của họ.

CACG (*Computer Assited Career Guidance Systems*) - Hệ thống trợ giúp tư vấn nghề nghiệp qua máy tính, còn có một tên gọi khác là Computer Based Career Information - Hệ thống thông tin hướng nghiệp. Giúp cho những người sử dụng máy tính, những sinh viên có thể tự tiến hành những bản tự đánh giá và khám phá những lựa chọn nghề nghiệp.

Về đào tạo tư vấn nghề nghiệp và tư vấn hướng nghiệp: Chương trình đào tạo tư vấn nghề nghiệp được đưa vào cho tất cả những người làm tư vấn cộng đồng, tư vấn trường học và tất nhiên là cả những người chuyên sâu về tư vấn nghề nghiệp. Trong quá trình đào tạo, người học được tìm hiểu về lịch sử phát triển của tư vấn nghề nghiệp, các mô

hình lý thuyết, làm quen với các công cụ hỗ trợ trong tư vấn nghề nghiệp (các công cụ tự đánh giá và các công cụ đánh giá do chuyên gia tiến hành, sử dụng máy tính và các chương trình tư vấn trên máy), luyện tập các kỹ năng phỏng vấn, thiết lập mối quan hệ trong tư vấn nghề nghiệp, tư vấn cho các nhóm đối tượng đặc biệt như phụ nữ, nam giới, cho gia đình có hai vợ chồng cùng tham gia lao động, tư vấn nghề nghiệp cho những đồng tính nam, đồng tính nữ, những khách hàng có sự khác biệt văn hoá, cho những người khuyết tật... Sau quá trình học tập và nắm vững về những vấn đề lý thuyết trong tư vấn nghề nghiệp, những người làm tư vấn nghề nghiệp chuyên sâu hoặc thực hành tư vấn nghề nghiệp tại các trường học, cộng đồng phải tham gia thực tập tại môi trường thực tế, làm việc với khách hàng, thiết lập mối quan hệ nghề nghiệp, chẩn đoán, đánh giá và đưa ra những cách thức giải quyết.

Thực hành tư vấn nghề nghiệp và tư vấn hướng nghiệp: Thực hành tư vấn nghề nghiệp được tiến hành ở: 1) Hệ thống trường học. Trong hệ thống trường học, nó được gọi là tư vấn hướng nghiệp (*vocational guidance, career guidance*); 2) Tại các cơ sở tư vấn cộng đồng có cung cấp dịch vụ tư vấn nghề nghiệp; và 3) Tại các cơ quan, xí nghiệp. Sau đây chúng tôi tập trung nêu rõ những đặc điểm về tư vấn nghề nghiệp trong trường học tại Mỹ (tư vấn hướng nghiệp).

Tư vấn nghề nghiệp trong trường học của Mỹ được xây dựng trên khuôn khổ chặt chẽ của những lý thuyết tâm lý học phát triển. Các lý thuyết tâm lý học phát triển làm

tiền đề cho tư vấn hướng nghiệp thường được nhắc đến là lý thuyết các giai đoạn phát triển của Havighurst (*Havighurst' Developmental Stages*), lý thuyết về các giai đoạn phát triển nhận thức của Piaget (*Piaget' Stages of Cognitive Development*), lý thuyết các giai đoạn phát triển tâm lý xã hội của Erikson (*Stages of Psychosocial Development*), các khái niệm phát triển cái tôi của Super và Gottfredson.

Dù mỗi tác giả có những quan điểm khác nhau về phát triển tâm lý người nói chung và tư vấn hướng nghiệp nói riêng, nhưng họ đều thống nhất ở một điểm rằng các đặc điểm phát triển tâm lý là nền tảng quan trọng trong phát triển nghề nghiệp. Ví dụ, Ginzberg và cộng sự nhận định rằng trước giai đoạn 11 tuổi, thông qua hoạt động trò chơi trẻ đã có những đánh giá ban đầu về giá trị của những công việc. Việc tham gia vào những trò chơi như vậy có ý nghĩa rất quan trọng đối với trẻ con, mỗi đứa trẻ sẽ có thể có những lựa chọn nghề nghiệp của mình một cách khá thực tế. Khi đến cuối cấp 2, những đứa trẻ đã phát triển hơn trong các nhìn nhận về thực tế những công việc của người lớn, các đánh giá của chúng mang tính độc lập và tự chủ hơn.

Không chỉ đánh giá cao vai trò nền tảng của sự phát triển tâm lý, các nhà tư vấn Mỹ còn chú trọng đến việc xem xét những ảnh hưởng của văn hoá, kinh tế xã hội đến phát triển nghề nghiệp của trẻ em. Ví dụ, trong tư vấn hướng nghiệp, nhà tư vấn phải tính đến yếu tố vị thế kinh tế xã hội - SES (*Socioeconomic Status*) của cá nhân người được tư vấn, cụ thể là thu nhập, giáo dục, nghề nghiệp, và

vị trí chỗ ở hiện tại để góp phần xác định rõ vị trí của mỗi cá nhân trong xã hội. Bởi lẽ, cứ 5 trẻ em của Mỹ thì có 1 em đang sống trong điều kiện nghèo khổ, và chúng có nguồn gốc xuất thân hoàn toàn khác nhau (người Mỹ gốc châu Âu, người Mỹ gốc Phi, người Mỹ gốc Á...), do vậy sự mong đợi của cha mẹ và của bản thân mỗi đứa trẻ về nghề nghiệp cũng khác nhau.

Kết hợp giữa những đặc điểm phát triển tâm lý và những yếu tố ảnh hưởng của văn hoá, kinh tế xã hội, Hội đồng điều phối thông tin hướng nghiệp quốc gia (*National Occupational Information Coordinating Committee - NOICC, 1992*) đã đưa ra những hướng dẫn về phát triển nghề nghiệp quốc gia, trong đó bao quát ba lĩnh vực cụ thể:

1. Những kiến thức về bản thân (*self-knowledge*) bao gồm những kiến thức quan trọng về cái tôi, những kỹ năng tương tác và giao tiếp với những người khác, và nhận thức được tầm quan trọng của sự phát triển và thay đổi.

2. Giáo dục và khám phá nghề nghiệp (*Educational and occupational exploration*): Nhận thức về lợi ích của giáo dục, nhận thức được mối liên quan giữa làm việc và học tập, những kỹ năng để hiểu và xử lý các thông tin nghề nghiệp, nhận thức được tầm quan trọng của trách nhiệm cá nhân và thói quen làm việc tốt, và nhận thức được mối liên quan giữa nhu cầu làm việc và thực hiện các chức năng xã hội khác.

3. Kế hoạch nghề nghiệp (*career planning*), hiểu về quá trình ra quyết định, nhận thức về mối quan hệ liên nhân cách trong cuộc sống, nhận thức về những nghề nghiệp

khác nhau, về vai trò giới trong hoạt động nghề nghiệp và thay đổi về vai trò giới trong hoạt động nghề nghiệp, và hiểu được quá trình phát triển nghề nghiệp.

Tuỳ vào mức độ phát triển tâm lý, cũng như độ thuần thục về những kỹ năng phát triển, ở mỗi cấp học, học sinh sẽ được cung cấp một dịch vụ tư vấn nghề nghiệp phù hợp. Khi xây dựng các chương trình hướng dẫn trong trường học, chương trình xây dựng chiến lược cuộc đời luôn được tính đến và bao gồm trong các chương trình này.

Chương trình tư vấn hướng nghiệp được đề cập đến trong rất nhiều chương trình, hoạt động cụ thể. Từ các chiến lược phát triển cuộc đời, đến việc kết hợp các vấn đề lý thuyết trong hoạt động tư vấn hướng nghiệp và thực tế, từ việc chỉ rõ ba lĩnh vực đòi hỏi phải tính đến trong bất cứ một chương trình giáo dục, tư vấn hướng nghiệp nào đến việc cụ thể hoá cho từng cấp học, từ việc xem xét ảnh hưởng của quan điểm về giới đến lựa chọn nghề nghiệp cho đến các chương trình kết nối giữa trường học và nơi làm việc...

Về chiến lược phát triển cuộc đời, tại Mỹ đã áp dụng một chương trình có tên là: Kế hoạch của cuộc đời (*Planning of life*) được lực lượng quân đội của Mỹ và những hiệp hội nghề nghiệp khác hỗ trợ đã đưa ra 7 yếu tố quan trọng đòi hỏi phải có trong bất cứ một chương trình định hướng nghề nghiệp và cuộc đời nào, gọi là C'7. Đó là:

1. Rõ ràng về mục tiêu (*Clarity*): làm rõ mục tiêu bằng cách chia sẻ mục tiêu chung của chương trình với những trường học, gia đình, xí nghiệp, và cộng đồng.

2. Cam kết (*Commitment*): cần sự đầu tư và tham gia của tất cả các thành phần trong cộng đồng trong hoạt động tư vấn hướng nghiệp.

3. Toàn diện (*Comprehensive*): đảm bảo rằng nội dung của chương trình được tất cả những thành phần tham gia trong cộng đồng hiểu được những loại hình nghề nghiệp và các cơ hội giáo dục.

4. Hợp tác (*Collaboration*): nói về mức độ hợp tác, chia sẻ giữa nhà trường, gia đình, cơ quan, và cộng đồng trong tư vấn nghề nghiệp.

5. Chặt chẽ (*Coherence*): những tài liệu được cung cấp cho học sinh và những sự hỗ trợ cần thiết phải luôn được cung cấp sẵn sàng.

6. Phối hợp (*Coordination*): mức độ phối hợp của các chương trình khác nhau, và chương trình phát triển nghề nghiệp phải được xem xét trong quá trình thay đổi và phát triển.

7. Hiệu quả (*Competency*): được minh chứng bằng sự thành công của học sinh.

Dựa trên những chỉ dẫn này, hằng năm có những giải thưởng về chương trình tư vấn hướng nghiệp xuất sắc được trao cho một tổ chức, trường học nào đó. Chúng ta có thể tham khảo về việc triển khai mô hình C'7 của một trường công lập có tên là Omaha. Chương trình của trường này mang tính hỗ trợ cộng đồng rất lớn, rất đa dạng, toàn diện. Những bậc phụ huynh có thể tham gia vào chương trình tư vấn nghề nghiệp, tất cả những sinh viên khi tốt nghiệp đều có một kế hoạch nghề nghiệp rõ ràng.

Chương trình tư vấn và hướng dẫn nghề nghiệp toàn diện của trường Omaha

Dành cho học sinh từ mẫu giáo đến lớp 12 sống ở khu vực nông thôn, thành thị, và ven đô.

Các tiếp cận chung của trường:

Làm rõ mục tiêu: Chương trình tư vấn hướng nghiệp bao gồm cả những mục tiêu cụ thể đã được viết ra và cam kết, triết lý về tư vấn hướng nghiệp, mục tiêu và kết quả. Tất cả những tài liệu được sử dụng trong chương trình được các nhà tư vấn, giáo viên, những người quản lý giáo dục, các cơ sở cộng đồng, các xí nghiệp cùng ngồi soạn thảo và phát triển.

Cam kết: Giáo viên, những người đại diện của cộng đồng, những cơ quan xí nghiệp, và nhà tư vấn cung cấp dịch vụ tư vấn hướng nghiệp cho tất cả các học sinh. Những người có trình độ chuyên môn trong việc lập kế hoạch nghề nghiệp sẽ được lựa chọn để hỗ trợ và điều phối những hoạt động tư vấn nghề nghiệp từ mẫu giáo đến lớp 12. Những cán bộ tư vấn chuyên sâu luôn có mặt sẵn sàng tại trường.

Toàn diện: Chương trình hướng dẫn nghề nghiệp được cung cấp cho tất cả học sinh từ mẫu giáo. Mỗi học sinh đều được lập hồ sơ và theo dõi hồ sơ đến khi tốt nghiệp. Trong quá trình tư vấn, học sinh sẽ liên tục được đánh giá, và ít nhất có hai buổi tọa đàm tổ chức cho học sinh và cha mẹ tại các trường cấp quận về giáo dục nghề nghiệp.

Hợp tác: Chương trình này hợp tác với hiệp đoàn thành phố (*Urban League*), trường đại học Nebraska-Omaha, Trường cao đẳng thành phố, phòng thương mại,... Mỗi năm, chương trình của trường nhận được 100,000 đô la cho hoạt động của mình.

Tất cả mục tiêu và tài liệu sử dụng được hội đồng - bao gồm những khoa, phòng ban, những đại diện của các xí nghiệp, những cơ sở giáo dục thiết kế và phát triển. Hội đồng cố vấn bao gồm cả những bậc cha mẹ, đại diện của các cơ sở kinh doanh trong cộng đồng, và những nhà tư vấn có trách nhiệm chính trong việc đánh giá, cải thiện các chương trình tư vấn hướng nghiệp. Cha mẹ học sinh có thể tiếp cận được với các hồ sơ của học sinh để xem xét và đưa ra những góp ý.

Chính xác: Tất cả các học sinh đều bắt đầu được lên chương trình phát triển nghề nghiệp và giáo dục khi sang lớp 7. Hàng năm hồ sơ của học sinh được cập nhật cho đến khi học lớp 12. Học sinh có thể sử dụng hồ sơ của mình trong việc viết lý lịch và phát triển nghề nghiệp sau khi đã tốt nghiệp. Khi tốt nghiệp, tất cả các học sinh đều có hồ sơ về tư vấn nghề nghiệp kèm theo.

Phối hợp: Một chương trình phát triển nghề nghiệp được soạn thảo và được thoả thuận cho từng học sinh. Những kết quả cụ thể và những hoạt động trong phát triển nghề nghiệp và tư vấn hướng nghiệp mang tính kế thừa liên tục từ năm này sang năm khác. Những nhà tư vấn hướng nghiệp sẽ lập những kế hoạch phát triển nghề nghiệp, trong đó bao gồm những hoạt động cụ thể,

những nguồn lực, và đánh giá chung.

Hiệu quả: Tất cả học sinh đều có bộ hồ sơ phát triển nghề nghiệp hoàn thiện trong đó có mục tiêu, các kết quả đạt được, thành tích học tập. Tất cả những nội dung này đều được đánh giá.

Tài liệu được sử dụng trong phát triển nghề nghiệp và tư vấn hướng nghiệp phải trả phí bao gồm:

- Thang đo hứng thú IDEAS (*IDEAS interest*), đo tính quyết đoán (*Determination*), Hệ thống khám phá và đánh giá (*Exploration and Assessment*).

- Tự tìm kiếm nghề nghiệp - SDS (*Self-Direct Search*).

- Thang đo về việc ra quyết định trong nghề nghiệp của Harrington-O'shea (*Harrington - O'shea Career Decision Making - CDM*).

- Thang đo chỉ số nhân cách của Myers - Briggs (*Myers-Briggs Type Indicator (MBTI)*).

- Thang đo màu sắc (*True Colors*).

- Hệ thống thông tin hướng dẫn (*Guidance Information System*).

Ngoài ra một số tài liệu không phải trả phí và có sẵn tại cơ sở, bao gồm:

- Tài liệu về tương lai phát triển hướng nghiệp cho cấp 1.

- Quá trình phát triển từ mẫu giáo đến lớp 6.

- Quá trình phát triển và thay đổi: Phát triển nghề nghiệp và giáo dục cho học sinh từ lớp 7 đến lớp 12.
- Hồ sơ nghề nghiệp và giáo dục.
- Thông tin cha mẹ.
- Và các tài liệu quảng cáo, hướng dẫn về kế hoạch giáo dục nghề nghiệp.

Chương trình giáo dục hướng nghiệp của trường Omaha rất chú trọng tính toàn diện và tính hiệu quả. Chương trình này cũng nhấn mạnh đến quá trình phát triển nghề nghiệp trong phát triển nói chung của mỗi học sinh. Riêng nội dung chương trình tư vấn hướng nghiệp dành cho lớp 12 rất toàn diện, có những hoạt động cụ thể để cung cấp cho học sinh những cách thức tiếp cận mang tính phát triển, phù hợp với môi trường lớp học.

Dựa trên những yêu cầu trong ba lĩnh vực là: 1) Những kiến thức về bản thân; 2) Giáo dục và khám phá nghề nghiệp; và 3) Kế hoạch nghề nghiệp đã được nêu lên, với mỗi cấp học lại có một mức độ đòi hỏi cụ thể. Ví dụ, đối với những học sinh cấp ba thì phải đảm bảo:

1. Những kiến thức về bản thân: Học sinh phải kể năm vai trò mà mình đang phải đảm nhận trong các hoạt động nhóm, học sinh được thảo luận và xác định thêm những vai trò khác trong tương lai, ví dụ như làm chồng/vợ, làm cha mẹ, làm một người công dân. Xem phim và thảo luận về ảnh hưởng của định kiến giới và xác định rõ xem định kiến giới đã ảnh hưởng như thế nào đến mỗi

cá nhân trong việc tham gia những hoạt động xã hội nhất định, trong đó có hoạt động lao động. Yêu cầu học sinh phỏng vấn ít nhất ba người lao động và ba người giám sát (quản lý) của người lao động đó về thói quen làm việc tốt...

2. Giáo dục và khám phá nghề nghiệp

- Đề nghị học sinh xác định những yếu tố thuộc về địa lý có thể ảnh hưởng đến lựa chọn nghề nghiệp. Có thể sử dụng những bài báo ở vùng nông thôn hoặc thành thị để giúp học sinh có khả năng so sánh cơ hội làm việc giữa hai vùng.

- Đề nghị học sinh xác định những môn học bắt buộc trong trường cấp ba để có thể thi vào những trường cụ thể như trường thương mại, cao đẳng cộng đồng, hay làm một công việc cụ thể nào đó.

- Đề nghị học sinh thảo luận về cách sống, trong đó có liên quan đến tính cam kết trong công việc, hoạt động vui chơi giải trí, sự tham gia với gia đình, tính trách nhiệm và tạo điều kiện cho học sinh chia sẻ về cảm nhận của họ trước trách nhiệm và lối sống trong tương lai của chính mình.

3. Kế hoạch nghề nghiệp

- Đề nghị học sinh tham gia vào những bước cụ thể của quá trình xin việc như viết sơ yếu lý lịch, điền mẫu đơn xin việc.

- Giúp học sinh hiểu được những yếu tố gây căng thẳng trong nghề nghiệp. Học sinh có thể tìm ra những người xung quanh họ đang tham gia công việc và so sánh sự thay đổi trong cách sống.

Mời cha mẹ tham gia trong kế hoạch nghề nghiệp và quyết định nghề nghiệp khi tốt nghiệp của học sinh...

Đi đôi với những đòi hỏi cụ thể trong ba lĩnh vực nêu trên, chương trình giáo dục nghề nghiệp và tư vấn hướng nghiệp phải giúp cho học sinh đạt được những mục tiêu và năng lực cụ thể liên quan đến nghề nghiệp. Ví dụ, từ lớp 7 đến lớp 12 thì phải đạt mục tiêu chung là: 1) Nhận thức rõ về các đặc điểm nhân cách của bản thân, hứng thú, kỹ năng, đặc điểm nổi trội của bản thân; 2) Phát triển nhận thức về tính đa dạng trong môi trường làm việc; 3) Hiểu được mối quan hệ giữa kết quả học tập tại trường và lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai; và 4) Có thái độ tích cực đối với lao động.

Từ khía cạnh hiệu quả công việc, học sinh ở mỗi lớp học phải đạt được những năng lực nhất định trong hướng dẫn nghề nghiệp và tư vấn hướng nghiệp. Ví dụ:

Đối với lớp 10 thì học sinh phải đạt được: 1) Làm rõ vai trò của các giá trị cá nhân trong lựa chọn nghề nghiệp; 2) Phân biệt được những đòi hỏi về giáo dục và kỹ năng cho những nghề nghiệp cụ thể mà mình ham thích; 3) Nhận rõ tác động của công việc và lựa chọn nghề nghiệp đến các lĩnh vực khác trong đời sống cá nhân; 4) Có những đánh giá thực tế về tiềm năng, năng lực của mình trong những lĩnh vực khác nhau; 5) Phát triển những kỹ năng trong việc ưu tiên những nhu cầu liên quan đến nghề nghiệp.

Đối với học sinh lớp 12 thì có các yêu cầu sau: 1) Hoàn tất những đòi hỏi/yêu cầu trước khi tốt nghiệp; 2) Đưa ra cam kết cuối cùng trong kế hoạch nghề nghiệp; 3) Hiểu

được khả năng thay đổi về sở thích và giá trị liên quan đến nghề nghiệp; 4) Hiểu được sự thay đổi trong thị trường lao động; 5) Hiểu rõ việc phát triển nghề nghiệp sẽ kéo dài trong suốt cuộc đời; 6) Và chấp nhận trách nhiệm trong việc lựa chọn nghề nghiệp.

Kết nối giữa trường học và nơi làm việc là một trong những hoạt động quan trọng của tư vấn hướng nghiệp, trong đó chủ yếu là hoạt động đi thực tập tại nơi mình sẽ làm việc trong tương lai và kết nối gặp gỡ giữa những người có nhu cầu tuyển dụng và học sinh tốt nghiệp có nhu cầu tìm việc làm.

Từ năm 1994, đạo luật về tạo cơ hội kết nối giữa trường học và nơi làm việc do Bộ Lao động Mỹ (*US. Department of Labor*) đệ trình đã được thông qua tạo điều kiện cho tất cả các thành phần trong xã hội có cơ hội kết hợp với nhau chặt chẽ hơn trong quá trình giáo dục và sử dụng lao động. Đặc biệt, nhận thức rõ vai trò của lực lượng lao động trong lĩnh vực công nghệ cao, Bộ Lao động Mỹ đã thành lập Ủy ban về thực tập nghề nghiệp với những tiêu chí hoạt động rất cụ thể nhằm mục tiêu tạo điều kiện cho nhiều sinh viên, học sinh được đến các cơ sở sản xuất, lao động thực tập một thời gian trước khi tốt nghiệp. Đây là một cơ hội cho họ vừa có hiểu biết thêm về thị trường lao động, vừa đánh giá lại khả năng của bản thân trong những công việc cụ thể đã lựa chọn.

Sau quá trình thực tập, một hoạt động không thể thiếu là kết nối gặp gỡ giữa những người có nhu cầu tuyển dụng và học sinh tốt nghiệp có nhu cầu tìm việc làm. Các cơ quan tuyển dụng của chính quyền trung ương (*State*

Employment Agencies) có nhiệm vụ tổ chức những hoạt động này. Những dịch vụ mà học sinh, sinh viên được hưởng bao gồm:

1. Danh sách những nghề nghiệp.
2. Những buổi phỏng vấn với chuyên gia tuyển dụng.
3. Hỗ trợ trong việc nâng cao trình độ và đòi hỏi chuyên môn.
4. Giới thiệu đến cơ sở đào tạo thêm.
5. Tiến hành các trắc nghiệm.
6. Tư vấn.

Ngoài ra các cơ quan tuyển dụng còn chú trọng đến dịch vụ dành cho các cựu chiến binh, những nguồn phúc lợi xã hội dành cho người chưa có việc làm...

Theo thống kê của Hiệp hội những nhà tư vấn trường học, nhà tư vấn trường học ngày càng đóng vai trò quan trọng trong quá trình tiến hành tư vấn hướng nghiệp cho học sinh. Hiện nay tỷ lệ nhà tư vấn trên số học sinh là 1/250 (theo số liệu của Hiệp hội những nhà tư vấn trường học), và 1/476 (theo kết quả điều tra tổng kết giáo dục của Mỹ năm 2006-2007).

Trong trường học có những nhà tư vấn khác nhau hoạt động, trong bảng quy định nhiệm vụ của nhà tư vấn trường học thì nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp được ghi khá rõ, nhà tư vấn sẽ hỗ trợ học tập, trong đó có việc tổ chức học tập, trau dồi kỹ năng làm bài thi, thiết lập các mục tiêu và đưa ra quyết định, nhận thức về nghề nghiệp, lên kế hoạch nghề nghiệp, giúp học sinh hiểu về bản thân và

người khác, mối quan hệ bạn bè, các chiến lược đối phó và các kỹ năng xã hội, giao tiếp và giải quyết khó khăn, giáo dục về lạm dụng chất kích thích, nhận biết về sự đa dạng văn hoá và sự khác biệt. Ngoài những nhà tư vấn trường học, những nhà tư vấn cộng đồng và những nhà tư vấn hướng nghiệp chuyên sâu cũng có nhiệm vụ giúp đỡ học sinh nói riêng và những người có nhu cầu tư vấn hướng nghiệp nói chung được chia sẻ, tìm hiểu về cơ hội nghề nghiệp của mình.

3.2. Tư vấn nghề nghiệp và tư vấn hướng nghiệp tại Pháp

Pháp cũng là một quốc gia có lịch sử tư vấn nghề nghiệp và hướng nghiệp lâu đời. Lịch sử tư vấn hướng nghiệp Pháp đi từ những ứng dụng đầu tiên của tâm lý học, các công cụ của nó, các bài kiểm tra, sự công nhận chính thức danh hiệu nhà tâm lý cho những người làm công tác hướng nghiệp học sinh, sinh viên trong nền giáo dục quốc dân. Lịch sử hướng nghiệp tại Pháp bắt đầu vào cuối những năm 1910, sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất thì những thảo luận về sự cần thiết đặt hướng nghiệp vào khung thể chế cũng bắt đầu được hình thành qua những thay đổi xã hội, kinh tế từ cuối thế kỷ XIX. Phát triển hướng nghiệp đáp ứng việc trợ giúp lớp trẻ có những công việc phù hợp nhất với khả năng của họ.

Vấn đề đầu tiên trong tư vấn hướng nghiệp là đo lường các khả năng. Đây được coi là mối lo lắng chung của các ngành nghề và trường học. Mục đích của việc ứng dụng tâm lý học vào hướng nghiệp là giúp cho sự dung hoà giữa

những năng lực của người lao động với những yêu cầu của nghề nghiệp trở nên dễ dàng hơn, và góp phần vào việc giúp cho mỗi người có một vị trí riêng của mình. Trắc nghiệm Binet - phương pháp đo lường đầu tiên hỗ trợ cho việc phân loại học sinh là một trong những công cụ hỗ trợ đắc lực cho việc đo lường này.

Sự phát triển không ngừng về mặt kinh tế, khoa học và chính trị của nước Pháp đã thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển đào tạo nghề và nhu cầu về hướng nghiệp. Giống với Mỹ, một quốc gia có nền tư vấn nghề nghiệp và hướng nghiệp phát triển, những đạo luật, những quy định của Chính phủ Pháp phát huy tác dụng mạnh mẽ trong tư vấn hướng nghiệp. Ví dụ, Đạo luật ngày 2 tháng 10 năm 1863 về giáo dục phổ thông chuyên biệt, đây không phải là đào tạo chuyên ngành mà phục vụ cho sự gia nhập vào các ngành nghề, sự quan tâm kết hợp lý thuyết và thực hành có liên hệ với hoàn cảnh kinh tế, kỹ thuật của thời đó. Đạo luật 11/12/1880 thiết lập hình thức đào tạo nghề ngắn hạn, tập trung vào giáo dục tiểu học và sự phát triển của đào tạo nghề.

Cho đến đầu những năm 70 của thế kỷ XX, khung cảnh các hoạt động của hướng nghiệp đã được phác họa và tiến triển khá nhanh. Đến năm 1991, các chuyên gia làm tư vấn hướng nghiệp được gọi là các chuyên gia tư vấn hướng nghiệp tâm lý và các trường chỉ tuyển những sinh viên có bằng tâm lý học để đào tạo thành các chuyên gia tư vấn hướng nghiệp.

3.3. Hoạt động hướng nghiệp tại Áo

Theo tác giả Julia Zdrahal-Urbeneck thuộc Viện Nghiên cứu Tâm lý và Đào tạo nghề, thành phố Viên, thì tư vấn hướng nghiệp tại nước này được tiến hành ở: 1) Hệ thống trường học; 2) Tại các cơ sở việc làm công; và 3) Các tổ chức khác cùng cung cấp dịch vụ tư vấn hướng nghiệp.

Tại trường học, tư vấn hướng nghiệp được thực hiện với các hoạt động sau đây: 1) Các bài học giáo dục do giáo viên đảm nhận; 2) Tư vấn cá nhân cho các học sinh, sinh viên do các giáo viên đã được đào tạo về tư vấn và các nhà tư vấn trong trường học đảm nhận. Hai hình thức này đều do trung tâm tư vấn tâm lý học đường thực hiện.

Các bài học giáo dục nghề do giáo viên đảm nhiệm: Từ năm 1998-1999, luật của đất nước này đã thông qua việc áp dụng giáo dục nghề nghiệp cho học sinh lớp 7 và lớp 8 ở tất cả các loại hình trường trung học. Ở các trường, hướng nghiệp có thể xem như là môn học phụ trợ hoặc là theo những mong muốn cá nhân và chiếm khoảng 32 giờ/năm. Mục tiêu chính của các bài học giáo dục hướng nghiệp là: 1) Phân tích những điểm mạnh, điểm yếu của học sinh; 2) Nhận thức rõ về những mối quan tâm và sở thích của học sinh; và 3) Tự chuẩn bị tri thức về “thế giới nghề nghiệp”.

Tư vấn cá nhân: Do những giáo viên đã được đào tạo về trợ giúp học sinh, sinh viên trong việc ra quyết định giáo dục và nghề nghiệp thực hiện. Hoạt động này cũng giúp cho cả phụ huynh học sinh. Thông qua hoạt động này, cha mẹ của học sinh, sinh viên được thông báo về: 1) Hội chợ việc làm; 2) Phần đào tạo thực hành trong các tổ chức; và

3) Ngày thông tin tại Viện Phát triển kinh tế hoặc tại Viện Đào tạo nghề. Bộ Giáo dục chịu trách nhiệm thiết kế và phát triển những hướng dẫn này.

Dịch vụ tâm lý trường học do những nhà tâm lý có trình độ vừa kết hợp tư vấn vừa hướng dẫn. Quy mô của hoạt động này nhỏ nhưng có tác động bổ sung cho hai chương trình do giáo viên đảm nhiệm và tư vấn cá nhân.

Dịch vụ việc làm công (AMS) có những trung tâm thông tin về 56 nghề trên toàn quốc, học sinh đến tham quan các trung tâm này theo các chương trình có tổ chức nhằm cung cấp thêm thông tin liên quan tới các công việc và nghề nghiệp. Các buổi tham quan thường được xem là một phần trong các bài học trong chương trình lớp 7-8. Cung cấp dịch vụ thông qua 110 văn phòng địa phương dành cho ba bậc: Bậc 1 - Lĩnh vực tự phục vụ - dành cho những người đang có việc làm, những người đang tìm kiếm công việc, những người không trong thị trường lao động; Bậc 2 - Tư vấn trực tiếp, thu nhận thông tin và sắp xếp việc làm; Bậc 3 - Tư vấn đối tượng đặc biệt, những người đang gặp khó khăn về việc làm, những người khuyết tật, phụ nữ sau khi sinh...

Các tổ chức khác cũng có chức năng cung cấp thông tin tư vấn hướng nghiệp, ví dụ như các trung tâm thông tin việc làm (BIZ) có mặt ở tất cả các tỉnh, do phòng Kinh tế điều hành, cung cấp chương trình tham gia cho học sinh được nhìn, quan sát thực tế, cung cấp bài kiểm tra nghề nghiệp về các kỹ năng thực hành, chủ yếu dành cho học sinh, sinh viên và các bậc phụ huynh. Ngoài ra có các trung tâm thông tin nghề của các văn phòng thương mại.

3.4. Tư vấn nghề nghiệp và tư vấn hướng nghiệp ở một số quốc gia khác

Tại nhiều quốc gia trên thế giới cũng có những mô hình tư vấn nghề nghiệp và tư vấn hướng nghiệp. Tuy nhiên, do khả năng tiếp cận tài liệu về tư vấn nghề nghiệp nói chung và tư vấn hướng nghiệp nói riêng của nhiều nước còn hạn chế, chúng tôi chỉ có thể nêu sơ lược ở một số nước ở khu vực châu Á, và châu Á - Thái Bình Dương.

Theo tác giả Abdul, hầu như những người thực hành tư vấn nghề nghiệp và tư vấn hướng nghiệp ở các nước châu Á, châu Á - Thái Bình Dương đều chịu ảnh hưởng rất lớn của mô hình tư vấn nói chung và tư vấn hướng nghiệp của Mỹ và châu Âu nói riêng. Họ là những người đã học (ngắn hạn, hoặc dài hạn) ở những quốc gia này, quay trở về đất nước và cố gắng áp dụng mô hình tư vấn hướng nghiệp vào điều kiện, hoàn cảnh thực tế của đất nước họ. Do vậy, việc thích nghi những lý thuyết hướng nghiệp phương tây, việc ứng dụng những mô hình tư vấn hướng nghiệp phương tây vào nền văn hoá châu Á cũng là một điều rất đáng lưu ý.

Tư vấn hướng nghiệp, những nhà tư vấn giáo dục ở Malaysia

Theo tác giả Abul Halim Othama và Sharifah Bee Aboo Bakon, ở Malaysia lịch sử hướng dẫn nghề và tư vấn nghề nghiệp gắn liền với việc thực hành giáo dục và giải quyết những vấn đề ở trường học. Từ thời thuộc địa của Anh, vấn đề tư vấn và hướng dẫn nghề tại trường học đã bắt đầu, do những giáo viên trong trường trực tiếp hướng dẫn. Theo báo cáo giáo dục hàng năm năm 1955, từ năm 1938 một người tên là H.R Cheesaman - một nhà quản lý giáo dục

tại một trường thuộc địa Anh đã phác thảo nhu cầu dịch vụ tư vấn tại trường học, trong đó chú trọng nhu cầu hướng dẫn nghề nghiệp. Năm 1960, Bộ Giáo dục đã nhận thức rõ được tầm quan trọng của tư vấn hướng dẫn nghề trong trường học và đã thiết lập bộ phận tư vấn và hướng dẫn tại phòng kế hoạch và nghiên cứu giáo dục (*Educational Planning and Research Division*). Để đảm bảo hiệu quả công việc tư vấn hướng nghiệp cho học sinh, người giáo viên làm công tác hướng dẫn nghề nghiệp phải nắm qua về 25 môn học, khả năng làm việc nhóm, và nhiều hoạt động tập thể khác của học sinh. Mục tiêu tư vấn hướng nghiệp được ghi rõ là giúp cá nhân có được những lựa chọn thông minh trong nghề nghiệp và có khả năng thích nghi cao trong nghề nghiệp. Đến năm 1966 thì dịch vụ tư vấn, hướng dẫn đã áp dụng tất cả ba cấp học, có những người làm công tác tư vấn hướng nghiệp riêng, đã xuất hiện những bản tin về tư vấn hướng nghiệp, định hướng trường học, khó khăn khi chuyển đổi giai đoạn học tập [21].

Tư vấn nghề nghiệp tại New Zealand

Theo tác giả Margaret E. Hashaw, tư vấn nói chung và tư vấn nghề nghiệp nói riêng tại New Zealand do một tổ chức phi chính phủ có tên là Hiệp hội nam thanh niên theo đạo cơ đốc giáo – *Young Men Christian Association YMCA* – khởi xướng và phát triển. Tuy nhiên, thuật ngữ tư vấn nghề nghiệp và tư vấn hướng nghiệp (*Career/Vocational Counseling*) được sử dụng trong rất nhiều hoàn cảnh khác nhau và không chỉ bó hẹp trong môi trường học tập. YMCA nhận ra nhu cầu tiếp tục theo đuổi sự nghiệp học tập của

những người thanh niên sau khi học hết cấp II và đã lập ra một trung tâm tư vấn hướng nghiệp vì mục đích giáo dục và mục đích nghề nghiệp. Trung tâm này có nhiệm vụ kiểm tra chất lượng đầu vào trong giáo dục, tổ chức các hoạt động học tập sau đó, lên kế hoạch nghỉ ngơi cho người học tập... Những hoạt động hướng nghiệp do YWCA sáng tạo và triển khai đã được áp dụng rộng rãi trong các trường đào tạo kỹ thuật 20 năm sau đó.

Trong môi trường giáo dục, khi nhiều học sinh gặp khó khăn về hành vi, khó khăn trong học tập... nhiều trung tâm tư vấn hỗ trợ đã ra đời và những trung tâm đó cũng làm nhiều việc liên quan đến tư vấn nói chung và hướng nghiệp nói riêng. Vào cuối những năm 20 của thế kỷ trước, ở New Zealand, hầu như tất cả các trường học đều phát triển tư vấn hướng nghiệp. Những người thực hiện có thể là giáo viên tại trường, các giảng viên thỉnh giảng có chuyên môn sâu về hướng nghiệp. Năm 1966, người ta đã chỉ định ra nhà tư vấn trường học đầu tiên với nhiệm vụ chính của nhà tư vấn trường học là hướng dẫn giáo dục, hướng nghiệp và tư vấn cho cá nhân học sinh. Đến năm 1992, tất cả các trường cấp 2 với khoảng 400 học sinh trở lên đều có dịch vụ tư vấn hướng nghiệp. Hiện nay nhu cầu tư vấn hướng nghiệp của nước này vẫn tăng cao, nhưng chi phí của chính phủ dành cho hoạt động tư vấn hướng nghiệp lại bị cắt giảm. Trên thực tế, Bộ Lao động có nhiệm vụ tuyển dụng những nhà tư vấn hướng nghiệp làm việc cho các cơ quan trực thuộc bộ và trong cả các trường đại học.

Để có người làm tư vấn hướng nghiệp nói chung, vấn đề đào tạo nhân sự được chú trọng ở ba bậc: đào tạo đại học,

đào tạo hỗ trợ tại cơ sở, và đào tạo theo các chương trình ngắn hạn do các tổ chức tự nguyện thực hiện.

Khi điều kiện xã hội có nhiều biến đổi, nhất là trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế và hậu quả của nó là nhiều người mất việc làm, khi nữ giới tham gia lao động nhiều hơn và trở thành một lực lượng lao động chính thì tư vấn hướng nghiệp nói riêng và tư vấn nghề nghiệp nói chung của đất nước này càng đóng những vai trò quan trọng. Tư vấn ở nước này tập trung vào hai mảng cơ bản là tư vấn hướng nghiệp và tư vấn cho những đối tượng chậm phát triển trí tuệ.

Xét trong lịch sử phát triển của Hiệp hội tư vấn New Zealand thì Hội tư vấn và hướng dẫn nghề nghiệp (*The New Zealand Counseling and Guidance Association*) chính là tiền thân của Hiệp hội tư vấn New Zealand hiện nay. Những thành viên đầu tiên của hiệp hội tư vấn là những người làm tư vấn học đường và hướng nghiệp. Chỉ đến năm 1990 thì hiệp hội này mới hoàn toàn đổi tên thành Hiệp hội tư vấn và mở rộng thêm lĩnh vực hoạt động trong tư vấn cộng đồng, các phòng khám tư nhân. Cho đến nay, Chính phủ cũng không có một quy chế cụ thể nào về hoạt động của các nhà tư vấn nói chung và tư vấn nghề nghiệp nói riêng, vì vậy, các nhà tư vấn phải hoạt động dựa trên những nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, phải tự đặt ra những mức phí có thể chấp nhận được.

Tư vấn nghề nghiệp ở Hàn Quốc

Khái niệm tư vấn nói chung và tư vấn nghề nghiệp nói riêng ở Hàn Quốc không phải là một khái niệm mới. Ngay

từ năm 1957, tại Hội đồng giáo dục thành phố Seoul đã cung cấp dịch vụ tư vấn giáo dục cho khoảng 40 giáo viên và trong đó có nội dung tư vấn nghề nghiệp và hướng nghiệp. Theo Kim, năm 1965, giáo dục nghề nghiệp (*career education*) đã được giới thiệu rộng rãi ở Hàn Quốc, nhưng chưa nhận được nhiều sự quan tâm của mọi người và thuật ngữ được dùng lúc đó là “Hướng dẫn nghề nghiệp” (*Career Guidance*).

Tuy nhiên, vấn đề học tập và nghề nghiệp ngày càng nhận được sự quan tâm của thế hệ trẻ Hàn Quốc. Đến năm 1989, theo số liệu thống kê cho thấy, 60% tổng số sinh viên được điều tra tại 8 trường đại học lớn đã cho rằng vấn đề học tập và nghề nghiệp được xếp là vấn đề quan trọng nhất. Điều này đã làm cho nhiều nhà nghiên cứu quan tâm đến vấn đề tư vấn hướng nghiệp. Từ năm 1990-1998 đã có khoảng 197 bài báo đề cập đến tư vấn nghề nghiệp, và tư vấn hướng nghiệp, trong đó tập trung nhiều vào quá trình ra quyết định liên quan đến nghề nghiệp. Tuy nhiên, các nhà chuyên môn ở Hàn Quốc mới chủ yếu quan tâm nhiều đến những vấn đề lý luận và các khái niệm, còn việc ứng dụng mô hình tư vấn nghề nghiệp nói chung và hướng nghiệp nói riêng của nước ngoài (chủ yếu là mô hình của Mỹ) vào nền văn hóa và xã hội Hàn Quốc thì lại chưa được quan tâm nhiều.

Nhìn chung tư vấn nghề nghiệp ở Hàn Quốc không tách riêng một cách rõ ràng với tư vấn tâm lý. Chỉ có trường Đại học Ewha - Trung tâm phụ nữ là tách vấn đề tư vấn nghề nghiệp với tư vấn tâm lý.

Sau khi phân tích việc lựa chọn những dịch vụ tư vấn nghề nghiệp được coi là có nhiều người lựa chọn, tìm hiểu cách thức tổ chức, cung cấp dịch vụ tư vấn và tiềm năng ứng dụng mô hình tư vấn hướng nghiệp của Mỹ vào Hàn Quốc, một số tác giả đã nêu ra một xu thế là trong thời gian phát triển mạnh mẽ của nền công nghiệp và việc tiếp tục duy trì những ngành nghề được coi là có tiếng tăm, có quyền lực trong xã hội như y học, khoa học thì xu hướng chọn nghề nghiệp của những người trẻ tuổi ở Hàn Quốc chủ yếu vẫn dựa vào sự tiếng tăm, tính quyền lực trong xã hội của chúng là chính. Điều này cũng giống với những người Mỹ trẻ tuổi gốc châu Á. Tuy nhiên, điểm số và cách thể hiện trong lớp học ở những năm học trước đó cũng là cơ sở để học sinh lựa chọn nghề nghiệp. Theo các tác giả, cần một thời gian khá dài nữa, có thể là vài thập kỷ để thích nghi những mô hình tư vấn hướng nghiệp của Mỹ vào nền văn hoá, xã hội, dân tộc của Hàn Quốc.

Tư vấn hướng nghiệp ở Hàn Quốc được dự báo là sẽ tiếp tục phát triển mạnh, không chỉ dừng lại ở dịch vụ cho những học sinh cấp 3, những sinh viên đại học mà còn tập trung nhiều hơn vào những học sinh cấp dưới. Điều này cũng cho thấy rằng nhu cầu đào tạo những người làm tư vấn hướng nghiệp ở Hàn Quốc sẽ là rất lớn.

Tư vấn hướng nghiệp tại Ấn Độ

Theo cách nhìn nhận của nhà tư vấn tự do Nancy Thomas, tư vấn hướng nghiệp đã được ứng dụng ở đất nước này từ rất lâu, nhưng hiện nay chưa có một công trình tổng kết về lịch sử phát triển cũng như mô hình lý thuyết, thực hành tư vấn hướng nghiệp. Hiện nay, các

bang khác nhau của Ấn Độ có quyền áp dụng những chương trình đào tạo khác nhau, vì vậy tư vấn hướng nghiệp trong hệ thống trường học phụ thuộc rất lớn vào việc: trường học ấy ở bang nào và trường học ấy là trường học công lập hay tư thục. Ở Ấn Độ, hầu như các trường tư thục có quyền hạn nhiều hơn trong việc quyết định cung cấp các dịch vụ cho học sinh, sinh viên, trong đó có cả dịch vụ tư vấn hướng nghiệp. Theo Nancy thì tư vấn hướng nghiệp được tiến hành phổ biến hơn ở những trường tư thục, và chất lượng cũng được kiểm soát tốt hơn.

Tóm lại, việc triển khai hoạt động tư vấn hướng nghiệp trong hệ thống giáo dục phổ thông ở mỗi nước là khác nhau. Ở những nước phát triển, hoạt động này được tất cả các cấp quản lý từ cấp chính phủ đến địa phương coi trọng và được triển khai rộng khắp với sự tham gia không chỉ của nhà trường, mà còn của nhiều tổ chức xã hội khác nhau, tạo thành một hệ thống liên hoàn chặt chẽ. Tạo nhiều điều kiện thuận lợi cả về mặt vật chất lẫn hệ thống những thông tin cần thiết đảm bảo cho hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho học sinh có hiệu quả. Những nghiên cứu lý thuyết và mô hình chuẩn trong tư vấn hướng nghiệp cũng là những mảng được các nước phát triển rất coi trọng và những thành tựu trong lĩnh vực này làm cho hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho học sinh có tính chuyên nghiệp.

Chương IV

NHU CẦU TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM

Học sinh THPT ở Việt Nam có nhu cầu được hướng nghiệp hay không? Để trả lời câu hỏi này chúng ta sẽ tìm hiểu những đòi hỏi khách quan, diễn biến tâm lý chủ quan ở học sinh lứa tuổi này và những mong muốn của các em về tư vấn hướng nghiệp.

4.1. Những đòi hỏi khách quan xuất phát từ môi trường sống đối với học sinh THPT có liên quan đến sự hình thành định hướng nghề nghiệp

Những đòi hỏi khách quan từ môi trường xã hội như luật về độ tuổi lao động, chương trình giáo dục phổ thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cách ứng xử của những người xung quanh... có tác động rất lớn đến việc hình thành tâm thế hướng nghiệp của học sinh THPT.

**** Những quy định về mặt pháp luật đối với tuổi lao động***

Theo Bộ luật Lao động (được sửa đổi, bổ sung năm 2007) thì “người lao động là người ít nhất đủ 15 tuổi, có khả năng lao động” (điều 6) và “người học nghề ở cơ sở dạy nghề ít nhất phải đủ 13 tuổi, trừ một số nghề do Bộ Lao

động, Thương binh và Xã hội quy định và phải có đủ sức khoẻ phù hợp với yêu cầu của nghề theo học” (điều 22).

Như vậy, về độ tuổi, học sinh THPT có đủ quyền hạn của một người lao động do Bộ luật Lao động quy định. Một mặt, quy định pháp luật này sẽ có tác động nhất định đến biểu tượng chủ quan của mỗi cá nhân trong xã hội về các mốc phát triển và trách nhiệm/nghĩa vụ (lao động) trong đường đời của mỗi thành viên trong xã hội. Mặt khác, quy định đó dẫn đến (hoặc ràng buộc lẫn nhau) những đặc thù trong việc xây dựng chương trình giáo dục phổ thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**** Đặc thù của chương trình giáo dục phổ thông***

Trong hệ thống giáo dục phổ thông của Việt Nam, ngoài cấp học trước tuổi đến trường (nhà trẻ, mẫu giáo) là cấp mà nếu trẻ không tham gia vẫn có quyền được nhập học ở các cấp tiếp theo thì quá trình giáo dục phổ thông đòi hỏi phải tuân thủ trật tự thứ bậc các cấp học. Giáo dục phổ thông ở nước ta hiện nay bao gồm tiểu học (5 năm); trung học cơ sở (4 năm) và trung học phổ thông (3 năm). Trong hệ thống các cấp học này, học sinh bắt buộc phải hoàn thành các lớp cấp dưới thì mới được quyền nhập học các lớp cao hơn. Liên quan đến đào tạo nghề thì học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở là có thể tham gia ứng thi vào các trường trung cấp dạy nghề, tốt nghiệp THPT thì có thể ứng thi vào các trường cao đẳng, đại học. Như vậy, xét riêng trong môi trường giáo dục thì những quy định liên quan đến chương trình giáo dục phổ thông cũng góp phần hình thành tâm thế hướng nghiệp ở học sinh lứa tuổi từ 14 đến 18.

*** Quan hệ xã hội và ứng xử của người lớn (cha mẹ và thầy cô giáo và những người khác...)**

Vị thế xã hội của học sinh THPT có rất nhiều thay đổi so với lứa tuổi trước đó. Một mặt, các quan hệ xã hội của các em được mở rộng. Trong các quan hệ đó, người lớn, kể cả thầy cô giáo và bố mẹ đều nhìn nhận các em như những người "chuẩn bị thành người lớn" và ứng xử phù hợp với vị thế này của các em.

Những thay đổi trong vị thế xã hội, sự thách thức khách quan của cuộc sống dẫn đến làm xuất hiện ở học sinh THPT nhu cầu về tự khẳng định mình trong xã hội, mà một trong những cách đáp ứng nhu cầu này là phải xác định để có một nghề/một công việc nhất định trong tương lai.

4.2. Những thay đổi tâm lý liên quan đến sự hình thành định hướng nghề nghiệp

Sự phát triển của các quá trình nhận thức và phát triển nhân cách có ý nghĩa rất lớn đối với sự hình thành định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT. Trình độ phát triển của tư duy lý luận và hơn nữa, một khối lượng lớn tri thức mang tính phương pháp luận về các qui luật của tự nhiên, xã hội mà học sinh THPT tiếp thu được trong nhà trường đã giúp các em hình thành nên một biểu tượng chung về thế giới cho riêng mình. Đối với các em, biểu tượng chung về thế giới có một ý nghĩa nhân cách rất riêng, nó gắn liền với nhu cầu tìm kiếm một chỗ đứng cho riêng mình trong xã hội, tìm kiếm một hướng đi, một dự định cho cuộc sống, một nghề nghiệp... Để chuẩn bị bước vào đời, thanh niên thường trăn trở với các câu hỏi về ý nghĩa và mục đích cuộc sống, về cách xây dựng một kế

hoạch sống có hiệu quả, về việc lựa chọn nghề nghiệp cho phù hợp và có ý nghĩa v.v...

4.2.1. Những hiểu biết và đánh giá của học sinh về giá trị nghề nghiệp

Mặc dù việc nhìn nhận về nghề nghiệp/việc làm ở học sinh là khác nhau: chỉ có 25,9% số học sinh cho rằng mỗi người cần phải chuyên sâu một nghề nhất định và 74,1% - cho rằng không nhất thiết mỗi người phải chuyên sâu một nghề, mà có thể làm những công việc khác nhau, miễn là có thu nhập và/hoặc đóng góp sức mình được cho xã hội và gia đình, nhưng không phân biệt khối lớp (và tuổi), địa bàn sinh sống, hầu hết học sinh THPT nhìn nhận rằng trong cuộc sống, khi đã trưởng thành, mỗi người cần phải làm một nghề hay một loại công việc nào đó (98,3% số học sinh khẳng định như vậy). Từ những suy nghĩ như vậy, học sinh ở lứa tuổi này đã nảy sinh những định hướng tìm hiểu về các vấn đề liên quan đến ngành nghề/công việc khác nhau.

Bảng 2: Đánh giá của học sinh THPT về những giá trị nghề nghiệp
(% trên số người trả lời)

Các giá trị nghề nghiệp	Giá trị có ý nghĩa thứ 1	Giá trị có ý nghĩa thứ 2	Giá trị có ý nghĩa thứ 3	Tổng
1. Đem lại địa vị/vị thế trong xã hội, cuộc sống, gia đình	2,3	4,6	4,5	11,4

2. Đưa đến thành công	0,0	0,3	0,2	0,5
3. Có thể làm cho bản thân trở thành nổi tiếng	0,0	1,0	0,6	1,6
4. Qua hoạt động nghề nghiệp có thể đóng góp, trở thành có ích cho xã hội	7,4	19,0	31,2	57,6
5. Trở thành có ích cho gia đình	15,3	16,0	16,1	47,4
6. Nghề nghiệp có giá trị tinh thần, là mục đích của cuộc sống, là phương tiện thoả mãn những nhu cầu tinh thần.	12,1	19,7	21,5	53,3
7. Làm giàu cho cá nhân	62,6	25,6	13,1	101,3
8. Hoàn thiện bản thân, có thêm kinh nghiệm sống	11,3	18,6	23,9	53,8

Trên thực tế, học sinh THPT đã có những suy nghĩ khá chín chắn về các giá trị của hoạt động nghề nghiệp/việc làm. Với các em, nghề nghiệp có những giá trị khác nhau. Giá trị có ý nghĩa nhất đối với nhiều em là thông qua hoạt động nghề nghiệp các em có thể làm giàu cho bản thân: 100% học sinh xem đây là một trong 3 giá trị quan trọng nhất của nghề nghiệp, trong đó 62,6% số em xem đây là giá trị quan trọng nhất; 25,6% - giá trị quan trọng thứ 2 và 13,1% - giá trị quan trọng thứ ba, thậm chí có em xem đây là giá trị duy nhất trong số 3 giá trị nghề nghiệp có ý nghĩa nhất đối với em. Những giá trị như qua hoạt động nghề nghiệp cá nhân có thể đóng góp cho xã hội, nghề nghiệp là một phương tiện để mỗi cá nhân hoàn thiện bản thân, có thêm nhiều kinh nghiệm sống và nghề nghiệp có giá trị tinh thần, là mục đích của cuộc sống, là phương tiện thoả mãn những nhu cầu tinh thần cũng được khoảng 1/2 số học sinh nhìn nhận, tuy nhiên những giá trị này chủ yếu được xem như những giá trị có tầm quan trọng thứ hai hoặc thứ ba. Như vậy, có thể thấy rằng, trên bình diện nhận thức, học sinh THPT vừa đề cao giá trị vật chất và giá trị tinh thần, giá trị cá nhân và giá trị xã hội mà hoạt động nghề nghiệp có thể đem lại, tuy nhiên giá trị vật chất, giá trị cá nhân được các em đề cao hơn.

Một điều rất đáng chú ý là nghề nghiệp có giá trị như một phương tiện để con người có thể đạt được một địa vị xã hội nào đó, để được nổi tiếng được rất ít học sinh ghi nhận. Thậm chí nghề nghiệp có giá trị như một phương tiện để

con người vươn đến những thành công, vươn tới thành đạt cũng chỉ có 0,5% số học sinh tham gia khảo sát nhìn nhận.

Về bản chất, nhận thức về các giá trị nghề nghiệp của mỗi cá nhân vừa là sự phản ánh hệ thang giá trị đang tồn tại trong xã hội vừa phản ánh tính thứ bậc trong hệ thống nhu cầu của mỗi cá nhân. Vì vậy, kết quả nêu trên, một mặt, có thể cho thấy tính hợp lý ở một mức độ nhất định thấp nhu cầu của Maslow, song mặt khác, chúng cũng rất đáng được quan tâm từ góc độ giáo dục định hướng giá trị sống nói chung và giáo dục định hướng giá trị nghề nghiệp cho thế hệ trẻ nói riêng. Dường như học sinh của chúng ta ít quan tâm đến vấn đề thành đạt trong cuộc đời, hay nói chính xác hơn, chưa định hướng về mục tiêu này một cách chủ động và vì lẽ đó mà các em chưa thấy được giá trị của hoạt động nghề nghiệp như một phương tiện để các em có thể vươn lên thành đạt.

Nếu những người có trách nhiệm không chú ý đến vấn đề này với một tầm nhìn xa vì tương lai của thế hệ trẻ, tương lai phát triển của đất nước, của dân tộc thì nguồn nhân lực Việt Nam sẽ bị hạn chế bởi những định hướng có tính lệch.

4.2.2. Tâm thế hướng nghiệp của học sinh

Tâm thế hướng nghiệp của học sinh THPT thể hiện ở tính tích cực tìm hiểu về các ngành nghề và định hướng lựa chọn nghề cho bản thân sau khi tốt nghiệp THPT.

Tính tích cực tìm hiểu về các ngành nghề

Bảng 3: Tính tích cực của học sinh THPT trong tìm kiếm các thông tin liên quan đến các ngành nghề

Các hoạt động tìm kiếm thông tin liên quan đến các ngành nghề khác nhau	%
Hỏi bố/mẹ hoặc những người lớn khác về các ngành nghề khác nhau	73,7
Trò chuyện với bạn bè về các ngành nghề khác nhau	70,2
Tìm hiểu về điểm chuẩn của các trường (đại học, cao đẳng, trường dạy nghề) khác nhau và các điều kiện để được vào học ở đó	66,3
Tìm mua, mượn các sách báo viết về các ngành nghề khác nhau để đọc	24,1
Quan tâm lắng nghe các chương trình trên truyền hình, đài... giới thiệu về các ngành nghề	43,9
Tham dự các buổi hội thảo giới thiệu, trao đổi về các ngành nghề khác nhau do các tổ chức xã hội thực hiện	11,7
Tham dự các buổi hội thảo du học nước ngoài	9,4
Quan tâm hơn đến các môn học có tính hướng nghiệp trong chương trình dạy học ở trường em đang học	33,0
Làm trắc nghiệm đánh giá năng lực của bản thân tại một trung tâm tham vấn nào đó làm cơ sở để chọn trường/ngành sẽ học sau khi tốt nghiệp THPT	24,7

Tâm thế hướng nghiệp phát triển mạnh làm cho học sinh THPT tích cực tìm hiểu các thông tin về các ngành nghề theo các cách khác nhau. Cách thức mà nhiều em thực hiện nhất để có được thông tin về các loại ngành nghề trong xã hội là: “Hỏi bố/mẹ hoặc những người lớn khác về các ngành nghề khác nhau” (73,7%); “Trò chuyện với bạn bè về các ngành nghề khác nhau” (70,2%); và “Quan tâm lắng nghe các chương trình trên truyền hình, đài... giới thiệu về các ngành nghề” (43,9%). Ngoài ra, nhiều em đã quan tâm tìm hiểu về một số vấn đề liên quan đến các cơ sở đào tạo khác nhau như điểm chuẩn và các điều kiện để được vào học ở các trường đó (66,3%). Chỉ có khoảng 1/4 số em có đến các cơ sở tư vấn làm trắc nghiệm đánh giá năng lực của bản thân để có cơ sở lựa chọn ngành học cho phù hợp.

Có thể thấy trong định hướng tìm kiếm thông tin phục vụ cho việc lựa chọn ngành nghề sẽ học sau khi tốt nghiệp THPT, mặc dù khoảng 1/2 số học sinh đã nhận thấy cần phải lựa chọn những ngành nghề phù hợp năng lực bản thân, nhưng phần lớn các em chưa thấy được tầm quan trọng của việc cần phải có những đánh giá một cách khoa học về sự tương hợp giữa các nhân tố chủ quan của người học/người lao động và những đòi hỏi khách quan của hoạt động nghề. Có lẽ những số liệu này không chỉ đơn thuần thể hiện sự thiếu hiểu biết của học sinh, mà còn phản ánh chất lượng của hoạt động hướng nghiệp nói chung và tư vấn hướng nghiệp nói riêng ở nước ta hiện nay. Một mặt, bản thân hoạt động tư vấn hướng nghiệp ở nước ta hiện nay chưa phát huy được vai trò như một nhân tố kích thích sự phát triển của nhu cầu xã hội -- nhu cầu lựa chọn nghề

nghiệp trên cơ sở khoa học. Mặt khác, hoạt động tư vấn hướng nghiệp hiện nay chưa sâu rộng, chưa phổ biến và về mặt chất lượng chưa đáp ứng được mong mỏi của những người có nhu cầu.

Bảng 4: Các nguồn mà học sinh có được các thông tin về các ngành nghề khác nhau

Các nguồn thông tin	Về ngành đã chọn (%)	Về các ngành nghề nói chung (%)
Từ việc làm của người thân	47,6	52,1
Từ bạn bè	34,0	57,9
Từ sách báo, tivi, internet...	53,9	58,1
Từ thực tế cuộc sống mà em quan sát được	60,8	42,3
Từ các môn học ở nhà trường PT và các cơ sở/tổ chức hoạt động trong nhà trường	28,3	52,9
Từ quảng cáo, tờ rơi	15,4	53,5
Từ hội chợ việc làm	9,6	50,6
Từ các cơ sở hướng nghiệp ngoài xã hội	15,4	46,8

Trên thực tế, những cách thức tìm kiếm thông tin thường được học sinh sử dụng không đảm bảo rằng đó là những nguồn cung cấp cho các em nhiều thông tin đáng tin cậy. Các kết quả khảo sát cho thấy học sinh có thể nhận được thông tin về các ngành nghề nói chung từ nhiều nguồn khác nhau: từ người thân, bạn bè, quảng cáo, sách báo..., nhưng những thông tin liên quan đến chính ngành nghề mà các em đã lựa chọn thì chủ yếu các em có được từ những quan sát chủ quan của bản thân các em (60,8% học sinh khẳng định điều này), tiếp đến là từ sách, báo, internet...(53,9%), từ việc làm của người thân (47,6%) và từ bạn bè (34,0%). Từ những số liệu này có thể có một số nhận xét sau:

Thứ nhất, tính tích cực tìm kiếm thông tin về các ngành nghề khác nhau của học sinh THPT chủ yếu mang tính tự phát cá nhân, các em thiếu sự hướng dẫn nên những cách thức mà các em ít quan tâm hơn (tìm kiếm thông tin qua sách, báo, các chương trình trên truyền hình, đài, internet...) lại là những nguồn, theo tự đánh giá của các em, đã cung cấp cho các em nhiều thông tin bổ ích.

Thứ hai, tính tự phát trong tìm kiếm thông tin dẫn đến chỗ, các thông tin mà các em có được sẽ không thật chuẩn xác, có tính phiến diện và tính cảm quan. Trên thực tế, độ chính xác trong đánh giá, hiểu biết của cá nhân (nhất là khi đó lại là những cá nhân đang tuổi thanh niên, đang mới bước đầu tìm hiểu về các ngành nghề) về một nghề phụ thuộc rất nhiều vào thực trạng đánh giá xã hội về nghề đó, cũng như thực trạng những người trong nghề có thái độ hành nghề như thế nào. Trong giai đoạn hiện nay

có nhiều ý kiến cho rằng nhiều công chức, chẳng hạn, trong các cơ quan nghiên cứu khoa học, làm việc không tận tâm, lãng phí thời gian làm việc, chơi nhiều làm ít... Thực trạng này nhiều khi làm cho thanh niên, học sinh có thể lầm tưởng rằng nghề nghiên cứu khoa học là một nghề nhàn hạ, thoải mái, có cơ hội có nhiều thời gian rỗi... Cách hiểu tự phát như vậy rất dễ làm xảy ra khả năng các em sẽ có những quyết định không phù hợp và không đúng với mong muốn của bản thân các em về ngành nghề sẽ học.

Bảng 5: Tính hữu ích của các thông tin mà học sinh nhận được đối với việc lựa chọn ngành học (%)

Thông tin từ các nguồn	Giúp ích nhiều	Giúp ích vừa phải	Không giúp ích gì
Từ việc làm của người thân	48,6	43,0	8,4
Từ bạn bè	20,1	67,3	12,6
Từ sách báo, tivi, internet...	48,7	44,7	6,6
Từ thực tế cuộc sống mà em quan sát được	58,7	35,2	6,1
Từ các môn học ở nhà trường PT và các cơ sở/tổ chức hoạt động trong nhà trường	23,6	52,2	24,2

Từ quảng cáo, tờ rơi	5,4	38,9	55,7
Từ hội chợ việc làm	8,0	36,8	55,2
Từ các cơ sở hướng nghiệp ngoài xã hội	16,3	41,5	42,2

Thứ ba, do tính tự phát của học sinh trong tìm kiếm thông tin về các ngành nghề khác nhau trong cuộc sống, nên tính hữu ích của những thông tin mà các em nhận được không cao. Theo đánh giá của bản thân các em, những thông tin mà học sinh có được từ quan sát thực tế của các em, từ việc làm của người thân và từ sách, báo, tivi, internet... là những thông tin giúp ích cho các em nhiều nhất trong việc lựa chọn ngành học, tuy nhiên tỷ lệ cao nhất cũng chỉ được 58,7% số học sinh ghi nhận. Đáng chú ý là những thông tin từ quảng cáo, từ hội chợ việc làm, từ các cơ sở hướng nghiệp ngoài xã hội, trong nhà trường và cả những môn học có tính hướng nghiệp trong chương trình phổ thông được khá nhiều em khẳng định rằng không giúp ích gì cho các em trong lựa chọn ngành học (tỷ lệ học sinh khẳng định như vậy dao động từ 24,2% đến 55,7% - xem bảng 5). Có những nhận định nêu trên có thể do hai khả năng. Thứ nhất, thật sự những nguồn đó không cung cấp được những thông tin hữu ích. Thứ hai, bản thân học sinh chưa có kỹ năng sử dụng các thông tin để lựa chọn ngành học một cách khoa học. Dù do nguyên nhân nào đi nữa thì những số liệu nêu trên cũng cho thấy tình trạng thiếu vắng hoặc tính kém hiệu quả của công tác hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông ở nước ta hiện nay.

Quyết định về lựa chọn ngành nghề

Bảng 6: Những suy nghĩ về việc lựa chọn trường, ngành học (%)

Suy nghĩ như thế nào về ngành học sau khi tốt nghiệp THPT	Tổng mẫu	Lớp			Thành phố		
		10	11	12	Hà Nội	Đà Nẵng	TP. HCM
Đã suy nghĩ nhiều về việc này	64,3	58,3	54,0	80,6	59,3	67,9	65,6
Đôi lúc có nghĩ đến nhưng không để tâm nhiều	31,6	36,3	39,5	19,0	39,6	30,0	32,4
Chưa bao giờ nghĩ đến	4,1	5,4	6,5	0,4	8,1	2,1	2,0

Trên cơ sở nhận thức về tầm quan trọng của nghề nghiệp/công việc đối với mỗi người trong xã hội và giá trị của hoạt động nghề nghiệp, hầu hết học sinh THPT (95,9%) đã có những suy nghĩ về ngành nghề sẽ học sau khi tốt nghiệp THPT, trong đó 64,3% đã nghĩ rất nhiều về vấn đề này. So với lớp 10 và lớp 11 thì học sinh lớp 12 đã suy nghĩ về vấn đề này nhiều hơn hẳn (80,5% học sinh lớp 12 đã suy nghĩ nhiều về các ngành nghề sẽ học so với gần 50% học sinh lớp 10 và lớp 11).

Phần lớn các em cũng đã có những quyết định lựa chọn ngành nghề sẽ học: 88,2% số em đã có những quyết định về các ngành nghề hoặc trường đại học sau này sẽ dự thi. Học sinh lớp 12 là những học sinh có tâm thế hướng nghiệp rõ

rệt hơn cả: 43,3% học sinh lớp 12 đã có quyết định rõ ràng về ngành nghề và trường sẽ học tiếp so với gần 30% học sinh lớp 10 và lớp 11. Tâm thế hướng nghề nghiệp của học sinh THPT của nước ta hiện nay có những điểm gì nổi bật đáng chú ý?

Bảng 7: Quyết định về trường/ngành học (%)

Quyết định về trường/ngành học	Tổng mẫu	Lớp			Thành phố		
		10	11	12	Hà Nội	Đà Nẵng	TP. HCM
Đã quyết định rõ về trường và khoa/ngành học cụ thể	31,6	25,4	26,5	43,3	26,9	33,5	34,1
Đã quyết định rõ về trường, nhưng chưa biết nên học khoa/ngành nào	33,5	42,0	33,1	25,7	28,4	43,8	27,4
Đã quyết định rõ về ngành học, nhưng chưa biết nên học trường nào	23,1	22,0	25,0	22,4	26,1	15,3	28,6
Chưa có quyết định rõ ràng	11,9	10,6	15,4	9,6	18,6	7,4	9,9

Thứ nhất, trình độ đào tạo nghề mà phần lớn học sinh hướng tới sau khi tốt nghiệp THPT là trình độ đại học (95,9%) và chủ yếu tập trung vào các trường đại học ở

trong nước (94,3%). Chỉ có 3,7% số em định hướng vào trình độ cao đẳng; 0,4% - vào trung cấp và 5,7% - định hướng sẽ đi học ở nước ngoài. Định hướng đào tạo nghề như vậy ở học sinh THPT sẽ làm tăng thêm tình trạng mất cân đối trong cơ cấu nguồn nhân lực của Việt Nam, đồng thời sẽ gây cho các em không ít khó khăn trong tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp đại học.

Theo điều tra của Diễn đàn kinh tế thế giới năm 2005 thì về chất lượng nguồn nhân lực, Việt Nam được xếp hạng 53 trên 59 quốc gia được khảo sát, song mất cân đối nghiêm trọng. Cụ thể:

- Ở Việt Nam cứ 1 cán bộ tốt nghiệp đại học có 1,16 cán bộ tốt nghiệp trung cấp và 0,92 công nhân kỹ thuật, trong khi đó tỷ lệ này của thế giới là 4 và 10.

- Ở Việt Nam cứ 1 vạn dân có 181 sinh viên đại học, trong khi đó của thế giới là 100, của Trung Quốc là 140, mặc dù mức thu nhập quốc dân tính theo đầu người của Trung Quốc khoảng gấp đôi của nước ta.

Điều tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2006 cho thấy, cả nước có tới 63% số sinh viên ra trường không có việc làm, 37% số còn lại có việc làm thì hầu hết phải đào tạo lại và có nhiều người không làm đúng nghề mình đã học.

Những ngành nghề mà nhiều học sinh muốn học là những ngành nghề liên quan đến hoạt động kinh tế, kinh doanh như marketing, ngân hàng, kinh tế (các loại): 48,6% số học sinh được khảo sát lựa chọn; công nghệ thông tin: 15,9% số học sinh lựa chọn. Các ngành nghề khác có tỷ lệ lựa chọn rất thấp: từ 0,3% đến 5,1%, chẳng hạn: ngành y:

5,1%; nghiên cứu cơ bản: 3,1%; giáo dục: 2,8%; kiến trúc: 2,3%; thú y: 0,3%; nấu ăn: 0,3%; ngư nghiệp: 0,3%...

Vì vậy, những trường hấp dẫn học sinh nhiều nhất là những trường thuộc khối kinh tế, kinh doanh như Kinh tế quốc dân (Hà Nội), Đại học kinh tế (TP. HCM), Ngoại thương: 34,2% số học sinh lựa chọn - đây là những trường có tỷ lệ học sinh lựa chọn cao nhất; tiếp đến là Đại học Bách khoa: 18,6%. Các trường còn lại có tỷ lệ lựa chọn dao động từ 0,2% đến 8,0% như Đại học Du lịch: 8,0%; Đại học Sư phạm: 5,7%; Đại học Khoa học tự nhiên: 5,1%; Đại học Giao thông vận tải: 0,4%; Đại học Công đoàn: 0,2%...

Những số liệu nêu trên cho thấy tình trạng mất cân đối trong việc học sinh lựa chọn các ngành nghề. Tình trạng này một mặt sẽ gây khó khăn cho các trường đại học có nhiều học sinh lựa chọn do không có đủ điều kiện cơ sở vật chất cũng như đội ngũ giảng viên đáp ứng nhu cầu của người học. Mặt khác vừa gây khó khăn cho những ngành nghề ít người lựa chọn do thiếu nguồn nhân lực, vừa gây khó khăn cho các em sau khi ra trường trong việc tìm kiếm việc làm. Theo thạc sĩ Trần Đình Lý, một trong những nguyên nhân của tình trạng này là do học sinh thiếu thông tin. Một số ngành có nhu cầu nhân lực rất lớn, nhưng nguồn cung lại quá thấp. Ví dụ ngành chế biến lâm sản đang thiếu trầm trọng đội ngũ khoa học kỹ thuật. Có công ty tìm không ra kỹ sư chế biến lâm sản, chế biến thủy sản, phát triển nông thôn và khuyến nông... mặc dù họ sẵn sàng trả mức lương rất cao. Họ đặt hàng với các trường đại học để đào tạo thêm cho họ chỉ vài chục kỹ sư theo hình thức đào tạo theo địa chỉ, chấp nhận chi phí cao hơn các

lớp bình thường rất nhiều, nhưng thực tế thì có vẻ như thí sinh lại ngần ngại học những ngành này vì lo lắng cơ hội việc làm. Vì vậy, theo Trần Đình Lý, cần hướng nghiệp trước, hướng trường sau cho học sinh [18].

Để phát triển nguồn nhân lực, cần nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X đã xác định một trong những giải pháp là phát triển hệ thống hướng nghiệp và dạy nghề, đa dạng hoá các loại hình nghề, phát triển nhanh hình thức đào tạo nghề dài hạn theo hướng hiện đại. Tuy nhiên, mục tiêu này chỉ có thể trở thành hiện thực khi công tác hướng nghiệp cho học sinh được thực hiện một cách thiết thực và hiệu quả.

Thứ hai, khoảng hơn 2/3 số học sinh còn có những băn khoăn, chưa rõ nên chọn trường hoặc khoa/ngành để học, trong số đó có 11,9% số em chưa thể có một quyết định nào về địa chỉ sẽ học sau này. Tình trạng này ở học sinh lớp 12 có giảm đi chút ít, nhưng không đáng kể: Vẫn còn gần 2/3 số học sinh lớp 12 băn khoăn chưa có quyết định rõ ràng sẽ học ở trường hoặc khoa ngành nào và 9,6% - hoàn toàn chưa có quyết định gì. Cũng cần lưu ý rằng khảo sát thực tiễn được tiến hành vào tháng 3/2008, tức là chỉ còn khoảng 3 đến 4 tháng nữa là các em sẽ tốt nghiệp THPT. Có thể thấy, rất nhiều học sinh THPT còn chưa có định hướng rõ ràng về nghề nghiệp của mình sau này. Nguyên nhân nào dẫn đến thực trạng này? Sự kém hiểu biết về những phẩm chất, năng lực của bản thân, động cơ lựa chọn nghề chưa rõ ràng, sự thiếu hụt các thông tin cần thiết về các ngành nghề và cơ sở đào tạo nghề, về nhu cầu nguồn nhân lực thuộc các lĩnh vực ngành nghề khác nhau chắc chắn là những nguyên nhân chủ

yếu dẫn đến tình trạng này. Nhận định này được minh chứng qua các kết quả sau đây:

Bảng 8: Cảm thấy như thế nào khi có những quyết định về trường/ngành sẽ học (%)

Cảm thấy như thế nào khi có những quyết định về trường/ngành sẽ học	Tổng mẫu	Lớp			Thành phố		
		10	11	12	Hà Nội	Đà Nẵng	TP. HCM
Hoàn toàn tin rằng ngành học đó sẽ phù hợp với em	36,4	34,9	36,1	37,8	38,9	33,2	37,3
Không tin tưởng lắm, còn băn khoăn không biết ngành đó có thật sự phù hợp với em không	40,9	41,3	42,5	39,4	34,6	43,5	44,0
Không tin tưởng lắm, còn băn khoăn không biết sau này có xin được việc làm đúng nghề sẽ học không	12,1	11,0	11,8	13,3	10,9	15,2	9,8
Khó trả lời	10,6	12,8	9,6	9,5	15,6	8,1	8,9

- Chỉ có 36,4% số học sinh hoàn toàn tin tưởng rằng những ngành nghề mà các em đã chọn và dự định sẽ học là hoàn toàn phù hợp với các em; 40,9% - còn băn khoăn không biết ngành nghề đã chọn có thật sự phù hợp với các em không; 12,1% - không biết sau này có xin được việc làm đúng nghề đã học không và 10,6% số học sinh cảm thấy khó trả lời. Tình trạng nêu trên diễn ra như nhau ở tất cả các khối lớp.

- Số học sinh còn băn khoăn về sự phù hợp của nghề đã chọn với năng lực của bản thân ở TP. Hồ Chí Minh và TP. Đà Nẵng cao hơn so với học sinh ở Hà Nội (44,0% - TP. Hồ Chí Minh; 43,5 - TP. Đà Nẵng so với 34,6% - Hà Nội). Những khác biệt này, một mặt cho thấy thực trạng hoạt động hướng nghiệp cho học sinh THPT (thông qua các hoạt động khác nhau) ở Hà Nội có thể tốt hơn so với ở TP. Hồ Chí Minh và TP. Đà Nẵng, nhưng mặt khác, chúng cũng có thể phản ánh rằng ý thức hướng nghiệp của học sinh hai thành phố phía nam rõ rệt hơn so với học sinh Hà Nội.

4.2.3. Lý do chọn ngành nghề sẽ học của học sinh THPT

Bảng 9: Đánh giá của học sinh THPT về những điều cần quan tâm khi chọn ngành học (%)

Những điều cần quan tâm	Tỷ lệ %
Hứng thú với ngành nghề định chọn	82,3
Sự phù hợp về tính cách với ngành nghề định chọn	51,6

Sự phù hợp về năng lực với ngành nghề định chọn	86,3
Sự cần thiết của ngành nghề định chọn đối với xã hội (nhu cầu xã hội)	34,0
Triển vọng trong tương lai của ngành nghề định chọn	53,7
Các mối quan hệ của cá nhân, gia đình, bạn bè đã hoặc sẽ có thể có với những người đang làm trong lĩnh vực ngành nghề đó	22,2

Theo các nhà chuyên môn thì ba điểm tựa cần chú ý khi một cá nhân quyết định lựa chọn ngành nghề nào đó cho mình là sự phù hợp năng lực của cá nhân với nghề, sự hứng thú, say mê nghề và nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực. Các kết quả khảo sát thực tiễn cho thấy, học sinh THPT đã hiểu được tầm quan trọng của hai điểm tựa đầu tiên là sự phù hợp năng lực với nghề và hứng thú nghề: hơn 80% số học sinh khẳng định cần phải quan tâm đến những vấn đề này khi lựa chọn ngành nghề. Tuy nhiên, nhu cầu xã hội về nhân lực trong từng lĩnh vực nghề nghiệp lại chỉ được khoảng 1/3 số học sinh chú ý. Như vậy nếu chúng ta hình dung ba điểm tựa nêu trên như ba chân của một cái kiềng - quyết định ngành nghề một cách khoa học, thì trên bình diện nhận thức, với khoảng 2/3 học sinh, cái kiềng đó đã bị lệch, nghĩa là những quyết định lựa chọn ngành nghề dựa trên cơ sở nhận thức như vậy của những học sinh này sẽ không chắc chắn đảm bảo cho các em có những thuận lợi trong tìm kiếm việc làm sau này.

Câu hỏi đặt ra là những hiểu biết như trên của học sinh đã có tác động đến việc quyết định lựa chọn ngành nghề của các em trên thực tế như thế nào?

Bảng 10: Lý do khiến học sinh THPT đã chọn các khoa/ngành hoặc trường sẽ học sau khi tốt nghiệp THPT (%)

Các lý do	Tỷ lệ lựa chọn
Đó là nghề mà bố/mẹ/người thân của em đã/đang làm.	15,5
Học nghề đó dễ xin được việc làm sau này, xã hội đang cần những người có chuyên môn về nghề này.	52,5
Đó là nghề thú vị, công việc năng động, có nhiều cái mới.	58,7
Đó là nghề có thu nhập tốt.	64,4
Làm nghề đó sẽ được nhân hạ.	5,0
Năng lực của em phù hợp với nghề đó.	57,2
Nghề đó được xã hội đánh giá cao.	20,9
Vì các bạn của em cũng chọn nghề đó.	0,9
Vì thi vào trường đó thì xác suất đỗ đại học cao hơn.	5,0
Vì học nghề đó thì sau này sẽ dễ được làm việc gần gia đình, bố mẹ.	11,2

Vì bố mẹ muốn em học nghề đó.	14,0
Đó là nghề sẽ rất phát triển trong tương lai.	53,3
Vì làm nghề đó sẽ dễ có khả năng thăng tiến sau này.	19,1
Vì làm nghề đó em sẽ dễ có những đóng góp cho xã hội.	35,4
Lý do khác.	8,6

Trên cơ sở tự đánh giá của học sinh, có thể thấy việc lựa chọn ngành nghề học sau khi tốt nghiệp THPT của các em có một số điểm nổi bật sau đây:

- Hiểu biết của học sinh về những điểm tựa cần chú ý khi lựa chọn ngành nghề không hoàn toàn chi phối hành động thực tế của các em trong lựa chọn ngành học. Tính thực tế được thể hiện ở khá nhiều em (khoảng 1/2 số học sinh) khi các em xem khả năng để tìm được việc làm sau quá trình đào tạo nghề (nhu cầu xã hội về nhân lực trong nghề đã lựa chọn) hoặc triển vọng phát triển của nghề trong tương lai là 1 trong 5 nhân tố quan trọng nhất cần tính đến khi quyết định lựa chọn một ngành nghề nhất định.

- Sự lựa chọn ngành nghề chịu sự chi phối bởi định hướng giá trị nghề của các em nhiều hơn là những hiểu biết lý thuyết là phải chọn nghề như thế nào cho khoa học. Những lý do chi phối hành động lựa chọn ngành học khá phù hợp với định hướng giá trị của các em thể hiện trong đánh giá các giá trị của hoạt động nghề nghiệp/việc làm. Thu nhập tốt là lý do được nhiều em lấy làm cơ sở để quyết định sẽ theo học một nghề nào đó nhất (64,4%).

Về cơ bản, những lý do xuất phát điểm để học sinh lựa chọn một ngành nghề nào đó thật sự gắn với những giá trị đích thực của nghề nghiệp: Nghề nghiệp có thể đem lại thu nhập, thoả mãn những nhu cầu tinh thần và tạo cơ hội cho mỗi cá nhân đóng góp sức mình cho xã hội. Tính nhân hạ của công việc hay cơ hội làm việc gần nhà không phải là những giá trị chi phối hành động lựa chọn ngành sẽ học của nhiều em. Cũng không nhiều em bị chi phối bởi mong muốn của bố mẹ (chỉ có 14,0% lựa chọn ngành nào đó do bố mẹ muốn thế), đặc biệt là bạn bè (0,9%). Cơ hội thăng tiến sau này cũng chỉ được khoảng gần 1/5 số em xem là 1 trong 5 lý do quan trọng nhất để em lựa chọn ngành nghề.

- Có một chút khác biệt trong tương quan giữa các giá trị xã hội và giá trị tinh thần cá nhân của hoạt động nghề, thể hiện khác biệt giữa định hướng giá trị nghề nghiệp trên bình diện nhận thức và định hướng giá trị nghề nghiệp trên bình diện hành động thực tế. Nếu trên bình diện nhận thức, xét về giá trị tỷ lệ phần trăm tuyệt đối thì giá trị xã hội của hoạt động nghề nghiệp (thông qua hoạt động nghề nghiệp có thể đóng góp cho sự phát triển của xã hội, đất nước) được đánh giá cao hơn một chút so với các giá trị có tính thoả mãn nhu cầu tinh thần của cá nhân thì trong hành động lựa chọn các ngành nghề sẽ học của học sinh tương quan của những giá trị đó đã thay đổi: giá trị xã hội của hoạt động nghề chỉ được khoảng 1/3 số em tự khẳng định là lý do để các em lựa chọn một nghề nào đó, trong khi sự thú vị, cuốn hút của nghề lại được 58,7% số em quan tâm. Trên thực tế, thứ bậc của các giá trị trong chi phối hành động thực tiễn của mỗi người thể hiện tính hiệu lực thực sự, thể hiện ý nghĩa nhân cách của các giá trị

đó đối với mỗi cá nhân. Những kết quả nêu trên cho thấy trong phần lớn các trường hợp, ở những hoàn cảnh đời thường thì những gì mang tính lợi ích cá nhân, dù đó là những giá trị có tính vật chất hay tinh thần thường có tính hiệu lực mạnh hơn những giá trị mang tính lợi ích xã hội. Tuy nhiên, điều này không phương hại đến lợi ích xã hội, bởi nếu cá nhân cảm thấy hứng thú với nghề thì họ sẽ tích cực trong công việc và nhờ đó mà hiệu quả lao động tăng cao. Và điều này tất sẽ mang lại lợi ích cho xã hội. Đây sẽ là điều cần chú ý trong giáo dục định hướng giá trị nghề nghiệp cho học sinh.

- Điều đáng chú ý là sự phù hợp giữa năng lực cá nhân với nghề chỉ chi phối hành động lựa chọn nghề của 57,2% số em và hứng thú nghề chỉ chi phối 58,7% số em.

4.2.4. Hiểu biết của học sinh THPT về những ngành nghề đã lựa chọn sẽ học sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông

Bảng 11: Hiểu biết của học sinh THPT về công việc phải làm trong lĩnh vực ngành nghề đã chọn và nơi sẽ làm việc (%)

Nội dung	Không biết	Biết sơ sơ/ biết một vài nơi	Biết rõ
Những công việc cụ thể có thể làm trong ngành nghề đã chọn	9,1	75,9	15,0
Nơi làm việc sau này nếu học ngành nghề này	17,1	65,2	17,7

Theo kết quả khảo sát thì khoảng 2/3 số học sinh có biết sơ sơ về các công việc cụ thể của những người lao động làm trong những ngành nghề mà các em đã chọn hoặc nơi làm việc của những người có chuyên môn ngành đó, khoảng 1/6 biết rõ và ít hơn một chút là không biết gì về những điều này. Tuy nhiên, thực chất của những hiểu biết đó là như thế nào thì chúng ta cũng dễ hình dung được, khi mà hiện nay ở nước ta chưa có những tổ chức soạn thảo những hệ thống thông tin chuẩn, chi tiết và bám sát những thay đổi trong sự phát triển của các loại ngành nghề trong xã hội.

Tóm lại, do những đòi hỏi của môi trường sống khách quan và tương ứng với chúng là sự phát triển tâm – sinh lý chủ quan, nên tâm thế hướng nghiệp ở học sinh THPT nước ta đã hình thành rõ nét. Tuy nhiên, tính tích cực của các em liên quan đến tâm thế này (tìm hiểu những thông tin cần thiết, định hướng lựa chọn ngành học sau khi tốt nghiệp THPT...) còn mang tính tự phát là chủ yếu do thiếu sự hướng dẫn của hoạt động tư vấn hướng nghiệp chuyên nghiệp.

4.3. Nhu cầu về tư vấn hướng nghiệp của học sinh trung học phổ thông

Đánh giá nhu cầu xã hội về tư vấn hướng nghiệp cần xuất phát từ hai góc độ: *Thứ nhất*, bản thân học sinh THPT hiện nay có ý thức được rằng cần có các hoạt động/cơ sở hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông hay không? *Thứ hai*, những hạn chế trong thực trạng lựa chọn ngành nghề của học sinh hiện nay như thế nào và có thể

khắc phục được những hạn chế đó bằng con đường hướng nghiệp hay không? Để trả lời câu hỏi này chúng ta sẽ tìm hiểu một số vấn đề sau đây:

4.3.1. Đánh giá của học sinh về sự cần thiết phải có các hoạt động/cơ sở hướng nghiệp

*** Sự cần thiết phải có các cơ sở tư vấn hướng nghiệp**

Bảng 12: Đánh giá của học sinh THPT về sự cần thiết phải có hoạt động/cơ sở hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông (%)

Phương án trả lời	Các hoạt động/cơ sở hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông		
	<i>Môn giáo dục hướng nghiệp</i>	<i>Cơ sở hướng nghiệp cho HS biết các thông tin cần thiết để HS tự quyết định sự lựa chọn của mình</i>	<i>Cơ sở hướng nghiệp khuyến khích cho HS biết nên chọn nghề nào</i>
Cần thiết	82,4	78,0	29,0
Không cần thiết	10,3	11,6	38,7
Không rõ	7,3	10,4	32,3
Nếu cần thiết thì từ cấp học nào?			
Cấp I	11,1	2,9	1,6
Cấp II	55,1	34,9	16,2
Cấp III	33,8	62,2	82,2

Kết quả khảo sát thực tiễn tại ba thành phố lớn là Hà Nội, Đà Nẵng và TP. Hồ Chí Minh cho những kết quả sau đây:

Phần lớn học sinh nhận thấy cần phải có các hoạt động/cơ sở hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông. 78% - số học sinh nhận thấy cần có cơ sở hướng nghiệp cung cấp cho các em những thông tin cần thiết liên quan đến các loại ngành nghề để các em có cơ sở đưa ra các quyết định cho bản thân trong lựa chọn nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp THPT; 29,0% số học sinh thấy cần thiết phải có các cơ sở hướng nghiệp có thể cung cấp trực tiếp những lời khuyên cho các em trong việc lựa chọn nghề nghiệp và 82,4% - thấy cần thiết phải có môn giáo dục hướng nghiệp trong chương trình học phổ thông.

Càng lên lớp cao hơn thì càng nhiều học sinh THPT thấy cần thiết phải có các cơ sở tư vấn hướng nghiệp cung cấp cho các em những thông tin cần thiết để các em có thể lựa chọn ngành nghề: nếu 71,0% số học sinh lớp 10 nhận thấy sự cần thiết này thì tỷ lệ tương ứng ở học sinh lớp 12 là 87,6%. Tuy nhiên, số học sinh lớp 11, lớp 12 thấy cần thiết phải có môn giáo dục hướng nghiệp trong chương trình học phổ thông giảm hẳn so với học sinh lớp 10: với các số liệu tương ứng là 78,6% - lớp 12; 78,9% - lớp 11 so với 89,5% - lớp 10. Có thể do chất lượng giảng dạy môn này trong nhà trường chưa thật tốt nên một số em lớp 11, lớp 12 đã không thấy được tính hữu dụng của những môn học này.

**** Các hoạt động/cơ sở hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông nên bắt đầu từ cấp học nào?***

Nhu cầu được học môn giáo dục hướng nghiệp hoặc được hỗ trợ bởi các cơ sở hướng nghiệp trong nhà trường

phổ thông ở học sinh là khác nhau, bởi đây là những hình thức hướng nghiệp khác nhau. Có lẽ học sinh THPT cũng ý thức được điều này nên ý kiến của các em về sự cần thiết phải có những hoạt động này trong các cấp học khác nhau cũng khác nhau. Mặc dù đa số học sinh cho rằng nên có môn giáo dục hướng nghiệp từ năm học cấp II (55,1%) hoặc cấp III (33,8%), song một tỷ lệ đáng kể học sinh (11,1%) cho rằng môn giáo dục hướng nghiệp nên bắt đầu từ cấp I. Trong khi đó, đối với các cơ sở hướng nghiệp thì phần lớn học sinh mong muốn có ở cấp PTTH (62,2% đối với các cơ sở cung cấp thông tin để các em tự lựa chọn ngành nghề cho mình và 82,2% - đối với những hoạt động theo kiểu cho lời khuyên trực tiếp).

*** Các nội dung hướng nghiệp cần có**

Các kết quả khảo sát thực tiễn cho phép có một số nhận xét sau đây:

- Các cơ sở tư vấn tâm lý trong trường học có rất nhiều nội dung hoạt động khác nhau, bao gồm cả những hoạt động liên quan trực tiếp đến hướng nghiệp, các hoạt động rèn kỹ năng sống, các hoạt động tư vấn v.v... Các kết quả khảo sát thực tiễn cho thấy một số nội dung hướng nghiệp được nhiều học sinh cho là quan trọng nhất là “bằng các công cụ thích hợp (trắc nghiệm, bảng kiểm...) các nhà chuyên môn tổ chức đánh giá, giúp những học sinh có nhu cầu hiểu được năng lực và sự phù hợp nghề nghiệp của mình” (67,5%); “Giáo dục và hướng dẫn cho học sinh những định hướng giá trị nghề nghiệp đúng đắn” (59,3%); “Giới thiệu về các ngành nghề khác nhau trong xã hội” (52,5%); “Giới thiệu cho học sinh về các chương trình đào

tạo tại các trường đại học, cao đẳng, cơ sở dạy nghề” (46,3%); “Giới thiệu cho học sinh về thị trường lao động, nhu cầu xã hội về việc làm” (46,3%).

Bảng 13: Đánh giá của học sinh THPT về các nội dung hướng nghiệp cần có (%)

Các nội dung hướng nghiệp cần có	Chọn 5 nội dung quan trọng nhất	Tiêu chí lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
Giới thiệu về các ngành nghề khác nhau trong xã hội	52,5	52,7	52,8	51,6
Đánh giá năng lực và sự phù hợp nghề nghiệp của những học sinh có nhu cầu (Bảng trắc nghiệm, bảng kiểm, thang đo)	67,5	66,3	69,7	66,2
Tập huấn cho học sinh các chiến lược đối phó với các vấn đề trong cuộc sống nói chung	57,6	63,4	61,9	48,4
Tập huấn kỹ năng quan hệ bạn bè, quan hệ xã hội	59,8	64,4	61,0	54,3
Hỗ trợ các kỹ năng làm bài tập, bài thi	35,9	35,1	30,3	42,5

Giới thiệu các chương trình đào tạo tại các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề	46,4	44,9	45,4	48,9
Giới thiệu về quá trình nộp đơn thi vào các trường đại học	32,9	30,7	27,1	40,6
Giới thiệu về thị trường việc làm, nhu cầu xã hội về việc làm	46,3	44,9	41,7	51,6
Hướng cho học sinh những định hướng giá trị nghề nghiệp đúng đắn	59,3	64,4	59,2	54,8
Các nội dung khác	1,1	1,0	1,4	0,9

- Có thể thấy rằng phần lớn học sinh THPT đã nhận rõ được tầm quan trọng của năng lực cá nhân và sự phù hợp của năng lực đó với từng loại ngành nghề (nội dung hướng nghiệp được nhiều học sinh lựa chọn nhất). Đây là một nội dung quan trọng mà các cơ sở tư vấn hướng nghiệp có thể đáp ứng được từ góc độ chuyên môn của mình.

- Học sinh THPT không chỉ có nhu cầu hiểu biết về những gì cấp thiết trước mắt, phục vụ trực tiếp cho việc lựa chọn ngành nghề và nơi học như đánh giá năng lực cá nhân và sự phù hợp nghề, các kiến thức về các loại ngành nghề khác nhau... mà còn quan tâm đến những vấn đề xa hơn liên quan đến việc làm và hành nghề sau này như nhu cầu xã hội về nhân lực thuộc các ngành nghề khác nhau,

định hướng giá trị nghề nghiệp. Tuy nhiên, so với học sinh lớp 10, lớp 11 thì học sinh lớp 12 có nhu cầu cao hơn về một số vấn đề liên quan trực tiếp đến việc lựa chọn ngành nghề, nơi đào tạo và kỹ năng thi cử.

- Bên cạnh những nội dung liên quan trực tiếp đến hướng nghiệp thì rất nhiều học sinh thấy cần thiết tổ chức trong trường học những hoạt động rèn luyện kỹ năng sống như kỹ năng đối phó với những vấn đề trong cuộc sống nói chung, kỹ năng quan hệ xã hội - những kỹ năng không liên quan trực tiếp đến nghề nghiệp nhưng lại rất quan trọng trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp của mỗi cá nhân (hơn 70% số học sinh khẳng định điều này). Những số liệu thu được từ khảo sát thực tiễn cho thấy học sinh THPT có nhu cầu được rèn luyện những kỹ năng này còn cao hơn nhu cầu trực tiếp liên quan đến hướng nghiệp.

- Thực tiễn của các nước phát triển đã cho thấy công tác hướng nghiệp cho học sinh rất quan trọng. Bên cạnh đó, thực trạng khả năng đáp ứng nhu cầu lao động của nguồn nhân lực Việt Nam hiện nay thấp và tình trạng vừa thừa vừa thiếu lao động trong cân đối các nguồn nhân lực thuộc những ngành nghề khác nhau. Những điều này đã cho thấy công tác hướng nghiệp là rất cần thiết. Tuy nhiên, giá trị tuyệt đối của các kết quả thu được cũng cho thấy nhu cầu tư vấn hướng nghiệp của học sinh THPT chưa thật mạnh (với những nội dung quan trọng như đánh giá năng lực và sự phù hợp nghề, cung cấp kiến thức về các loại nghề, định hướng giá trị nghề nghiệp, thông tin về thị trường việc làm... thì cũng chỉ có khoảng gần 1/2 số học sinh cho đến khoảng 2/3 số em cảm thấy có nhu cầu được

phục vụ). Điều này cho thấy nhiều học sinh còn chưa thấy được ý nghĩa của việc lựa chọn ngành nghề một cách khoa học và tình trạng này thuộc về trách nhiệm của những người làm công tác giáo dục nói chung và những người làm công tác hướng nghiệp nói riêng. Họ chưa đánh thức được nhu cầu xã hội, chưa làm cho học sinh hiểu rõ được tầm quan trọng của việc lựa chọn ngành nghề đối với mỗi cá nhân cũng như đối với toàn xã hội.

*** Những hình thức hướng nghiệp tốt nhất**

Bảng 14: Đánh giá của học sinh về các hình thức hướng nghiệp tốt nhất (%)

Các hình thức hướng nghiệp tốt nhất	Chọn 4 hình thức tốt nhất	Tiêu chí lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
Tổ chức hội thảo và những người làm hướng nghiệp giới thiệu chung cho toàn bộ học sinh theo định kỳ	20,2	19,9	18,3	22,1
Những người làm giáo dục hướng nghiệp tổ chức các buổi hội thảo với học sinh theo quy mô nhỏ (từ 10-20 học sinh)	27,2	25,9	21,2	34,1
Các nhà chuyên môn làm việc cá nhân với từng học sinh hoặc nhóm học sinh theo yêu cầu của học sinh	36,8	35,3	38,9	36,4

Các nhà chuyên môn làm việc với học sinh và cha mẹ học sinh	20,4	18,4	18,8	24,0
Tổ chức kết hợp công tác hướng nghiệp với các hình thức hoạt động ngoại khoá, văn nghệ	25,0	27,4	24,5	23,0
Tổ chức cho học sinh đi tham quan các trường đại học, cao đẳng, cơ sở dạy nghề hoặc các nhà máy, xí nghiệp, các viện nghiên cứu, bệnh viện...	59,7	64,7	62,5	52,5
Tổ chức cho học sinh nghe những người đang làm việc tại các cơ sở, tổ chức ngành nghề khác nhau nói chuyện về công việc của họ	36,8	38,8	36,1	35,9
Tổ chức cho học sinh được học và thực hành một nghề nào đó trong quá trình học phổ thông	37,7	41,8	36,5	35,5
Các thầy/cô giáo lồng ghép giáo dục nghề trong quá trình dạy các môn cơ bản	18,9	18,4	21,6	16,1
Hình thức khác	1,0	0,5	1,4	0,9

Hình thức hướng nghiệp tốt nhất được nhiều học sinh lựa chọn là “Tổ chức cho học sinh đi tham quan các trường đại học, cao đẳng, cơ sở dạy nghề hoặc các nhà máy, xí nghiệp, các viện nghiên cứu, bệnh viện...” (59,7% số học sinh lựa chọn); “Tổ chức cho học sinh được học và thực hành một nghề nào đó trong quá trình học phổ thông” (37,7%); “Các nhà chuyên môn làm việc cá nhân với từng học sinh hoặc nhóm học sinh theo yêu cầu của học sinh” (36,8%) và “Tổ chức cho học sinh nghe những người đang làm việc tại các cơ sở, tổ chức ngành nghề khác nhau nói chuyện về công việc của họ” (36,8%).

Có thể thấy học sinh mong muốn có được những thông tin về các ngành nghề khác nhau thông qua những hoạt động hoặc mang tính trực quan/hành động (quan sát trực tiếp các cơ sở đào tạo nghề, hay trực tiếp thực hành nghề) hoặc mang tính sát thực (nghe những người trong nghề nói về công việc của họ) và sát với những nhu cầu cụ thể của mỗi học sinh (tham vấn cá nhân).

Những hình thức hướng nghiệp theo kiểu giáo viên lồng ghép giáo dục nghề trong quá trình giảng dạy các môn cơ bản, hội thảo với quy mô lớn, tham vấn đồng thời cho học sinh và cha mẹ các em không được nhiều học sinh đánh giá cao so với các hình thức khác. Đánh giá về tính hiệu quả của hình thức tổ chức cho học sinh được học và thực hành một nghề nào đó trong quá trình học phổ thông giảm hẳn từ lớp 11. Trên thực tế, đây là một hình thức hướng nghiệp hiện nay đang được áp dụng trong các nhà trường phổ thông thông qua chương trình học môn Nghề. Như vậy,

những người có trách nhiệm xây dựng chương trình giáo dục cũng cần chú ý đến những thay đổi trên trong đánh giá của học sinh để có thể có những cải tiến nội dung và cách thức giảng dạy nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục hướng nghiệp.

Có những khác biệt trong đánh giá của học sinh lớp 12 so với học sinh lớp 10 và lớp 11 về tính hữu dụng của các hình thức hướng nghiệp được nghiên cứu. Tính hữu dụng của những hình thức hướng nghiệp có tính trực quan và tính sát thực tế vẫn được học sinh lớp 12 đánh giá cao, song nhu cầu của các em về chúng giảm đi chút ít so với các học sinh các lớp 10, lớp 11, thay vào đó là học sinh lớp 12 có nhu cầu cao hơn về tư vấn trực tiếp cho học sinh và cha mẹ các em và về những hội thảo với các quy mô khác nhau cung cấp cho các em những thông tin cần thiết cho việc lựa chọn ngành nghề và cơ sở đào tạo ngành nghề.

Tuy nhiên, ý thức về sự tồn tại của nhu cầu cần được hướng nghiệp ở học sinh THPT chưa cho thấy tính tích cực chủ động hay tính thụ động của các em trong việc ra các quyết định quan trọng liên quan đến cả cuộc đời sự nghiệp của mình sau này.

Bảng 15: Mong muốn của học sinh THPT về cách thức tư vấn hướng nghiệp

		% lựa chọn
Cách thức 1	<i>Giới thiệu cho biết các thông tin cần thiết để tự quyết định hướng học nghề sau này của mình</i>	86,2
	<i>Lý do</i>	
	1. Để hiểu rõ về nghề, để có trách nhiệm với nghề	3,4
	2. Để lựa chọn được nghề phù hợp với bản thân	56,7
	3. Muốn tự mình khẳng định sự lựa chọn của mình	37,4
	4. Chỉ có bản thân mình mới hiểu mình thích nghề gì	17,7
	5. Người khác không hiểu rõ thông tin	0,3
Cách thức 2	<i>Ai đó (bố mẹ, các nhà chuyên môn...) khuyên thẳng cho em biết em nên học nghề nào</i>	13,8
	<i>Lý do</i>	
	1. Người lớn có nhiều kinh nghiệm hơn	58,2
	2. Vì em không hiểu rõ năng lực của em	42,9
	3. Được khuyên thẳng thì đỡ phải nghĩ, quyết định nhanh hơn	7,7

Trên thực tế, phần lớn học sinh mong muốn được tự quyết định sự lựa chọn ngành nghề sau này của mình. 86,2% số em mong muốn được tiếp cận với cách thức tư vấn hướng nghiệp theo kiểu cung cấp cho các em những thông tin cần thiết liên quan đến các loại ngành nghề để các em có cơ sở đưa ra các quyết định cho bản thân trong lựa chọn nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp THPT, vì như vậy các em sẽ có cơ sở để có được những lựa chọn phù hợp với bản thân (56,7%), vì các em hiểu rằng các em là những người hiểu rõ bản thân mình nhất (17,7%) và các em muốn được tự quyết định, tự làm chủ cuộc sống của mình (38,4%).

Nhưng không ít học sinh THPT tỏ ra thụ động và bối rối trong việc ra các quyết định liên quan đến cả cuộc đời sự nghiệp của mình sau này. 13,8% số em muốn được tiếp cận với cách thức tư vấn hướng nghiệp theo kiểu các cơ sở tư vấn hướng nghiệp có thể cung cấp trực tiếp những lời khuyên cho các em trong việc lựa chọn nghề nghiệp sau này, vì các em không hiểu rõ năng lực của bản thân (42,9%) và tin rằng người lớn (bố mẹ, các nhà chuyên môn...) có nhiều kinh nghiệm hơn các em, thậm chí một số em còn ỉ lại người lớn, không muốn phải nghĩ đến trách nhiệm của mình đối với hoạt động nghề nghiệp của chính bản thân, các em muốn người lớn quyết định hộ “cho nhanh” (7,7%).

Các kết quả nêu trên cho thấy không chỉ học sinh thiếu các thông tin cần thiết về các loại ngành nghề trong xã hội, về các cơ sở đào tạo, mà còn thiếu cả những phẩm chất tâm

lý cần thiết đối với bất cứ ngành nghề nào như hứng thú nghề nghiệp, cảm nhận về thiên hướng nghề nghiệp và những hiểu biết về phẩm chất tâm lý cần thiết (thích hợp) của người lao động đối với mỗi loại nghề. Đây là hệ quả của tình trạng thiếu hụt những hoạt động hướng nghiệp một cách khoa học trong các nhà trường phổ thông hoặc trong xã hội mà hệ thống giáo dục hiện nay của Việt Nam chưa quan tâm đúng mức và chưa có các biện pháp khắc phục.

Sự cần thiết phải có các hoạt động hướng nghiệp cho học sinh THPT còn được khẳng định thông qua một số kết quả thu được từ khảo sát thực tiễn sinh viên về cảm nhận của họ liên quan đến các ngành nghề mà họ đang theo học.

Những trải nghiệm của sinh viên liên quan đến ngành đang học sau khi họ đã có một thời gian học tập ở các trường đại học có thể xem như những chỉ báo chủ quan phản ánh tính đúng đắn của những quyết định lựa chọn ngành nghề của họ khi họ còn là học sinh THPT. Những kết quả thu được từ khảo sát về vấn đề này cho thấy một thực trạng rất đáng quan tâm. Theo khảo sát của Trung tâm Tư vấn hướng nghiệp thuộc trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2005 thì hơn 50% sinh viên được khảo sát đã cho rằng mình đã không lựa chọn được ngành học phù hợp với năng lực và sở thích của bản thân. Các kết quả khảo sát của chúng tôi năm 2008 không cho thấy tình trạng sáng sủa hơn.

- Chỉ có 37,9% số sinh viên năm thứ 2 được hỏi khẳng định rằng họ nhận thấy càng học càng cảm thấy rằng

ngành họ đang học giống với những gì họ đã hiểu về ngành này khi còn ngồi trên ghế nhà trường phổ thông;

- 34,7% nhận thấy ngành đang học phù hợp với năng lực của họ;

- 50,5% cảm thấy hứng thú với ngành đang học;

- 45,0% khẳng định sẽ vẫn chọn để được học ngành đang học nếu như ở vào tình huống có cơ hội lựa chọn lại:

- 57,0% muốn được làm đúng nghề đang học sau khi tốt nghiệp đại học.

Bảng 16: Cảm nhận và mong muốn của sinh viên liên quan đến ngành nghề đang theo học (%)

Các tình huống câu hỏi	Phương án trả lời		
	<i>Sau khi đã học ở trường đại học một thời gian, bạn cảm thấy:</i>	Càng học càng cảm thấy ngành đang học phù hợp với năng lực của bản thân	Càng học càng cảm thấy ngành đang học không phù hợp với năng lực của bản thân
34,7		15,3	50,0
Càng học càng cảm thấy hứng thú với ngành đang học		Càng học càng cảm thấy không hứng thú với ngành đang học	Khác trả lời
50,5		10,5	39,0

	Càng học càng cảm thấy ngành đang học giống với những gì mình đã nghĩ trước đây về ngành nghề này	Càng học càng cảm thấy ngành đang học không giống với những gì mình đã nghĩ trước đây về ngành nghề này	Khó trả lời
	37,9	26,3	35,8
<i>Giả định rằng thời gian có thể quay ngược lại và bạn có cơ hội lựa chọn lại nghề tương lai của mình. Khi đó bạn có quyết định như thế nào?</i>	Sẽ lại thi vào ngành nghề này	Sẽ thi để được học một ngành nghề khác	Khó trả lời
	45,0	38,0	17,0
<i>Sau khi tốt nghiệp đại học, bạn có mong muốn làm đúng nghề mà bạn đang học không?</i>	Có	Không	Khó xác định
	57,0	21,0	22,0

Ghi chú: Người trả lời là 100 sinh viên năm thứ 2 Đại học Bách khoa Hà Nội và Đại học dân lập Ngoại ngữ - Tin TP. Hồ Chí Minh.

Số còn lại phần đông cảm thấy khó trả lời về những vấn đề nêu trên hoặc khẳng định những trải nghiệm âm tính liên quan đến những vấn đề đó:

- 26,3% số sinh viên càng học càng cảm thấy rằng ngành họ đang học không giống với những gì họ đã hiểu về ngành này khi còn ngồi trên ghế nhà trường phổ thông;
- 15,3% nhận thấy ngành đang học không phù hợp với năng lực của bản thân;
- 10,5% cảm thấy không hứng thú với ngành đang học;
- 38,0% khẳng định sẽ chọn học một ngành khác nếu như ở vào tình huống có cơ hội lựa chọn lại, và
- 21,0% không muốn làm đúng nghề đang học sau khi tốt nghiệp đại học.

Những trải nghiệm nêu trên hầu như không có khác biệt khi so sánh những sinh viên đã được vào học trường đại học theo nguyện vọng một, nguyện vọng hai hay nguyện vọng ba, hoặc nhóm sinh viên đã có những suy nghĩ về ngành nghề đang học ngay từ khi học lớp 10 hay lớp 11, lớp 12.

Những số liệu nêu trên không chỉ cho thấy ở vào thời điểm phải lựa chọn ngành học, nhiều học sinh không đủ thông tin hoặc không có những thông tin chính xác về các ngành nghề mà các em đã chọn. Những lựa chọn sai lầm về ngành học do thiếu hiểu biết về các loại ngành nghề đã không tạo ra được ở nhiều em sự hứng thú, gắn bó với nghề.

Trước đây, trong một thời gian dài, khi nghiên cứu về năng lực và hiệu quả làm việc của con người, các nhà nghiên cứu hầu như tập trung chủ yếu vào các quá trình nhận thức như tư duy, khả năng tri giác, tưởng tượng, trí nhớ... nhưng những năm gần đây, khi nghiên cứu xúc cảm như một dạng trí tuệ, nhiều nhà tâm lý học đã đặc biệt chú ý đến vai trò của niềm say mê, hứng thú nghề của người lao động đối với hiệu quả công việc của họ. Trong một cuộc nghiên cứu 200 họa sĩ 18 tuổi sau khi họ tốt nghiệp trường mỹ thuật, Csikszentmihalyi nhận thấy rằng chỉ những sinh viên say mê vẽ mới trở thành họa sĩ giỏi. Những người được kích thích bởi giấc mơ nổi tiếng hay giàu có, phần lớn đã bỏ nghề sau khi nhận bằng tốt nghiệp. Hầu như tất cả những người thành đạt trong sự nghiệp đều khẳng định rằng, muốn có được thành tích thì trước hết người lao động phải say mê, hứng thú với lĩnh vực mà họ đang làm [6]. Các kết quả của chúng tôi cũng cho thấy trong số những sinh viên cảm thấy ngành đang học phù hợp với năng lực của bản thân và hứng thú với ngành học, tỷ lệ số em gắn bó với nghề (muốn được làm đúng nghề hoặc vẫn lựa chọn ngành đang học khi ở vào tình huống có cơ hội được lựa chọn lại ngành học) cao hơn hẳn tỷ lệ tương ứng trong số những em không hứng thú với ngành học hoặc thấy ngành học không phù hợp với năng lực của bản thân (xem bảng 17).

Bảng 17: So sánh trải nghiệm của sinh viên sau một thời gian học đại học theo một số tiêu chí

	Ngành học phù hợp năng lực hay không? ($p < 0,01$)			Có hứng thú với ngành đang học hay không? ($p < 0,01$)		
	<i>Có</i>	<i>Không</i>	<i>Khó trả lời</i>	<i>Có</i>	<i>Không</i>	<i>Khó trả lời</i>
<i>Nếu có cơ hội lựa chọn lại, có chọn ngành học hiện nay hay không?</i>						
Sẽ lựa chọn lại nghề này	70,6	33,3	30,6	66,7	30,0	18,9
Sẽ lựa chọn nghề khác	14,7	60,0	46,9	16,7	70,0	56,8
Khó trả lời	14,7	6,7	22,4	16,7	0,0	24,3
<i>Mong muốn làm nghề đang học hay không?</i>						
Muốn làm nghề hiện nay đang học	85,3	26,7	49,0	79,2	40,0	35,1
Không muốn làm nghề hiện nay đang học	8,8	53,3	18,4	6,3	50,0	35,1
Khó trả lời	5,9	20,0	32,7	14,6	10,0	29,7

Chúng ta hãy tưởng tượng nguồn nhân lực tiềm năng đang chuẩn bị thật sự tham gia vào lực lượng lao động của xã hội chỉ sau vài ba năm nữa mà có những trải nghiệm xúc cảm âm tính như vậy đối với ngành nghề đang theo học, có những băn khoăn trăn trở với nghề như vậy thì hiệu quả làm việc của họ sẽ như thế nào? Khả năng cống hiến của họ cho gia đình, xã hội và cho chính bản thân họ sẽ đến đâu? Rất nhiều nghiên cứu cho thấy tính tích cực nghề nghiệp, hiệu quả làm việc của người lao động phụ thuộc rất nhiều vào những trải nghiệm xúc cảm của họ với lĩnh vực nghề nghiệp mà họ đang làm.

Sự thiếu hiểu biết về các loại ngành nghề, về năng lực và hứng thú nghề nghiệp của bản thân đã dẫn đến những lựa chọn sai lầm và điều đó sẽ gây lãng phí cho không chỉ xã hội mà cho chính bản thân các em khi phải bỏ ra khoảng thời gian 4 năm để học một nghề mà các em không thật sự muốn và rồi rất có thể sẽ rời bỏ nghề đó sau khi tốt nghiệp. Trách nhiệm trước tình trạng này một phần không nhỏ thuộc về các nhà giáo dục nói chung và giáo dục hướng nghiệp, tư vấn hướng nghiệp nói riêng.

Như vậy, do những đặc thù của môi trường sống khách quan và sự phát triển tâm sinh lý của bản thân, ở học sinh THPT đã hình thành rõ nét định hướng nghề nghiệp và nảy sinh nhu cầu được tư vấn hướng nghiệp. Tuy nhiên, dù trên thực tế hành động liên quan đến việc thoả mãn định hướng nghề nghiệp của học sinh chủ yếu còn mang tính tự phát và do đó kém tính hiệu quả, song bản thân nhu cầu được tư vấn hướng nghiệp ở các em chưa đạt đủ

hiệu lực để có thể hướng dẫn hành động thực tiễn của các em. Đây là hệ quả của việc thiếu định hướng một cách có ý thức từ phía xã hội trong triển khai những nghiên cứu về giáo dục hướng nghiệp nói chung, nhu cầu về tư vấn hướng nghiệp nói riêng của các nguồn nhân lực trong xã hội.

Chương V

GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP TẠI VIỆT NAM

Việc thực hiện bất cứ một hoạt động xã hội nào, nhất là hoạt động mang tính giáo dục đều phải dựa trên cơ sở pháp lý nhất định. Vì vậy, trong phần này, trước hết chúng tôi sẽ trình bày những văn bản của các cấp quản lý nhà nước và quản lý giáo dục có liên quan đến hoạt động hướng nghiệp nói chung, hoạt động tư vấn hướng nghiệp nói riêng cho học sinh THPT. Những quy định, chính sách trong các văn bản này được xem như là cơ sở pháp lý của hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho học sinh THPT. Sau đó sẽ phân tích thực trạng hoạt động này trong thực tiễn giáo dục.

5.1. Các chủ trương, chính sách và quyết định của các cấp quản lý nhà nước và quản lý giáo dục về công tác hướng nghiệp cho học sinh THPT

Nhìn lại lịch sử phát triển tư vấn hướng nghiệp của nhiều nước trên thế giới, chúng ta đều dễ dàng nhận thấy một điều là những quy định, chính sách và định hướng hoạt động hướng nghiệp của các cấp quản lý đóng vai trò vừa là cơ sở pháp lý, vừa như những "cú huých" cho công tác hướng nghiệp phát triển. Ở Việt Nam, cơ sở pháp lý của hoạt động hướng nghiệp được thể hiện qua những chủ

trương, chính sách, văn bản luật pháp của Nhà nước, qua những thông tư, quyết định có liên quan của các cơ quan quản lý trực tiếp – Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ngay từ những năm đầu của thập niên 80 thế kỷ XX, Nhà nước Việt Nam đã có những thông tư, văn bản hướng dẫn về hướng nghiệp. Chúng ta có thể kể một số quyết định, văn bản pháp luật, thông tư, cơ bản như sau:

- Văn bản đầu tiên của Nhà nước Việt Nam liên quan đến công tác hướng nghiệp là Quyết định 126/CP ngày 19/3/1981 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn. Đây là quyết định về công tác hướng nghiệp cho học sinh phổ thông và sử dụng học sinh tốt nghiệp các cấp THCS và THPT. Quy định này xác định: 1) Mục đích của công tác hướng nghiệp; 2) Nhiệm vụ của công tác hướng nghiệp; và 3) Biện pháp thực hiện và giao nhiệm vụ cho các bộ, ngành, địa phương phối hợp với ngành giáo dục thực hiện.

Sau khi ban hành Quyết định 126, Chính phủ đã có nhiều thông tư hướng dẫn thực hiện, ví dụ như Thông tư 31/TT ngày 17/8/1981 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện Quyết định 126/CP. Thông tư 31 đã làm rõ những vấn đề như: 1) Vị trí và nhiệm vụ của công tác hướng nghiệp; 2) Quy định 4 hình thức (con đường) giáo dục hướng nghiệp cho học sinh phổ thông; 3) Tổ chức thực hiện trong ngành giáo dục; 4) Những công việc cần làm ngay. Sau đó một năm, Chính phủ lại tiếp tục có Thông tư 48, ngày 27/4/1982 hướng dẫn thực hiện Quyết định 126/CP hướng dẫn xây dựng các Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp.

Năm 1986, Nghị quyết Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định “Trường phổ thông phải chuyển mạnh theo hướng dạy kiến thức phổ thông cơ bản, lao động kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp và dạy nghề”.

Quyết định số 23/QĐ-HĐBT về một số vấn đề cấp bách trong giáo dục, ký ngày 29/3/1989 của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng đã nêu rõ trách nhiệm của ngành giáo dục trong việc chỉ đạo các trường THPT triển khai các hoạt động hướng nghiệp cho học sinh nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội của đất nước.

Thông tư số 18, ký ngày 11/8/1990 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 1990 -- 1991 đã nhấn mạnh: nhà trường phải tích cực tạo mọi điều kiện để dạy nghề cho học sinh phổ thông.

Quyết định số 2397/QĐ-BGD-ĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký ngày 17/9/1991 đã nhấn mạnh các trường phổ thông cần phối hợp giữa hoạt động dạy nghề với việc tuyên truyền, hướng nghiệp cho các em về các lĩnh vực lao động nghề nghiệp mà xã hội đang cần. Đồng thời quyết định này cũng ban hành danh mục nghề và chương trình dạy nghề cho học sinh THCS và THPT, tạm thời áp dụng trong năm học 1991 – 1992.

Ngày 28/12/2001 Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 201/2001/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2001 -- 2010. Trong quyết định này đã nêu rõ: các trường THPT cần chú trọng công tác hướng nghiệp để tạo điều kiện cho việc phân luồng sau THPT, để học sinh vào đời hoặc chọn ngành nghề tiếp tục học sau khi tốt

ng nghiệp THPT. Nhằm triển khai quyết định này của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số 47/2002/QĐ-BGD-ĐT ngày 19/11/2002 về việc biên soạn bộ sách dùng trong công tác hướng nghiệp cho học sinh phổ thông từ lớp 9 đến lớp 12.

Một trong những văn bản quy định rõ ràng nhất về công tác hướng nghiệp là Chỉ thị 33/2003/CT-BGD-ĐT ngày 23/07/2003 về tăng cường giáo dục hướng nghiệp cho HSPT. Chỉ thị quy định 6 nội dung cần triển khai: 1) Xác định nhận thức về giáo dục hướng nghiệp; 2) Quán triệt yêu cầu giáo dục hướng nghiệp trong quá trình xây dựng chương trình và biên soạn sách giáo khoa; 3) Triển khai hoạt động giáo dục hướng nghiệp - tư vấn hướng nghiệp; 4) Nâng cao chất lượng dạy nghề phổ thông; 5) Xây dựng các Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp; và 6) Xã hội hoá giáo dục hướng nghiệp. Chỉ thị này cũng khẳng định triển khai công tác giáo dục hướng nghiệp trong các trường THPT trên phạm vi toàn quốc.

Ngày 29/7/2005 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chỉ thị số 22/2005 về nhiệm vụ của ngành giáo dục năm học 2005 – 2006, trong đó nhấn mạnh “đẩy mạnh công tác giáo dục hướng nghiệp, thực hiện phân luồng trong đào tạo phù hợp với yêu cầu nhân lực của địa phương”. Ngày 4/8/2005 Bộ Giáo dục và Đào tạo có công văn hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục năm học 2005 – 2006, trong đó yêu cầu các trường THPT trong cả nước thực hiện tốt công tác hướng nghiệp cho học sinh và nhấn mạnh “Tạo bước chuyển mạnh mẽ trong giáo dục hướng nghiệp... Tăng cường công tác tư vấn nghề cho học sinh

cuối cấp THCS và THPT, coi đó là nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục hướng nghiệp, góp phần phân luồng học sinh”

Đại hội đại biểu toàn quốc lần X của Đảng đã thông qua văn kiện xác định đổi mới toàn diện giáo dục đào tạo, trong đó yêu cầu dạy học phân ban và tự chọn ở cấp THPT trên cơ sở làm tốt công tác hướng nghiệp và phân luồng từ THCS.

Tuy nhiên, sự xuất hiện của Luật Giáo dục (năm 1998 và 2006) mới thực sự là một văn bản quy định rất rõ về mục tiêu giáo dục, cách thức tiến hành hướng nghiệp trong hệ thống giáo dục. Chúng ta có thể điểm qua những điều quan trọng trong Luật Giáo dục có liên quan đến hướng nghiệp. Ví dụ:

- *Điều 2:* Mục tiêu giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- *Điều 3:* quy định hoạt động giáo dục phải được thực hiện nguyên lý học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, lý luận gắn liền với thực tiễn, giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.

- *Điều 27:* quy định 1) Mục tiêu của giáo dục phổ thông là giúp học sinh phát triển hoàn thiện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa, xây dựng tư

cách và trách nhiệm công dân, chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động, tham gia xây dựng và bảo vệ tổ quốc; 2) Giáo dục trung học cơ sở nhằm giúp học sinh củng cố và phát triển những kết quả của giáo dục tiểu học, có học vấn phổ thông ở trình độ cơ sở và những hiểu biết ban đầu về kỹ thuật và hướng nghiệp để tiếp tục học phổ thông trung học, trung cấp, học nghề hoặc đi vào cuộc sống lao động; 3) Giáo dục trung học phổ thông nhằm giúp học sinh củng cố và phát triển những kết quả của giáo dục trung học cơ sở, hoàn thiện học vấn phổ thông và những hiểu biết thông thường về kỹ thuật và hướng nghiệp, có điều kiện phát huy năng lực cá nhân để lựa chọn hướng phát triển, tiếp tục học đại học, cao đẳng, trung cấp, học nghề hoặc đi vào cuộc sống lao động.

- *Điều 28*: nêu rõ những yêu cầu về nội dung, phương pháp giáo dục phổ thông, đó là nội dung giáo dục phổ thông phải bảo đảm tính phổ thông, cơ bản, toàn diện, hướng nghiệp và có hệ thống, gắn với thực tiễn cuộc sống... giáo dục trung học cơ sở phải củng cố, phát triển những nội dung đã học ở tiểu học, bảo đảm cho học sinh có những hiểu biết phổ thông cơ bản... có những hiểu biết cần thiết tối thiểu về kỹ thuật và hướng nghiệp.

Sau khi Luật Giáo dục được ban hành, Chính phủ đã có Nghị định 75/2006/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Giáo dục. Nội dung của Nghị định tập trung vào một số điều, trong đó có liên quan đến hướng nghiệp. Chẳng hạn, điều 3 quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục. Nội dung cụ thể bao gồm:

1) Hướng nghiệp trong giáo dục là hệ thống các biện pháp tiến hành trong và ngoài nhà trường để giúp học sinh có kiến thức về nghề nghiệp và có khả năng lựa chọn nghề nghiệp trên cơ sở kết hợp nguyện vọng, sở trường của cá nhân với nhu cầu sử dụng lao động của xã hội;

2) Phân luồng trong giáo dục là biện pháp tổ chức hoạt động giáo dục trên cơ sở thực hiện hướng nghiệp trong giáo dục, tạo điều kiện để học sinh tốt nghiệp THCS, THPT tiếp tục học ở cấp học hoặc trình độ cao hơn, học trung cấp, học nghề hoặc lao động, phù hợp với năng lực, điều kiện cụ thể của cá nhân và nhu cầu xã hội; góp phần điều tiết cơ cấu ngành nghề của lực lượng lao động phù hợp với nhu cầu phát triển của đất nước;

3) Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo xây dựng chương trình giáo dục THCS, THPT theo mục tiêu quy định tại khoản 3 và khoản 4 điều 27 của Luật Giáo dục, chú trọng đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, cụ thể hoá chuẩn kiến thức kỹ năng giáo dục kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp. Ở cấp THCS, nội dung hướng nghiệp được lồng ghép vào các môn học, đặc biệt là môn công nghệ. Ở cấp THPT, nội dung hướng nghiệp được bố trí thành môn học;

4) Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các bộ, ngành, và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh dự báo xác định cơ cấu nhân lực theo trình độ và ngành nghề trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, từng vùng và địa phương;

5) Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm dự báo và công bố công khai về nhu cầu sử dụng nhân lực trong kế

hoạch hằng năm, 5 năm của địa phương; xây dựng chính sách cụ thể nhằm gắn đào tạo với sử dụng; chỉ đạo cơ quan quản lý giáo dục ở địa phương thực hiện có chất lượng và hiệu quả phân luồng trong giáo dục;

6) Các trường đại học, cao đẳng, trung cấp hằng năm công bố công khai năng lực, ngành nghề đào tạo, có biện pháp cụ thể sử dụng kết quả hướng nghiệp ở phổ thông trong quá trình tuyển sinh và tổ chức đào tạo;

7) Cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức kinh tế có trách nhiệm tạo cơ hội cho học sinh phổ thông làm quen với môi trường hoạt động của mình.

Nhằm cụ thể hoá Luật Giáo dục và làm rõ những nội dung của chỉ thị về tăng cường giáo dục hướng nghiệp cho HSPT, Quyết định số 16/2006/QĐ-BGD-ĐT ngày 5/6/2006 đã ra đời và nội dung chủ yếu là ban hành chương trình giáo dục phổ thông. Trong đó quy định rõ, bộ chương trình giáo dục phổ thông bao gồm:

- Những vấn đề chung;
- Chương trình chuẩn 23 môn học và hoạt động giáo dục;
- Chương trình các cấp học: Tiểu học, THCS và THPT;
- Trong bộ chương trình giáo dục phổ thông có chương trình chuẩn Hoạt động giáo dục hướng nghiệp; Hoạt động giáo dục nghề phổ thông.

Mục tiêu chung của chương trình giáo dục hướng nghiệp ở cấp THPT là phát triển và bồi dưỡng phẩm chất

nhân cách nghề nghiệp cho học sinh, giúp các em hiểu mình, hiểu yêu cầu của nghề, hiểu được xu thế phát triển hệ thống nghề trong xã hội ta. Thông qua hoạt động giáo dục hướng nghiệp, giáo viên giúp học sinh điều chỉnh động cơ học nghề, trên cơ sở đó các em định hướng vào lĩnh vực sản xuất mà xã hội đang có nhu cầu nhân lực.

Như vậy các Quyết định, Thông tư của Chính phủ và các bộ, ngành liên quan đã xác nhận rõ tầm quan trọng của công tác giáo dục hướng nghiệp và tư vấn hướng nghiệp, đã chỉ rõ: 1) Nội dung cơ bản của hướng nghiệp (sự hài hoà giữa sở thích, hứng thú nghề, năng lực cá nhân và nhu cầu của xã hội về nguồn nhân lực); 2) Tính đa dạng của các hình thức hướng nghiệp; 3) Sự liên kết, phối hợp của các ban ngành, các tổ chức xã hội. Cơ quan chịu trách nhiệm chính trong công tác hướng nghiệp cho học sinh phổ thông là Bộ Giáo dục và Đào tạo; Các ban ngành, tổ chức khác phải có trách nhiệm phối hợp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, chính quyền địa phương các cấp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, gia đình...).

5.2. Thực trạng giáo dục hướng nghiệp và tư vấn hướng nghiệp ở Việt Nam

Dù Nhà nước và các cơ quan hữu quan đã có những chủ trương định hướng cho việc triển khai hoạt động này, nhưng đến thời điểm hiện tại, ở Việt Nam giáo dục hướng nghiệp và tư vấn hướng nghiệp vẫn còn chưa thật sự được chú trọng. Có thể thấy rõ điều này qua những phân tích sau đây:

5.2.1. Hoạt động, nội dung giáo dục hướng nghiệp và tư vấn hướng nghiệp cho học sinh

** Giáo dục hướng nghiệp và tư vấn hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông*

Năm 2004 Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tiến hành triển khai công tác giáo dục hướng nghiệp cho học sinh từ lớp 9 đến lớp 12, bắt đầu từ việc xây dựng chương trình giáo dục hướng nghiệp, biên soạn sách về giáo dục hướng nghiệp dành cho giáo viên, tập huấn, làm thí điểm tại một số trường và năm 2005, năm 2006 tiến hành triển khai đại trà trên toàn quốc. Mục đích của chương trình này giúp học sinh làm quen với một số ngành nghề, hình thành hứng thú, thái độ với nghề nghiệp và xa hơn nữa là tạo cho các em tâm thế để đến cuối cấp có thể vững tin chọn được ngành học/ngành nghề phù hợp với bản thân.

Các chủ đề hướng nghiệp được cải cách, theo đánh giá của chúng tôi, khá bám sát sự phát triển của khoa học, công nghệ và việc ứng dụng những thành tựu khoa học vào một số ngành nghề ở Việt Nam hiện nay. Chẳng hạn: môn công nghệ có thể được xem là một môn chủ chốt nhằm định hướng giáo dục hướng nghiệp cho học sinh, những chủ đề của môn này dành cho học sinh lớp 10 gồm hai phần:

- Phần I là những bài liên quan đến lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp như sản xuất giống cây trồng, ứng dụng công nghệ mới cấy mô tế bào trong nhân giống cây trồng, cải tạo và sử dụng đất mùn đất phèn, phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng... Phần II gồm những bài liên quan đến tạo lập doanh nghiệp như lựa chọn lĩnh vực kinh doanh, quản lý kinh doanh.

Chủ đề môn công nghệ lớp 11 gồm 3 phần: 1) Vẽ kỹ thuật; 2) Chế tạo cơ khí; 3) Động cơ đốt trong.

Môn Công nghệ lớp 12 gồm hai phần: 1) Kỹ thuật điện tử; 2) Kỹ thuật điện.

Hoạt động giáo dục hướng nghiệp lớp 12 được xác định là có ý nghĩa vô cùng quan trọng vì học sinh khối lớp này phải có những quyết định rõ ràng về lựa chọn ngành nghề sẽ học tiếp sau khi tốt nghiệp THPT. Vì vậy, nội dung giáo dục hướng nghiệp cho học sinh lớp 12 cũng có những khác biệt so với các lớp dưới. Giáo dục hướng nghiệp lớp 12 có những mục tiêu chính sau đây:

- *Về kiến thức*: Học sinh hiểu được một cách khái quát những định hướng chủ yếu của sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung và của địa phương em đang sinh sống, học tập nói riêng, giúp cho học sinh và cha mẹ các em nắm được những thông tin về hệ thống trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề cùng những yêu cầu tuyển sinh do các cơ quan chức năng thông báo. Từ những hiểu biết nói trên, các em học sinh sẽ làm hồ sơ tuyển sinh với sự tư vấn của thầy, cô giáo, cán bộ của các trung tâm tư vấn hướng nghiệp hoặc tư vấn nghề nghiệp, các chuyên gia các lĩnh vực y tế, lao động, kinh tế, giáo dục...

- *Về kỹ năng*: Học sinh biết vận dụng nguyên tắc chọn nghề vào việc viết đơn xin đi học tiếp sau phổ thông, xin vào làm việc ở một cơ quan hành chính hay sự nghiệp hoặc ở cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ. Giáo viên còn phải giúp các em học sinh biết thu thập các nguồn thông tin cần thiết cho việc chọn nghề của các em.

- *Về thái độ*: Học sinh có ý thức trách nhiệm trong việc chọn nghề tương lai cho bản thân qua đơn xin đi học hoặc đi làm sau khi tốt nghiệp bậc trung học, tích cực chuẩn bị về mọi mặt, nhất là về mặt tâm lý đối với lao động nghề nghiệp khi kết thúc giai đoạn 12 năm ngồi trên ghế nhà trường phổ thông.

Ngoài ra, học sinh lớp 9, lớp 11 còn được tham gia học nghề. Các nghề mà học sinh lớp 9 thường được học là điện, làm hoa và trang trí cắm hoa, may, tin học. Có thể thấy trong một thế giới nghề như hiện nay thì số lượng nghề mà các em được làm quen quá ít ỏi, và càng ít hơn nữa khi chúng ta biết rằng ở một số trường, khi quá ít học sinh đăng ký học một nghề nào đó (thường là làm hoa, may) thì các em này thường sẽ còn bị buộc phải sát nhập để học một nghề khác mà các em không thích (chẳng hạn, quá ít học sinh đăng ký học làm hoa thì số em này buộc phải chuyển sang lớp may hoặc điện, tin học). Hơn thế nữa, nội dung giảng dạy và thực hành các môn nghề không đáp ứng được nhu cầu của học sinh. Chẳng hạn, môn điện thì cuốn biển thể, nối mạch một mạng điện... Có những trường hầu như học sinh chỉ được thực hành thử mà không làm thật (vì giáo viên sợ học sinh bị điện giật...). Môn tin học thì học một số lý thuyết đơn giản và đánh văn bản, trong khi học sinh lứa tuổi lớp 9 ở thành phố đã quá thông thạo nhiều thao tác, thủ thuật trên máy tính.

Với học sinh lớp 11 thì hằng tuần các em có một tiết nghe thầy/cô giáo trong trường nói chuyện về các nghề khác nhau, chủ yếu là thông tin về các công việc trong lĩnh vực những nghề nhất định. Những thông tin này cũng rất

cần thiết cho học sinh, nhưng chưa đủ vì nếu chỉ như vậy thì các em chưa có đủ cơ sở khoa học để lựa chọn nghề do chưa biết rõ năng lực và sở thích của mình, hoặc nếu có biết thì cũng là trên cơ sở kinh nghiệm.

Ngoài việc thực hiện giảng dạy các môn có tính chất hướng nghiệp cho học sinh THPT thì chương trình dạy học phân ban (ban khoa học tự nhiên và ban khoa học xã hội, ban cơ bản) cũng là một hình thức giáo dục có tính chất hướng nghiệp. Tuy nhiên, hiện nay, việc phân luồng học sinh vào các ban được đánh giá là tự phát, “tuỳ nghi di tản” của từng trường, từng học sinh, thiếu vai trò tổ chức, hướng dẫn của công tác hướng nghiệp. Điều này dẫn đến tình trạng học sinh đăng ký các ban học quá chênh lệch: tại nhiều địa phương, học sinh đăng ký vào ban cơ bản chiếm tới 70% đến 80% [10].

Có thể thấy rõ dù các chủ đề giáo dục hướng nghiệp trong trường phổ thông khá bám sát tiến thực Việt Nam, nhưng hoặc do thiếu điều kiện vật chất hoặc nội dung giáo dục hướng nghiệp được triển khai trong thực tiễn bị thu hẹp lại và khá đơn điệu, hoặc là thiếu phương pháp truyền đạt hiệu quả (do giáo viên vừa thiếu những thông tin cần thiết, vừa không coi trọng những môn này, do thiếu kinh phí thực hiện...), hoặc nội dung hướng nghiệp không bắt kịp nhu cầu và trình độ thực của học sinh... Cách thức và nội dung giáo dục hướng nghiệp như vậy không thể tạo ra được hứng thú nghề ở các em, lại càng không thể định hướng cho các em trong việc lựa chọn ngành học sau khi tốt nghiệp THPT. Thực trạng này được phản ánh rất rõ trong những đánh giá của bản thân học sinh.

“Hoạt động hướng nghiệp thông qua môn Công nghệ và môn Nghệ không thể giúp em định hướng chọn nghề sau khi tốt nghiệp lớp 12 vì đơn giản học toàn mấy cái linh tinh, đọc sách vài ngày là biết hết. Môn Công nghệ lớp 10 thì toàn học về nông nghiệp, trong khi thời đại công nghiệp hoá, hiện đại hoá rồi, học thế rồi mai kia cũng chẳng cần... Hướng nghiệp trong giáo dục Việt Nam chưa đi sâu vào vấn đề chính giúp ta định hướng nghề nghiệp sau này, mà đơn giản chỉ để học cho có. Càng tăng chương trình học, càng mệt đầu. Chắc lớp 11, lớp 12 sẽ gắn liền với chủ đề hướng nghiệp hơn, sẽ hiệu quả hơn” (học sinh lớp 10).

... “Môn Công nghệ em thấy nó không thiết thực. Ví dụ, với học sinh ở thành phố cũng dạy trồng rừng và chăm sóc gia súc gia cầm. Với lại các thầy cô chỉ dạy qua loa thôi, dạy cho có thôi, nên cũng nản” (học sinh lớp 10).

... “Môn Công nghệ không tạo ra hứng thú gì cả, những cũng có một số vấn đề nêu ra để tạo sự hiểu biết cho học sinh. Học những nghề này (trong chương trình môn Nghệ) cũng giúp ích cho sau này như học điện thì có thể áp dụng để sửa chữa những hư hỏng nhỏ của đồ điện trong nhà, làm hoa để tự trang trí nhà cửa...” (học sinh lớp 10).

... “Môn Nghệ không thiết thực không phải vì trong đời sống không có những nghề đó, mà là do chương trình học nghề ở phổ thông chưa thấm thía vào đâu để sau này có thể làm được nghề nào đó” (học sinh lớp 10).

... “Em học môn Nghệ với mục đích duy nhất là để kiếm thêm điểm thôi, điểm vào cấp III ấy. Nói thật là những môn đó chẳng gây cho em hứng thú với nghề nào cả. Môn Tin thì toàn dạy những điều học sinh đã biết hết rồi. Tin học trong trường thì chỉ word và excel là hết đất. Học word bao năm nay rồi bây giờ lại học lại những gì đã học, nói chung là tốn thời gian và vô ích, hầu như chúng em học những môn đó như là môn bắt buộc. Em muốn được học nhiều nghề phong phú hơn” (học sinh lớp 11).

... “Môn Nghệ ở phổ thông chỉ là cái... bù nhìn thôi. Môn này chỉ được xem là một môn khá phụ, chẳng định hướng nghề nghiệp cho học sinh gì được. Định hướng nghề trong tiềm thức là tốt nhất. Nếu có ước mơ, thấy mình có khả năng với ngành nghề nào, yêu thích ngành nghề nào thì tập trung vào mấy môn có liên quan đến khối thi hoặc ngành nghề đó. Ông trời sẽ không phụ người có ước mơ” (Sinh viên đại học năm thứ nhất).

... “Môn Công nghệ và môn Nghệ trong trường phổ thông ở nước ta hiện nay chưa có tác động nhiều trong việc hướng nghiệp đâu, nó chỉ có vai trò hỗ trợ cho các môn học chính khác như môn lý. Nó cũng giúp học sinh biết thêm về những cái ngoài sách vở, học sinh phải động tay động chân một tí...” (sinh viên đại học năm thứ 2).

Những chia sẻ trên đây của học sinh THPT và sinh viên đại học những năm đầu cho thấy, có thể học sinh chưa hiểu hết về ý nghĩa cũng như vai trò của việc giảng dạy các môn giáo dục hướng nghiệp trong trường phổ thông (không phải dạy với mục đích để các em nắm vững một nghề nào

đó, mà chỉ để các em có cơ hội làm quen với một số nghề). Sự hiểu biết thiếu chính xác của học sinh về mục đích dạy các môn giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường có lẽ cũng là lỗi ở những người dạy, nhưng thật sự những môn này chưa có tác dụng định hướng nghề nghiệp cho các em. Những chia sẻ nêu trên cũng cho thấy tính kém hiệu quả của việc giảng dạy các môn học này trong nhà trường phổ thông hiện nay, chúng không tạo ra được hứng thú nghề nghiệp của học sinh, trong khi đó, theo kết quả khảo sát thì phần lớn học sinh (82,4%) vẫn thấy cần thiết phải có các môn giáo dục hướng nghiệp trong chương trình học phổ thông. Rõ ràng ở đây tồn tại một thực trạng là chương trình dạy không đáp ứng được nhu cầu của học sinh. Nói cách khác, chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì đúng, nhưng việc hiện thực hoá chủ trương đó lại chưa hiệu quả, nội dung và phương pháp giảng dạy các môn hướng nghiệp không đáp ứng yêu cầu của sự phát triển.

Cùng với hoạt động giáo dục hướng nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, một số trường THPT dân lập (nhưng rất ít trong tổng số các trường THPT hiện có trong cả nước) đã mạnh dạn đặt phòng tư vấn tâm lý tại trường như trường PTHH dân lập Đinh Tiên Hoàng, dân lập Nguyễn Tất Thành, dân lập Lương Thế Vinh (ở thành phố Hà Nội)... Tại các phòng tư vấn tâm lý như vậy, tư vấn hướng nghiệp theo hướng xác định một cách khoa học hứng thú nghề của học sinh, sự phù hợp giữa các đặc điểm tâm lý của các em với yêu cầu của nghề cũng được tiến hành nếu như học sinh và cha mẹ các em có nhu cầu. Công tác hướng nghiệp tại các trường này được cán bộ tư vấn và

giáo viên chủ nhiệm kết hợp tiến hành. Điều này cho thấy ban giám hiệu của các trường này đã nhận rõ tầm quan trọng của tư vấn hướng nghiệp cho học sinh. Song đáng tiếc, các phòng tư vấn này không có nhiều khách hàng, bởi bản thân học sinh và cha mẹ các em chưa ý thức đúng mức sự cần thiết phải đánh giá hứng thú và năng lực của bản thân học sinh, xác định mức độ phù hợp giữa những đặc điểm chủ quan của các em với yêu cầu của những nghề nhất định.

** Hoạt động hướng nghiệp của các tổ chức trong xã hội*

Những năm gần đây, các tổ chức xã hội như Đoàn Thanh niên, Hội Doanh nghiệp, trung tâm tư vấn du học... và bản thân một số trường đại học đã tổ chức nhiều chương trình tư vấn hướng nghiệp cho học sinh thông qua các hình thức như phát tờ rơi, quảng cáo, tổ chức các hội chợ việc làm giúp học sinh, sinh viên hiểu được những yêu cầu của hoạt động nghề nghiệp và có định hướng học tập, rèn luyện theo yêu cầu nghề nghiệp trong tương lai.

Trên thực tế, hoạt động tư vấn hướng nghiệp do các tổ chức xã hội hay tư nhân thực hiện, chủ yếu chỉ diễn ra ở các thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Chúng ta có thể điểm qua các hình thức và nội dung của những hoạt động này ở ba thành phố lớn để có thể hình dung rõ thực chất của các hoạt động này.

Hoạt động hướng nghiệp tại Đà Nẵng

Tại Đà Nẵng, theo Trưởng ban trường học thuộc thành Đoàn thành phố Đà Nẵng, hằng năm ban trường học phối hợp với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tổ chức hội

chợ việc làm cho sinh viên sắp ra trường. Đối với học sinh cấp III, hằng năm thành đoàn kết hợp với đoàn trường THPT tổ chức giao lưu với các em để giúp các em tìm trường, tư vấn cho các em khối thi.

Công tác tư vấn hướng nghiệp tại thành phố Đà Nẵng thường được tiến hành rầm rộ vào tháng 3 hằng năm, khi mà các em lớp 12 chọn trường đào tạo tiếp sau khi tốt nghiệp THPT và làm hồ sơ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trước đây Trung tâm giáo dục thường xuyên tổ chức tư vấn hướng nghiệp tại nhà văn hóa Thanh niên thành phố và mời học sinh lớp 12 của các trường tham dự. Tuy nhiên, trong một vài năm gần đây, cùng với sự quan tâm của lãnh đạo thành phố và ban giám hiệu các trường THPT, việc tư vấn hướng nghiệp cho các em đã được tiến hành tại các trường học.

Bên cạnh đó, hằng năm Đại học Đà Nẵng kết hợp với các quận, huyện tổ chức cho các em học sinh đến tham quan tại các trường đại học trong thành phố, giao lưu văn nghệ, giới thiệu về lịch sử của trường, về các ngành học trong trường để các em có định hướng lựa chọn. Những buổi giao lưu như vậy chủ yếu là do lực lượng Đoàn tổ chức. Thành phần được mời tham dự trong các buổi giao lưu như vậy và nội dung tư vấn hướng nghiệp bao gồm:

- Thầy/ cô giáo phòng đào tạo của các trường đại học giới thiệu về trường và các ngành học trong trường

- Cán bộ Sở Giáo dục và cán bộ thành đoàn hướng dẫn làm hồ sơ nộp vào trường đại học, giải đáp các thắc mắc của học sinh về quy chế thi, điểm, số lượng học sinh dự thi vào hằng năm...

Ngoài các hoạt động trên đây, Thành Đoàn Đà Nẵng còn có chương trình phát thanh Thanh niên giới thiệu việc làm, trường học cho học sinh, sinh viên; mở các diễn đàn trao đổi thông tin trên mạng của Đoàn; tổ chức các ngày hội thông tin, sách, qua đó hướng cho các em chọn nghề trong tương lai...

Hiện nay ở Đà Nẵng cũng có hai trung tâm tư vấn tình cảm. Một trung tâm do bộ phận y tế dự phòng phụ trách, một trung tâm của Ban Tư tưởng văn hoá. Trung tâm của Ban Tư tưởng văn hoá giải đáp tất cả các vấn đề mà người đến tư vấn hỏi, trong đó có cả hướng nghiệp. Tuy nhiên, không có bộ phận hướng nghiệp riêng. Theo đánh giá của Trưởng ban trường học thuộc Thành Đoàn thành phố Đà Nẵng, tư vấn hướng nghiệp ở Đà Nẵng cũng rất chung chung. Chẳng hạn, việc đánh giá mức độ phù hợp giữa năng lực của học sinh và yêu cầu của nghề cũng chỉ dựa vào kết quả học tập của học sinh và dựa vào lời khuyên của các thầy, cô và bố mẹ.

Tóm lại, hoạt động hướng nghiệp ở Đà Nẵng chủ yếu là giới thiệu các nghề, ngành học, nơi đào tạo, nơi làm việc sau khi ra trường, chưa có nơi nào thực hiện những đánh giá năng lực, hứng thú, tính cách của học sinh theo hướng có phù hợp với ngành học mà các em dự kiến sẽ học hay không.

Hoạt động hướng nghiệp tại TP. Hồ Chí Minh

Hội Sinh viên thành phố Hồ Chí Minh là một tổ chức xã hội rất quan tâm đến việc hỗ trợ học sinh, sinh viên trong việc lựa chọn ngành học và dự thi đại học và cũng là nơi khởi xướng phong trào *Tiếp sức mùa thi* được thanh

niên nhiều vùng miền trong cả nước hưởng ứng. Trong cơ cấu tổ chức của Hội có phòng tư vấn tâm lý, nhưng không có bộ phận hướng nghiệp riêng. Hàng năm Hội Sinh viên thành phố tổ chức khá nhiều hoạt động hướng nghiệp và tiếp sức mùa thi cho học sinh THPT và thí sinh dự thi đại học. Theo Phó Giám đốc Trung tâm hỗ trợ sinh viên thuộc Hội Sinh viên thành phố, lúc đầu Hội tổ chức hoạt động tư vấn mùa thi (gồm hướng dẫn thi vào trường nào, làm hồ sơ ra sao...), sau đó Hội chuyển trọng tâm sang hoạt động tiếp sức mùa thi (giới thiệu nơi trọ giá rẻ, hướng dẫn cách đến trường thi, những lưu ý khi làm bài thi...) và bốn năm gần đây thì tập trung vào hướng nghiệp. Nội dung của các hoạt động tư vấn hướng nghiệp gồm kết hợp với một số chuyên gia của Sở Giáo dục và Đào tạo của thành phố cung cấp cho học sinh THPT thông tin về những trường hoặc chương trình học có liên thông với nhau, định hướng cho các em chọn nghề cho phù hợp với điều kiện kinh tế của gia đình, với năng lực của bản thân... Hiện nay trung tâm chưa có phương pháp cụ thể nào để làm hướng nghiệp, việc xác định mức độ phù hợp của học sinh với nghề được lựa chọn chỉ chung chung, mà chưa dựa trên kết quả thực hiện trắc nghiệm. Ví dụ, người làm tư vấn trình bày cho học sinh biết rằng có nhiều con đường khác nhau để đạt được một mục đích cuối cùng, giới thiệu cho các em về một số ngành nghề, nơi đào tạo, sau đó học sinh tự xác định, lựa chọn con đường học phù hợp với bản thân và hoàn cảnh gia đình.

Một số trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh có sáng kiến phổ biến thông tin, kiến thức về nghề thông qua việc mô tả lại công việc trong nghề đó bằng những vở kịch

ngắn để học sinh THPT hiểu rõ hơn. Chẳng hạn, sinh viên trường Luật mở các phiên tòa mô phỏng tại một số trường THPT. Những phiên tòa này do sinh viên trong trường trình diễn theo kịch bản đã được xây dựng trước nhằm thông qua hoạt động này giúp các em học sinh THPT có cơ hội hiểu rõ hơn về công việc của một người làm nghề luật. Đây là một cách làm hay cần được phát huy và nhân rộng. Một học sinh khi lựa chọn nghề không chỉ tìm hiểu những thông tin về ngành, trường đào tạo mà cần phải biết những người làm công việc đó làm gì? làm ở đâu? những thuận lợi và khó khăn của người làm nghề...

Ở thành phố Hồ Chí Minh có khá nhiều trung tâm tham vấn tâm lý, trong đó trung tâm Tư vấn tâm lý giáo dục thể chất quận Phú Nhuận được xem là một trung tâm thực hiện tư vấn hướng nghiệp qua điện thoại mạnh nhất thành phố. Trung tâm này và một số cơ sở khác đã từng xây dựng chương trình phần mềm đánh giá năng lực, hứng thú nghề của học sinh và đưa kết quả xuống các trường THPT của thành phố để áp dụng, nhưng rồi những nỗ lực của họ không thực hiện được do thiếu hệ thống máy vi tính hoặc do các thầy cô trong trường không có kỹ năng sử dụng trắc nghiệm, thang đo đánh giá. Hiện nay, trung tâm này cũng chỉ tập trung tư vấn qua điện thoại về những vấn đề tâm lý, giáo dục thể chất là chủ yếu.

Hoạt động hướng nghiệp tại Hà Nội

Tại Hà Nội, các hoạt động hướng nghiệp dường như trầm hơn so với thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Có một số trường THPT dân lập có các phòng tư vấn tâm lý, bao gồm cả hướng nghiệp. Một số đơn vị, cá nhân cũng lập

các trung tâm hướng nghiệp, nhưng nhìn chung, hoạt động không mạnh do nhu cầu tư vấn hướng nghiệp trong xã hội chưa được đánh thức.

Cùng với hoạt động có tính chất hướng nghiệp diễn ra ở từng địa bàn thì trong vài năm gần đây, bắt đầu vào mùa thi báo Thanh niên thường xuyên dành một số trang cung cấp cho những người quan tâm (chủ yếu là học sinh lớp 12 và cha mẹ các em, những thí sinh dự thi vào đại học) những thông tin liên quan đến việc chọn trường học sau tốt nghiệp phổ thông như chỉ tiêu tuyển sinh các trường đại học, các loại ngành nghề mà các trường đào tạo, cách làm bài thi hiệu quả, cách đăng ký dự thi, triển vọng tìm kiếm việc làm của các nghề...

** Hoạt động hướng nghiệp tự phát trên các trang web của học sinh (diễn đàn)*

Hoạt động có tính hướng nghiệp cũng được thực hiện khá phổ biến trên các diễn đàn trên mạng (forum). Tại các diễn đàn này, những người tham gia chia sẻ với nhau những thông tin về khóa học, nơi đào tạo các ngành, số lượng thí sinh thi vào các trường... Tuy nhiên, tất cả những thông tin trao đổi trên diễn đàn chỉ là sự chia sẻ thông tin giữa những người biết nhiều với những người biết ít thông tin.

Bên cạnh những hoạt động nêu trên, học sinh còn có thể thông qua điện thoại của tổng đài 1080 xin tư vấn về hướng nghiệp.

Nhìn chung, hoạt động tư vấn hướng nghiệp bên ngoài nhà trường trong những năm vừa qua được thực hiện khá

rầm rộ. Nếu chỉ điểm danh các hình thức và các nội dung tư vấn hướng nghiệp ở Việt Nam hiện nay thì có thể thấy rằng các hình thức và nội dung đó cũng khá phong phú. Tuy nhiên nếu nhìn vào tỷ trọng của các hình thức tư vấn thường được thực hiện và tương ứng với nó là các loại thông tin được cung cấp thì chúng ta sẽ thấy rằng có sự mất cân đối rõ rệt. Các hoạt động này mới chỉ tập trung vào mùa thi mà không được triển khai rộng rãi trong cả năm (trừ hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hoạt động của một số trung tâm tư vấn tâm lý). Các hình thức được sử dụng nhiều hơn cả là hội thảo (50,6%), lồng ghép hướng nghiệp trong các hoạt động ngoại khoá, văn nghệ (44,5%), trong dạy các môn khác trong chương trình giáo dục phổ thông (35,4%), trong dạy môn Nghề (31,1%)... Có thể thấy, hình thức hoạt động tư vấn hướng nghiệp theo đúng nghĩa của nó (các nhà chuyên môn làm việc với cá nhân học sinh hoặc với cả cha mẹ các em) rất ít khi được triển khai. Một số hoạt động hướng nghiệp có tính trực quan, nhưng rất có ý nghĩa như đi thăm các trường đại học, cơ sở sản xuất, viện nghiên cứu... tức là những tổ chức nghề nghiệp cũng ít diễn ra. Về nội dung, hoạt động tư vấn hướng nghiệp hiện nay mới chủ yếu cung cấp các loại thông tin như giới thiệu tri thức về các nghề nghiệp khác nhau trong xã hội (57,9%); giới thiệu về quá trình nộp đơn thi (52,3%); hỗ trợ kỹ năng học tập, làm bài thi (49,6%); giới thiệu về các chương trình đào tạo tại các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề (48,8%); hướng cho học sinh có định hướng giá trị nghề nghiệp đúng (46,3%). Tình trạng mất cân đối trong các loại thông tin được cung cấp cho học

sinh như vậy xảy ra không chỉ trên bình diện chung, mà ngay cả trong hoạt động của các trung tâm tư vấn hướng nghiệp (hoặc trung tâm tư vấn tâm lý) – những tổ chức mà nhân viên của nó được xem là có chuyên môn về tư vấn hướng nghiệp (xem bảng 18). Việc cung cấp thông tin cho học sinh khi tham gia lựa chọn trường thi, khối thi và các nghề khi ra trường là đúng và cần thiết nhưng chưa đủ. Mảng tư vấn xác định hứng thú cá nhân, sự phù hợp về năng lực của mỗi cá nhân học sinh với những ngành nghề khác nhau, thậm chí, thông tin về yêu cầu của các ngành nghề/công việc khác nhau đối với người lao động rất ít được thực hiện. Vì vậy những hoạt động nêu trên sẽ khó đạt được hiệu quả cao trong việc giúp học sinh chọn ngành học, khi mà chúng chưa giúp cho các em hiểu được những mặt mạnh, điểm yếu, hiểu được hứng thú của bản thân để có cơ sở lựa chọn nghề cho phù hợp.

Bảng 18: Các hình thức và nội dung hướng nghiệp cho học sinh đã được tổ chức

(Tỷ lệ % số học sinh ghi nhận)

<i>Các hình thức hướng nghiệp</i>	<i>Tỷ lệ %</i>
Tổ chức hội thảo và những người làm giáo dục hướng nghiệp giới thiệu chung cho toàn bộ học sinh theo định kỳ	50,6
Những người làm giáo dục hướng nghiệp tổ chức các buổi thảo luận với học sinh theo quy mô nhỏ (từ 10 – 20 học sinh)	19,9

Các nhà chuyên môn làm việc cá nhân với từng học sinh hoặc theo nhóm học sinh theo yêu cầu của học sinh	11,7
Các nhà chuyên môn làm việc với học sinh và cha mẹ học sinh	15,3
Tổ chức kết hợp công tác hướng nghiệp với các hình thức hoạt động ngoại khóa, văn nghệ...	44,5
Tổ chức cho học sinh đi tham quan các trường đại học, cao đẳng, cơ sở đào tạo nghề hoặc các nhà máy, xí nghiệp, các viện nghiên cứu ...	26,2
Tổ chức cho học sinh nghe những người đang làm việc tại các cơ sở, tổ chức ngành nghề khác nhau nói chuyện về công việc của họ	20,0
Tổ chức cho học sinh được học và thực hành một nghề nào đó trong quá trình học phổ thông	31,1
Các thầy cô giáo lồng ghép giáo dục nghề trong quá trình dạy các môn học cơ bản	35,4
Khác	2,8
<i>Các nội dung hướng nghiệp</i>	<i>Tỉ lệ %</i>
Giới thiệu tri thức về các nghề nghiệp khác nhau trong xã hội	57,9
Đánh giá năng lực và sự phù hợp nghề nghiệp của những học sinh có nhu cầu (thông qua các trắc nghiệm, bảng kê...)	34,2

Tập huấn cho học sinh các chiến lược đối phó với các vấn đề trong cuộc sống nói chung	12,2
Tập huấn kỹ năng quan hệ bạn bè, kỹ năng xã hội	22,7
Hỗ trợ các kỹ năng học tập, làm bài thi	49,6
Giới thiệu các chương trình đào tạo tại các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề	48,8
Giới thiệu về quá trình nộp đơn thi vào các trường đại học	52,3
Giới thiệu về thị trường công việc, nhu cầu xã hội về việc làm	36,0
Hướng cho học sinh có định hướng giá trị nghề nghiệp đúng đắn	46,3
Khác	4,0

Tình trạng mất cân đối nêu trên không hoàn toàn do những người làm công tác tư vấn hướng nghiệp thiếu một cái nhìn toàn diện về công tác này, mà một phần còn do nhu cầu xã hội chưa được đánh thức, học sinh và cha mẹ học sinh chưa ý thức được tầm quan trọng và sự cần thiết của việc xác định hứng thú nghề, năng lực cá nhân và mức độ phù hợp giữa những yêu cầu khách quan của nghề với đặc điểm tâm lý cá nhân người làm nghề. Trong buổi thảo luận nhóm với các sinh viên khoa Tâm lý học - những người làm tư vấn hướng nghiệp trực tiếp tại trường THPT Trần Nhân Tông, phỏng vấn các chuyên gia thuộc Trung tâm tư vấn Tâm lý - Giáo dục - Thể chất qua tổng đài

1080, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi được biết, phần lớn học sinh khi đến làm tư vấn hướng nghiệp thường hỏi các câu như: “*Trường đó có những khối gì? Điểm chuẩn bao nhiêu? Làm hồ sơ đăng ký như thế nào?...*” hoặc “*Em nên học nghề gì để kiếm được nhiều tiền? Muốn học ngành này thì học ở trường nào? Em học khối này thì nên thi vào trường nào?...*”. Xuất phát từ nhu cầu này, các cơ sở tư vấn hướng nghiệp thường tập trung vào việc tìm hiểu các thông tin về các trường đại học nhiều hơn là việc đầu tư vào kỹ năng đánh giá năng lực và hứng thú của học sinh đối với các ngành nghề khác nhau thông qua trải nghiệm tâm lý hay các kỹ thuật hỗ trợ khác.

...nhu cầu thực sự để tư vấn về hướng nghiệp thì ít. Có khoảng chừng hơn 70 người. Còn lại đến 300 - 400 em lên chỉ hỏi thông tin. Các em lên chỉ hỏi các anh chị ở trường này thì bao giờ thi? Thi vào trường này, ngành này thì như thế nào? Rồi em làm hồ sơ như thế này đã đúng chưa, mã ngành, mã trường thì như thế nào. Tức là chỉ hỏi những thông tin chung chung thôi.. Còn hỏi sâu hơn xem mình có hợp với nghề đó không... chỉ có khoảng 70 người làm theo đúng quy trình. (phỏng vấn nhóm sinh viên khóa 51, khoa Tâm lý học trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, phòng tư vấn hướng nghiệp trường THPT Trần Nhân Tông).

... “Học sinh chưa quan tâm đến các buổi hướng nghiệp, mà chọn nghề theo hướng dẫn của gia đình và theo cảm tính. Nội dung hướng nghiệp chưa gắn với thực tế mà các em quan tâm” (Giáo viên tại TP. Hồ Chí Minh, 8 năm công tác)

Rất ít học sinh THPT trong mẫu khảo sát biết về các cơ sở tư vấn hướng nghiệp: 25,5%, tức là cứ 10 em thì có khoảng hơn 2 em biết về các cơ sở tư vấn này (biểu đồ 1). Nhưng cứ 2 em biết về cơ sở tư vấn hướng nghiệp thì chỉ có 1 em là đã từng đến đó tư vấn trước khi đưa ra quyết định chọn trường (biểu đồ 2).



Một thực tế nữa cho thấy rằng mặc dù khoảng một phần hai số học sinh hiểu rằng cần phải lựa chọn nghề phù hợp năng lực và hứng thú của bản thân, song trên thực tế, khi đi tư vấn, các em lại ít đặt ra câu hỏi: “Liệu em có phù hợp với nghề này nghề kia không?”, “Liệu em có thể đáp ứng được những đòi hỏi, yêu cầu của nghề không?”. Các em thường hướng sự chú ý vào những thông tin về trường đại học, về trường mình sẽ thi vào, về các ngành được đào tạo trong trường, điểm trúng tuyển năm trước, số

người dự thi... Có thể thấy, sự hiểu biết về cách thức lựa chọn ngành nghề một cách khoa học chưa thật sự định hướng hành vi lựa chọn ngành học của các em trong thực tiễn. Số lượng học sinh đến tư vấn hướng nghiệp được tư vấn về năng lực, tính cách để tìm nghề cho phù hợp là không nhiều (41,7%). Trong khi đó mục tiêu của hướng nghiệp là tạo tiền đề nhận thức để cá nhân đó khám phá và có cơ hội phát huy tối đa những năng lực của bản thân trong quá trình lao động. Hướng nghiệp tốt sẽ tạo điều kiện cho cá nhân được thử sức mình và khám phá năng lực bản thân ở những lĩnh vực khác nhau mà cá nhân đó có tiềm năng đóng góp tốt dựa trên những yếu tố như sở thích, tính cách, khả năng kết hợp với những kỹ năng, nền tảng học vấn được đào tạo ở trường học và trong quá trình lao động.

Bảng 19. Các thông tin được đưa ra trong buổi tư vấn hướng nghiệp
(Tỷ lệ % số học sinh ghi nhận)

Các thông tin được cung cấp trong buổi tư vấn hướng nghiệp	Tỷ lệ %
Cho em biết các thông tin về các nghề khác nhau	73,8
Cho em biết nhu cầu của thị trường lao động hiện nay	47,6
Cho em biết về triển vọng của một số ngành nghề trong tương lai	53,6
Giúp em hiểu rõ hơn về giá trị của nghề nghiệp	38,1

Giúp em đánh giá về năng lực và tính cách của em theo hướng phù hợp với nghề nào đó	41,7
Cho em lời khuyên rằng em nên học nghề nào, trường nào	29,8
Trao đổi để giúp em tự lựa chọn ngành học, trường học sau khi tốt nghiệp THPT	46,4
Nội dung khác	2,4

Sự mất cân đối trong tỷ trọng giữa những hình thức hướng nghiệp hiện nay còn do thiếu điều kiện vật chất, đặc biệt là kinh phí để các hoạt động hướng nghiệp được phong phú. Chẳng hạn, trong chỉ đạo về công tác hướng nghiệp cho học sinh lớp 12, các cấp quản lý giáo dục cũng nêu rõ có thể mời các *chuyên gia* cung cấp cho học sinh những thông tin về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội trong cả nước và ở địa phương (bài 1), về những điều kiện thành đạt trong nghề nghiệp thông qua kinh nghiệm cá nhân (bài 2), về tham quan các tổ chức theo chủ đề hướng nghiệp (bài 8). Hầu như các bài học theo chương trình đều có thể mời người am hiểu chuyên môn đến giúp nhà trường... Tuy nhiên, trên thực tế, rất nhiều trường THPT không có nguồn kinh phí để mời chuyên gia về nói chuyện cho học sinh về hướng nghiệp hay tổ chức cho các em đi tham quan các cơ sở sản xuất, kinh doanh...

...*“Đội ngũ giáo viên dạy môn hướng nghiệp là những giáo viên chủ nhiệm lớp, vì vậy thiếu kiến thức chuyên môn và không có thời gian đầu tư kỹ lưỡng cho các tiết*

dạy hướng nghiệp. Ngoài ra, cơ sở vật chất dành cho hoạt động hướng nghiệp còn thiếu, chẳng hạn, nhà trường không có kinh phí để mời những nhà chuyên môn ngoài xã hội vào tư vấn hướng nghiệp cho học sinh (chắc hẳn sẽ hiệu quả hơn)” (Giáo viên tại TP. Hồ Chí Minh, 6 năm công tác).

5.2.2. Các nguồn nhân lực tham gia giáo dục hướng nghiệp và tư vấn hướng nghiệp

Do giáo dục hướng nghiệp và tư vấn hướng nghiệp cho học sinh THPT chưa thật sự được quan tâm và do tư vấn hướng nghiệp là một phân ngành khá mới ở Việt Nam, nên hiện nay hầu như chưa có nơi nào đào tạo người làm tư vấn hướng nghiệp một cách chính thống và chuyên nghiệp. Tại khoa Tâm lý học trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - nơi có thể được xem là cái nôi đào tạo chuyên ngành tâm lý học tại Việt Nam, nhưng cũng phải đến năm 2007 môn học tư vấn hướng nghiệp mới được đưa vào giảng dạy cho sinh viên với thời lượng khoảng từ 2-4 đơn vị học trình. Mặc dù vậy, khoa cũng chưa có giáo trình chính thống nào hỗ trợ cho việc giảng dạy môn học này. Hơn thế nữa, vấn đề đào tạo kỹ năng tư vấn hướng nghiệp cho sinh viên cũng còn gặp nhiều khó khăn, do hoạt động tư vấn hướng nghiệp không chỉ đòi hỏi người làm có kỹ năng về tư vấn nói chung, mà còn cần biết sử dụng thành thạo các trắc nghiệm đánh giá năng lực, tính cách, hứng thú..., đồng thời phải có những kiến thức liên quan đến các ngành nghề khác nhau và hiểu biết về yêu cầu của các loại công việc đối với người lao động, các thông tin về các cơ sở/trường đào tạo ngành nghề. Nói tóm lại, người làm tư

vấn hướng nghiệp phải có kiến thức liên ngành. Sinh viên khó có thể có được đầy đủ những kiến thức đa dạng như vậy khi trên thực tế hoạt động giáo dục hướng nghiệp và tư vấn hướng nghiệp ở Việt Nam còn thiếu tính liên kết giữa các ban ngành có liên quan.

Thực tế cho thấy, phần lớn những người làm tư vấn hướng nghiệp hiện nay đều chưa được đào tạo chuyên sâu về hướng nghiệp. Những người tâm huyết với lĩnh vực chuyên môn này thì vừa làm vừa học. Do vậy tính chuyên nghiệp của những người hiện đang làm công tác này chưa cao. Phần nhiều những người làm tư vấn hướng nghiệp làm việc do sự nhiệt tình và yêu thích nghề. Trong khi đó, tại một số nước phát triển, muốn hành nghề tư vấn nói chung và tư vấn hướng nghiệp nói riêng phải có chứng chỉ hành nghề cấp Quốc gia do Hội đồng nghề tư vấn sát hạch.

... Công tác hướng nghiệp là rất cần và quan trọng. Nhưng sự quan tâm của lãnh đạo cấp vĩ mô lại chưa có. Dù chỉ thị của Chính phủ về giảng dạy môn hướng nghiệp từ lâu lắm rồi, mà năm vừa rồi (năm 2007) môn Tâm lý học hướng nghiệp mới được đưa vào dạy một cách chính thức trong trường đại học. Trước đó chưa có một chương trình đào tạo nào cho người làm công tác hướng nghiệp hay là một hình thức nào đó để trao đổi kiến thức kĩ năng, tổ chức hoạt động hướng nghiệp. Người làm thì như đi trên mây. Người làm tư vấn nói chung thì được đào tạo về tư vấn, trong khi người làm về tư vấn hướng nghiệp thì không được đào tạo về hướng nghiệp ở đâu cả.” (PGĐ Trung tâm Tham vấn tâm lý học đường, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn).

Tác giả Nguyễn Nhung trong bài “Hướng nghiệp trong nhà trường: Mạnh ai nấy làm” đăng trên báo điện tử vietnamnet ra ngày 23/4/2007 nhận xét: “Hiện nay, không có bất cứ một giáo viên nào trên toàn quốc được đào tạo bài bản để giảng dạy môn này. Tất cả những gì gọi là “hướng nghiệp cải cách” học trò lớp 10 nhận được suốt năm qua là từ... bất cứ một cô giáo chưa đủ giờ dạy của bất kể... môn nào!”[13].

Tác giả này đã đưa ra một số dẫn chứng cụ thể để nói lên tính thiếu chuyên nghiệp của những người làm giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông như sau:

- Tại trường THPT ... (Hà Nội), dạy hướng nghiệp cho học sinh khối 10 là 2 cô giáo kỹ thuật công nghiệp! và nếu giáo viên môn giáo dục công dân thiếu giờ dạy thì nhà trường cũng sắp xếp cho dạy hướng nghiệp luôn.

- Tại trường THPT ... (Hà Nội) cũng có tình hình tương tự như vậy. Nhà trường chỉ tận dụng nhân lực thừa cho môn giáo dục hướng nghiệp, nên giáo viên đã nghiệp dư lại càng có cơ hội liên tục... nghiệp dư. Học kỳ I, học sinh lớp 10 chỉ có 1 tiết địa lý/ tuần, nên giáo viên môn này thiếu giờ phải phụ trách dạy thêm hướng nghiệp. Đến học kỳ II có sự thay đổi: địa lý tăng lên 2 tiết, lịch sử giảm từ 2 xuống còn 1 tiết/ tuần, giáo viên môn lịch sử lại thế chỗ dạy hướng nghiệp cho giáo viên môn địa lý. Như vậy, kinh nghiệm dạy suốt một kỳ của giáo viên không được tận dụng.

- Trường THPT ... (Hà Nội) thì có cách phân công khác: một giáo viên thừa được phụ trách môn này. Mỗi tháng, cô sẽ

làm nhiệm vụ... soạn giáo án môn học, copy thành nhiều bản giao cho... giáo viên chủ nhiệm thực hiện ở lớp mình.

Do ban giám hiệu các trường THPT chưa nhận thức đầy đủ về ý nghĩa và vai trò của hoạt động tư vấn hướng nghiệp đối với hoạt động giáo dục thể hệ trẻ nói chung và đối với sự hình thành định hướng nghề nghiệp của học sinh nói riêng, nên dù những người có tâm huyết với hoạt động tư vấn hướng nghiệp, đồng thời có chuyên môn về lĩnh vực này có đề nghị được làm việc với học sinh trong trường thì trong nhiều trường hợp, họ vẫn bị từ chối.

...giáo viên họ không có nhu cầu (giáo dục hướng nghiệp) cho học sinh, cũng không có thiện cảm mấy với hoạt động hướng nghiệp. Đây chính là sự nhận thức của chính bản thân giáo viên. Người giáo viên có vai trò rất quan trọng trong việc hình thành định hướng nghề nghiệp của các em, nhưng họ lại không có nhu cầu. Đây là một trong những khó khăn. (PGĐ Trung tâm Tham vấn tâm lý học đường, trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn)

Có lẽ đây không chỉ là vấn đề nhận thức của giáo viên, mà còn là vấn đề thái độ và trách nhiệm của các thầy cô. Tuy nhiên, cũng khó đòi hỏi các thầy cô có trách nhiệm trong vấn đề này nếu như các cấp lãnh đạo trong ngành giáo dục, từ cấp bộ, sở giáo dục đến ban giám hiệu mỗi trường không có những chủ trương, quy định cụ thể, rõ ràng, không tâm huyết lãnh đạo và tạo điều kiện để các thầy cô có thể đảm nhận tốt trách nhiệm của mình.

...“Giáo viên là những người trực tiếp giảng dạy các tiết hướng nghiệp cho học sinh các lớp mình chủ nhiệm. Tuy nhiên giáo viên không có nguồn tư liệu dồi dào để cung cấp cho học sinh, không được tập huấn nhiều ngoài các tiết tập huấn hè do sở tổ chức. Họ phải tự tìm hiểu cập nhật thông tin mà không có bộ phận tư vấn hướng nghiệp cố vấn. Cần tập huấn chuyên nghiệp cho giáo viên” (giáo viên TP. Đà Nẵng, có 3 năm công tác).

... “Giáo viên không được đào tạo bài bản về môn này (môn giáo dục hướng nghiệp) nên rất lúng túng trong soạn bài và giảng dạy. Quy mô lớp học lớn (45 – 50 em) nên không thể tư vấn được cho tất cả các em. Không có điều kiện để tổ chức tham quan các trường đại học, cơ sở đào tạo nghề. Cần có giáo viên chuyên trách môn hướng nghiệp” (giáo viên chủ nhiệm, TP. Đà Nẵng, có 5 năm công tác).

... “Khả năng giáo viên truyền đạt cho học sinh còn hạn chế do thiếu các tài liệu cập nhật về các nghề trong sách hướng nghiệp. Ngoài ra hiện nay có nhiều ngành nghề mới, học sinh thích, nhưng giáo viên thiếu thông tin. Vì vậy, cần có thêm tài liệu để giáo viên tham khảo và không nên bó hẹp trong phạm vi một số nghề trong sách giáo khoa hướng dẫn” (giáo viên TP. Hà Nội, có 33 năm công tác).

... “Giáo viên dạy hướng nghiệp là chủ nhiệm lớp, không được đào tạo bài bản. Thời lượng học các môn văn hoá và hoạt động ngoài giờ nhiều. Vì vậy, khó bố trí thời gian hướng nghiệp phù hợp cho học sinh và giáo viên” (giáo viên TP. Hồ Chí Minh, 24 năm công tác).

Mặc dù, đã có nhiều văn bản pháp quy của Nhà nước về công tác hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông, nhưng vấn đề nhân lực tham gia làm tư vấn hướng nghiệp lại chưa được chú trọng và quan tâm đúng mức. Chính điều này đã làm cho hoạt động giáo dục hướng nghiệp nói chung và tư vấn hướng nghiệp nói riêng trong trường học chưa mang tính chuyên nghiệp và đi đúng với nội dung và mục đích của tư vấn hướng nghiệp mà các văn bản này đã đưa ra.

Phần lớn hoạt động tư vấn hướng nghiệp trong trường học đều do giáo viên chủ nhiệm đảm nhận. Họ thực hiện hoạt động này tại lớp theo chương trình mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã soạn thảo. Nhưng hầu hết giáo viên phụ trách môn này đều cảm thấy thiếu thời gian (do phải đảm nhận dạy cả những môn khác), thiếu kiến thức chuyên môn, thiếu các thông tin cần thiết có liên quan, những thông tin đã có thì lạc hậu, không được cập nhật, không theo kịp sự phát triển của các ngành nghề trong xã hội, thiếu kinh phí để có thể tổ chức cho hoạt động giáo dục hướng nghiệp được đa dạng và có hiệu quả... Một thực tế cho thấy chính những người có chuyên môn về tư vấn hướng nghiệp cho học sinh lại không thể xin vào làm việc tại các trường, bởi không có chỉ tiêu dành cho những công việc như vậy. Hiện nay ở Việt Nam tư vấn hướng nghiệp còn chưa có mã ngành và mã nghề. Đây là một khó khăn mà những người theo đuổi nghề tư vấn hướng nghiệp phải đối mặt. Hầu hết, sinh viên theo học tư vấn hướng nghiệp sau khi ra trường đều không thể xin vào làm việc tại các trường. Do vậy, số lượng sinh viên theo học chuyên ngành này không

nhiều và hiển nhiên chúng ta không thể có một đội ngũ những người làm nghề chuyên nghiệp.

...Thiếu nguồn nhân lực là một nguyên nhân quan trọng làm cho công tác hướng nghiệp trong nhà trường không đi đến đâu cả. Tại sao lại không có nguồn nhân lực? Cho dù anh có đào tạo ra được những người có chuyên môn để làm công tác này thì các bạn sinh viên lúc ra trường cũng không tìm được việc trong trường học phổ thông. Hiện nay, nghề làm tư vấn nói chung và tư vấn hướng nghiệp nói riêng không có mã nghề. Khi không có mã nghề thì không tuyển được biên chế. Vì vậy, không có người làm, còn những người làm hiện nay là những người không được đào tạo đúng chuyên môn, trong khi đó hướng nghiệp lại là một môn rất khó, đòi hỏi sự tập trung chuyên môn cao. Nhưng người làm toàn là giáo viên các môn khác. (PGĐ Trung tâm Tham vấn tâm lý học đường, trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn)

Cùng với việc biên soạn bộ sách Giáo dục hướng nghiệp, gần đây (năm 2006) Bộ Giáo dục và Đào tạo đã giao cho Trung tâm Lao động – Hướng nghiệp mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho giáo viên thuộc các trung tâm kỹ thuật tổng hợp – hướng nghiệp của 22 tỉnh tham gia dự án phát triển giáo dục THPT với nhiệm vụ triển khai tư vấn hướng nghiệp cho học sinh lớp 12 trong học kỳ I năm học 2006 – 2007. Trung tâm Lao động - Hướng nghiệp đã tổ chức biên soạn tài liệu tư vấn hướng nghiệp phục vụ cho các lớp tập huấn. Tài liệu này gồm 2 phần:

- Phần I: Giáo dục hướng nghiệp trong đổi mới giáo dục phổ thông: phản ánh những chủ trương của Đảng và Chính phủ về giáo dục hướng nghiệp qua các thời kỳ, những vấn đề chung của giáo dục hướng nghiệp, nội dung và phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong trường phổ thông.

- Phần II: Nghiệp vụ tư vấn hướng nghiệp: đề cập tới những vấn đề cơ bản của tư vấn hướng nghiệp, quy trình, hồ sơ và các thiết bị công cụ tư vấn hướng nghiệp.

Tuy nhiên, theo đánh giá của ông Đặng Danh Ánh, thời lượng tập huấn cho những giáo viên chưa nhiều và số lượng giáo viên tham gia ít đã tạo nên sự khó khăn cho việc mở rộng GDHN tại trường PTTH. [10]

Hoạt động giáo dục hướng nghiệp và tư vấn hướng nghiệp cho học sinh chưa được coi trọng đúng mức, đội ngũ nhân lực phần lớn là không chuyên nghiệp, vì vậy ở Việt Nam hiện nay, việc xây dựng bộ công cụ phục vụ cho hoạt động tư vấn hướng nghiệp cũng chưa được đầu tư thỏa đáng. Do hoạt động hướng nghiệp cho học sinh hiện nay chủ yếu được thực hiện thông qua các buổi hội thảo, thuyết trình hay bài giảng của giáo viên trên lớp, nên phương tiện được sử dụng nhiều nhất là giao tiếp ngôn ngữ hoặc là đọc thoại hoặc là có tính đối thoại, trao đổi kiểu hỏi - trả lời. Một số trắc nghiệm đánh giá các phẩm chất, năng lực của nhân cách cũng đã được biết đến như trắc nghiệm đo năng lực nhận thức, đo chỉ số thông minh, đo tư duy kỹ thuật, trí tưởng tượng, ghi nhớ, chú ý, đo cảm giác vận động và phối hợp các động tác, một số trắc nghiệm về nhân cách, giao tiếp, xu hướng, khí chất, tính cách, năng lực nghề...

nhưng chúng ít được sử dụng và hơn nữa chúng vốn là những trắc nghiệm của nước ngoài, chưa được đầu tư chuẩn hoá để phù hợp với người Việt Nam và cũng khá lạc hậu. Trong khi đó, một số cơ sở tư vấn hướng nghiệp cho học sinh lại dùng cả các công cụ như máy đo vân tay, lập lá số tử vi cho mỗi cá nhân học sinh có nhu cầu tư vấn - những công cụ mà hiện nay các nhà nghiên cứu còn chưa rõ tính khoa học cũng như tính chính xác của chúng.

Theo ông Nguyễn Văn Cương - Trưởng phòng Giáo dục thường xuyên Sở Giáo dục và Đào tạo TP. Hồ Chí Minh thì công tác giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông hiện nay còn yếu, chưa theo kịp yêu cầu của mục tiêu giáo dục. Đặc biệt phần hướng nghiệp ít được quan tâm. Qua khảo sát thực tế cho thấy, công tác chỉ đạo của Bộ và Sở Giáo dục và Đào tạo còn bị buông lỏng. Điều này thể hiện ở nhận thức của các ban ngành có liên quan về vai trò của giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường THPT chưa sâu; cơ chế đánh giá việc giảng dạy, giáo dục của nhà trường chưa toàn diện. Việc chỉ đạo hoạt động hướng nghiệp ở nhà trường còn rất khó khăn, chưa đồng bộ. Biên chế tổ chức, nhân sự cho công tác hướng nghiệp, tư vấn nghề không định rõ theo hướng bắt buộc phải có, phải làm. Nhiều trường không còn Ban lao động hướng nghiệp. Tài liệu hướng nghiệp cho học sinh, tài liệu bồi dưỡng cho giáo viên, cán bộ làm công tác hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông vừa thiếu, vừa lạc hậu... Hiện nay, phần lớn các hiệu trưởng ít quan tâm chỉ đạo thực hiện công tác lao động - hướng nghiệp ở nhà trường, nếu có thì chỉ làm chiếu lệ, hiệu quả không cao.

Thực trạng về nguồn nhân lực cho thấy, chúng ta chưa thể đáp ứng được nhu cầu của học sinh trong vấn đề hướng nghiệp.

Những phân tích nêu trên cho thấy rõ một đặc điểm nổi bật nữa của hoạt động tư vấn hướng nghiệp ở nước ta hiện nay là thiếu tính đồng bộ, liên kết giữa các bộ, ngành có liên quan.

Tóm lại, thực trạng hoạt động giáo dục hướng nghiệp nói chung và tư vấn hướng nghiệp nói riêng cho học sinh THPT ở nước ta hiện nay có một số điểm nổi bật sau đây:

Chúng ta đã có những văn bản, chỉ đạo công tác hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông. Trong các văn bản này mục đích, chương trình nội dung, các hình thức hướng nghiệp, các quy trình và công cụ/phương tiện hướng nghiệp, đội ngũ tham gia hướng nghiệp... đều đã được chỉ rõ. Tuy nhiên, việc quán triệt các chỉ đạo này chưa tốt, dẫn đến chỗ thiếu các điều kiện cần thiết để có thể thực hiện chủ trương của Đảng và Chính phủ về công tác hướng nghiệp cho học sinh một cách hiệu quả.

Về hình thức và nội dung tư vấn hướng nghiệp. Đã có nhiều hình thức hướng nghiệp được triển khai cho học sinh tại 3 điểm nghiên cứu với sự tham gia của những lực lượng khác nhau. Nhưng nội dung của các hoạt động này chủ yếu mới chỉ tập trung cung cấp thông tin về trường thi, khối ngành, điểm thi, cách thức lập hồ sơ thi... cho học sinh mà chưa chú trọng cung cấp những đánh giá cụ thể về năng lực, tính cách, xu hướng, sở thích của từng cá nhân trong quá trình tham vấn hướng nghiệp. Tình trạng này có

nguyên nhân không chỉ từ những hạn chế của những người làm tư vấn hướng nghiệp, mà còn từ bản thân những người có nhu cầu được tư vấn: Nhu cầu được đánh giá hứng thú, năng lực, tính cách của những người này chưa cao.

Về nguồn nhân lực làm công tác hướng nghiệp. Nguồn nhân lực được đào tạo một cách chuyên nghiệp về tư vấn hướng nghiệp còn rất thiếu. Trong các trường THPT hầu như chưa có những người có chuyên môn về lĩnh vực này làm việc. Những người đảm nhận công tác giáo dục hướng nghiệp trong các trường THPT lại là những giáo viên không chuyên. Nguồn nhân lực trong một số trung tâm tư vấn hướng nghiệp ngoài nhà trường cũng rất đa dạng. Một số ít trong số họ, về cơ bản cũng mới chỉ được đào tạo cơ bản về kỹ năng tham vấn tâm lý nói chung, nhưng họ còn thiếu kỹ năng tư vấn hướng nghiệp.

Các thông tư, nghị định quy định về nội dung, mục tiêu, quy trình làm tư vấn hướng nghiệp cho học sinh phổ thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Chính phủ thì ban hành nhiều và cũng đã từ lâu. Tuy nhiên, trong quá trình tìm hiểu chúng tôi thấy chưa có một văn bản pháp luật nào quy định về nhân lực làm tư vấn hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông. Do vậy, không có trường công lập nào có phòng tư vấn hướng nghiệp riêng vì không có biên chế tuyển dụng người làm tư vấn hướng nghiệp.

Từ góc độ tâm lý học, chúng tôi nhận thấy tư vấn hướng nghiệp không chỉ dừng lại ở việc cung cấp thông tin cho học sinh mà đòi hỏi người làm công việc này phải có kiến thức về tâm lý, nắm vững các trắc nghiệm để tiến hành

quá trình tư vấn hướng nghiệp đầy đủ và chuyên nghiệp. Tuy nhiên, vấn đề tư vấn hướng nghiệp cho học sinh THPT tại Việt Nam mới chỉ dừng lại ở việc cung cấp thông tin. Chúng ta đã đưa những quy định về đưa công tác hướng nghiệp xuống các trường THPT, nhưng chúng ta lại chưa có chế tài để kiểm soát việc thực thi các quy định này. Đây là tình cảnh khá phổ biến của các chương trình giáo dục hướng nghiệp ở các trường phổ thông – chương trình được đánh giá là có tầm chiến lược trong việc hỗ trợ học sinh chọn ngành, nghề cho tương lai. Thế nhưng, chưa có ai đánh giá hiệu quả của nó. Chính vì vậy dẫn tới tình trạng tư vấn hướng nghiệp cho học sinh đang bị coi nhẹ.

Về các công cụ, phương tiện được sử dụng trong tư vấn hướng nghiệp. Trên thực tế, tư vấn hướng nghiệp về cơ bản, được thực hiện theo kinh nghiệm. Việc sử dụng trắc nghiệm trong tư vấn hướng nghiệp còn hạn chế. Bên cạnh đó những người làm tư vấn hướng nghiệp chưa được đào tạo kỹ năng sử dụng các trắc nghiệm. Cùng với đó là các trắc nghiệm tâm lý nói chung và trắc nghiệm hướng nghiệp ở Việt Nam chưa được chuẩn hóa cho phù hợp với người Việt Nam. Chính điều này gây nên khó khăn cho người sử dụng và sự không tin tưởng của người được đo trắc nghiệm với kết quả của các trắc nghiệm này.

Đánh giá về công tác tư vấn hướng nghiệp cho học sinh ở Việt Nam hiện nay, ông Đặng Danh Ánh nhận xét, công tác này còn rất sơ khai, thiếu cơ sở lý luận, không có cơ sở vật chất, không có đội ngũ chuyên gia tư vấn được đào tạo chuyên nghiệp, không có phương pháp và kỹ thuật tư vấn [9].

Chương VI

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH Ở VIỆT NAM

Trên thực tế, Nhà nước ta đã có chủ trương đúng đắn về công tác giáo dục hướng nghiệp nói chung và tư vấn hướng nghiệp nói riêng cho học sinh phổ thông từ những năm 80 của thế kỷ XX. Tuy nhiên, việc thực hiện chủ trương này còn yếu và kém hiệu quả. Có tình trạng này chủ yếu là do thiếu những chính sách, quy định chỉ đạo cụ thể. Điều đó, một mặt làm cho những người liên quan không nhận rõ được tầm quan trọng của công tác này, mặt khác, dẫn đến chỗ thiếu các điều kiện pháp lý, điều kiện vật chất và điều kiện nhân lực để có thể thực hiện tốt chủ trương mà Đảng và Chính phủ đã đề ra.

Trên cơ sở thực trạng giáo dục hướng nghiệp, tư vấn hướng nghiệp ở nước ta hiện nay và kinh nghiệm quốc tế, chúng tôi đề xuất một số giải pháp sau đây:

Về quan điểm chỉ đạo:

1. Hệ thống giáo dục của đất nước, xét đến cùng, nhằm xây dựng một nguồn nhân lực có chất lượng cao. Để đảm

bảo được mục tiêu này cần phải xem giáo dục hướng nghiệp cho học sinh như một nội dung quan trọng trong toàn bộ chương trình giáo dục phổ thông. Với tinh thần đó thì tư vấn hướng nghiệp như một hoạt động hỗ trợ đắc lực và hiệu quả cho việc định hướng nghề nghiệp của học sinh cũng cần được coi trọng. Quan điểm này cần được quán triệt ở tất cả các cấp từ những cơ quan quản lý cấp cao nhất đến các thầy cô giáo trực tiếp đảm nhận giảng dạy môn giáo dục hướng nghiệp hoặc thực hành tư vấn hướng nghiệp cho học sinh.

2. Giáo dục hướng nghiệp nói chung và tư vấn hướng nghiệp nói riêng là những hoạt động có nội dung không như những môn học khác trong chương trình học phổ thông, mà các kiến thức liên ngành là không thể thiếu. Hệ thống kiến thức đó bao gồm:

- Những kiến thức về các ngành nghề khác nhau trong xã hội và các vị trí việc làm trong những ngành nghề đó.

- Những kiến thức liên quan đến yêu cầu của các vị trí việc làm trong từng lĩnh vực nghề nghiệp đối với người lao động.

- Những kiến thức chuyên ngành tâm lý học tư vấn.

- Kỹ năng sử dụng các trắc nghiệm, các thang đo và các công cụ đánh giá khác.

- Những thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực của đất nước đối với các lĩnh vực ngành nghề khác nhau trong hiện tại cũng như trong tương lai.

- Các mạng lưới hỗ trợ xã hội.

Chi tiết hơn nữa, chẳng hạn, những người làm công tác tư vấn hướng nghiệp tại Mỹ còn cần có các kiến thức của tâm lý học nhân cách, tâm lý học phát triển...

Trong hệ thống các kiến thức nêu trên thì những kiến thức mang tính ứng dụng rất quan trọng.

Do những đặc thù về nội dung tư vấn như vậy, nên để đảm bảo hiệu quả của công tác giáo dục hướng nghiệp và tư vấn hướng nghiệp thì một mình Bộ Giáo dục và Đào tạo khó có thể hoàn thành được, mà cần có sự phối hợp của nhiều tổ chức, ban ngành, các bộ khác nhau, đặc biệt là có sự đóng góp của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội - một cơ quan có chức năng rất quan trọng trong tổ chức dạy nghề, giải quyết các chính sách về nghề nghiệp và người lao động ở nước ta. Vì vậy, sự chỉ đạo của Chính phủ nhằm tạo ra mạng lưới phối hợp giữa các tổ chức, ban ngành, các bộ khác nhau trong lĩnh vực giáo dục hướng nghiệp là rất quan trọng.

Các biện pháp triển khai cụ thể:

1. Trước hết, Chính phủ và Bộ Giáo dục và Đào tạo cần có những thông tư, quy định chỉ đạo cụ thể các trường phổ thông nghiêm chỉnh thực hiện công tác giáo dục hướng nghiệp và tư vấn hướng nghiệp, đồng thời có các hoạt động kiểm tra, giám sát đảm bảo hoạt động này được thực hiện đúng quy trình và có hiệu quả.

2. Xoá bỏ tình trạng giáo viên dạy giáo dục hướng nghiệp trong trường phổ thông là những người kiêm nhiệm hoặc thiếu số giờ dạy bằng cách cấp biên chế chính thức cho giáo dục hướng nghiệp trong các trường này và đồng

thời chú trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực chuyên ngành này ở các trường đại học. Có như vậy mới đảm bảo được dòng chảy của nguồn nhân lực: có đầu ra thì mới có đầu vào và cũng mới đảm bảo được chất lượng giáo dục hướng nghiệp.

3. Trong các nhà trường phổ thông nên xây dựng phòng tư vấn hướng nghiệp, hoặc bộ phận tư vấn hướng nghiệp trong phòng tư vấn học đường với cơ cấu biên chế chính thức. Những người làm việc trong các phòng này phải được đào tạo về tư vấn tâm lý học đường và tư vấn hướng nghiệp.

Trước mắt có thể tổ chức sự liên kết hợp tác giữa nhà trường và các trung tâm tư vấn tâm lý, tư vấn hướng nghiệp của các trường đại học, các viện nghiên cứu hoặc các tổ chức, cá nhân khác để triển khai ngay công tác tư vấn hướng nghiệp cho học sinh. Sự hợp tác này giúp khắc phục được nhiều khó khăn trước mắt như thiếu nguồn nhân lực, nguồn nhân lực có chuyên môn hạn chế, chưa có kinh phí đầu tư xây dựng một phòng chuyên môn mới trong nhà trường, đồng thời giảm thiểu được thời gian phải chờ đợi để có đủ kiện kiện cần có cho việc triển khai hoạt động tư vấn hướng nghiệp theo chuẩn chuyên môn, tận dụng được nguồn nhân lực có tay nghề ngoài xã hội.

4. Đầu tư thoả đáng cho công tác giáo dục hướng nghiệp và tư vấn hướng nghiệp, trong đó bao gồm:

- Cho việc xây dựng các bộ tư liệu cung cấp thông tin về các ngành nghề trong xã hội (hiện tại và tương lai), các loại vị trí công việc, phân loại nghề, nhu cầu nguồn nhân

lực của các ngành nghề, nhu cầu của các vùng miền trong hiện tại cũng như trong tương lai, nơi đào tạo, các hình thức đào tạo...)

- Cho việc nghiên cứu lý luận về giáo dục hướng nghiệp và tư vấn hướng nghiệp.

- Cho việc xây dựng các công cụ/phương tiện tư vấn hướng nghiệp (các trắc nghiệm, thang đo...).

- Cho việc bồi dưỡng, tập huấn nâng cao định kỳ trình độ và kỹ năng làm việc của nguồn nhân lực trong lĩnh vực giáo dục hướng nghiệp và tư vấn hướng nghiệp.

- Cho việc tổ chức các hình thức giáo dục hướng nghiệp cho học sinh, nhất là các hình thức có tính thực hành hoặc trực quan như các câu lạc bộ nghề, đi tham quan các cơ sở sản xuất, các cuộc thảo luận do các nhà chuyên môn điều hành...

Kinh phí đầu tư cho các công việc nêu trên cần được cung cấp hàng năm nhằm đảm bảo để tất cả các vấn đề nêu trên không bị lạc hậu so với sự phát triển không ngừng của đất nước và thế giới.

Ngoài nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước, cần có những quy định rõ ràng về việc quyền góp hoặc hỗ trợ kinh phí của phụ huynh học sinh, các tổ chức xã hội, cơ sở nghề nghiệp... nhằm đảm bảo tất cả những bên có liên quan đều cùng có trách nhiệm và cùng hưởng lợi.

5. Chú trọng việc xây dựng và ứng dụng quy trình chuẩn trong tư vấn hướng nghiệp cho học sinh, đảm bảo cho học sinh có tri thức, kỹ năng và thái độ tốt trong lựa

chọn nghề nghiệp tốt. Điều này không chỉ liên quan đến chương trình đào tạo chuyên ngành tư vấn hướng nghiệp trong các trường đại học, mà còn liên quan đến việc giám sát thực hiện hoạt động tư vấn hướng nghiệp tại các trường phổ thông. Cần có những hướng dẫn cụ thể về việc cung cấp các loại thông tin hướng nghiệp cho học sinh, đảm bảo tính toàn diện và hữu ích của thông tin, về rèn các kỹ năng lựa chọn nghề cho các em. Chẳng hạn, ngoài việc rèn cho học sinh biết vận dụng nguyên tắc chọn nghề vào việc viết đơn xin đi học tiếp sau phổ thông, xin vào làm việc ở một cơ quan hành chính hay sự nghiệp hoặc ở cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ, giáo viên còn phải giúp các em học sinh biết cách thu thập các nguồn thông tin cần thiết cho việc chọn nghề của các em, phân tích những điều cần thiết của mỗi nghề...

6. Hiện nay các loại ngành nghề rất đa dạng và thay đổi không ngừng. Do trình độ phát triển kinh tế – xã hội của các địa phương khác nhau, điều kiện của học sinh phổ thông trong việc tiếp cận với các ngành nghề cũng khác nhau nếu xét theo địa bàn sinh sống. Vì vậy, không nên áp dụng cùng một nội dung giáo dục hướng nghiệp cho học sinh ở tất cả các địa bàn khác nhau. Việc lựa chọn nội dung nào cần dựa trên đặc thù phát triển của mỗi địa phương cũng như thực trạng trình độ hiểu biết về nghề của học sinh tại những địa phương đó.

Cần đa dạng hoá không chỉ hình thức giáo dục hướng nghiệp, mà cần tạo điều kiện để học sinh có thể tiếp cận được với càng nhiều nghề càng tốt, nhất là những ngành

nghe mới, có triển vọng phát triển và cũng là những ngành nghề mà nền kinh tế của đất nước đang cần.

7. Cần có những quy định cụ thể về sự cam kết hợp tác giữa các ban ngành, các tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp, gia đình, nhà trường nhằm tạo ra một mạng lưới liên hoàn đảm bảo cho công tác giáo dục hướng nghiệp và tư vấn hướng nghiệp có thể diễn ra theo một quy trình toàn diện, có hệ thống và có hiệu quả thiết thực, sát thực tế.

8. Việc giáo dục hướng nghiệp cho học sinh là một quá trình lâu dài, không thể chỉ bắt đầu ở cấp THPT. Công tác hướng nghiệp cho học sinh cần được triển khai ngay từ những các cấp học dưới, trước hết có thể là từ cấp THCS (tư vấn hướng học theo quan niệm của Đặng Danh Ánh).

KẾT LUẬN

Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho học sinh THPT ở Việt Nam hiện nay và kinh nghiệm ở một số nước trên thế giới, chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

1. Tư vấn hướng nghiệp là một chuyên ngành có lịch sử phát triển từ khá lâu. Phân ngành này đã được đặt nền móng từ giữa thế kỷ XIX và cho đến nay đã có khá nhiều lý thuyết và mô hình tư vấn hướng nghiệp tương ứng với các lý thuyết đó. Mỹ có thể được xem là nước có chuyên ngành tư vấn hướng nghiệp phát triển nhất với nhiều lý thuyết hướng nghiệp, mô hình hướng nghiệp bài bản nhất với tính hệ thống chặt chẽ, sự cam kết cùng hành động của nhiều bên (nhà trường, cha mẹ học sinh, chính quyền các cấp, các bộ, ngành có liên quan, những người làm công tác xã hội và các nhà tư vấn hướng nghiệp) và quá trình hướng nghiệp diễn ra trong thời gian dài, bắt đầu từ những học sinh nhỏ tuổi. Hầu hết các lý thuyết tư vấn hướng nghiệp đều nhấn mạnh đến 3 vấn đề cơ bản cần được chú ý trong thực hành tư vấn: đó là năng lực cá nhân và sự phù hợp với nghề; hứng thú của cá nhân với nghề và nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực.

2. Từ góc độ những đòi hỏi khách quan xuất phát từ môi trường sống của học sinh (như quy định về mặt pháp luật đối với độ tuổi lao động, đặc thù của chương trình học phổ thông), từ sự phát triển tâm sinh lý của các em, ở học sinh THPT nước ta đã hình thành tâm thế hướng nghiệp. Các em đã có những hiểu biết nhất định về giá trị của hoạt động nghề nghiệp, tích cực tìm hiểu các thông tin về các ngành nghề khác nhau, có những dự định về nghề sẽ học sau khi tốt nghiệp THPT... Tuy nhiên tâm thế hướng nghiệp của học sinh THPT hiện nay mang tính tự phát khá rõ nét, vì vậy, hiểu biết của học sinh về những điểm tựa cần chú ý khi chọn nghề chưa thật sự chi phối hành động chọn nghề của nhiều em.

3. Ở cấp độ ý thức, phần lớn học sinh THPT có nhu cầu được tư vấn hướng nghiệp. Tuy nhiên, trên thực tế nhu cầu này cũng chưa thật sự đủ mạnh để chi phối hành động của không ít học sinh.

4. Hiện nay ở Việt Nam, các cấp quản lý đã có những chủ trương đúng đắn đối với hoạt động giáo dục hướng nghiệp và tư vấn hướng nghiệp cho học sinh phổ thông, tuy nhiên tầm quan trọng của hoạt động này chưa được quán triệt thấu đáo ở mọi cấp, dẫn đến chỗ hoạt động giáo dục hướng nghiệp và tư vấn hướng nghiệp cho học sinh còn yếu do thiếu cơ sở vật chất, thiếu điều kiện nhân lực, thiếu quy trình chuẩn cũng như thiếu hệ thống các nguồn thông tin hỗ trợ... nên hiệu quả còn kém, chưa đáp ứng được nhu cầu của học sinh.

5. Cần có những giải pháp cụ thể khắc phục những hạn chế hiện nay để công tác giáo dục hướng nghiệp và tư vấn

hướng nghiệp cho học sinh thật sự hữu ích cho các em, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của đất nước. Những giải pháp cần tập trung vào công tác chỉ đạo từ các cấp quản lý, công tác triển khai ở cấp cơ sở đảm bảo cho hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho học sinh có tính chuyên nghiệp, có tính hệ thống với sự tham gia của nhiều tổ chức từ nhà trường đến gia đình và các tổ chức khác trong xã hội, có đủ điều kiện vật chất và nhân lực để triển khai hoạt động này một cách hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ, *Thông tư 48 năm 1982 ngày 27 tháng 4 năm 1982.*
http://vbqpppl3.moj.gov.vn/law/vi/1981_to_1990/1982/198204/198204270001
2. Chính phủ, *Thông tư 31 năm 1981 ngày 17 tháng 11 năm 1981.*
http://vbqpppl3.moj.gov.vn/law/vi/1981_to_1990/1982/198204/198204270001
3. Chính phủ, *Nghị định 75/2006 ngày 2/8/2006.*
<http://www.luatgiapham.com/phap-luat/6-dan-su/626-nghi-dinh-so-752006nd-cp-.html>
4. Bùi Việt Phú, *Xã hội hoá hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh phổ thông: vấn đề và giải pháp*, Tạp chí Giáo dục số 168, 2/7/2007.
5. Dương Diệu Hoa, *Giáo dục lao động và hướng nghiệp trong vấn đề lựa chọn nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông.*
tamly.hnue.edu.vn/modules.php?file=article&name=News&sid=22
6. Daniel Goleman (2002), *Trí tuệ xúc cảm*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

7. Đại học Quốc gia Hà Nội (2005). *Kỷ yếu hội thảo quốc tế “Đổi tạo Pháp - Á, vấn đề và hướng đi cho giáo dục hướng nghiệp tại Việt Nam”* Hà Nội.
8. Đặng Danh Ánh, *Quan điểm mới về giáo dục hướng nghiệp*, Tạp chí Giáo dục, số 37, 8/2002.
9. Đặng Danh Ánh, *Tư vấn chọn nghề cho học sinh phổ thông*, Tạp chí Giáo dục, số 121, 9/2005.
10. Đặng Danh Ánh, *Cần đặt đúng vị trí của tư vấn hướng học và tư vấn hướng nghiệp trong trường phổ thông*, Tạp chí Giáo dục, số 163, 5/2007.
11. Narayana S. (1981), *Counseling Psychology*, McGraw-Hill Publishing Company.
12. Nguyễn Đặng Tuấn Minh, *Hướng nghiệp: Trách nhiệm, công việc của cha mẹ hay nhà trường?* <http://www.cmivnedu.com/detail.aspx?item=190>
13. Nguyễn Nhung, *Hướng nghiệp trong nhà trường: Mạnh ai nấy làm*, <http://vietbao.vn/Viec-lam/Huong-nghiep-trong-nha-truong-Manh-ai-nay-lam/20687976/268/>
14. Phạm Mạnh Hà, *Thực trạng công tác hướng nghiệp cho học sinh lớp 12 trong các trường trung học phổ thông ở Hà Nội*, Báo cáo tổng kết đề tài cấp trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội, 2006.
15. Phạm Minh Hạc, Lê Khanh, Trần Trọng Thuỷ, Phạm Hoàng Gia, *Tâm lý học*, T.2, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1989.
16. *Phỏng vấn nhà tư vấn Nancy Thomas*, ngày 17 tháng 2 năm 2008, New Delhi.

17. *Phỏng vấn nhà tư vấn độc lập Caris Lim*, ngày 18 tháng 2 năm 2008, New Delhi.
18. Trần Đình Lý, *Hướng nghiệp trước, hướng trường sau*, báo Thanh niên, số 50, 19/2/2008.
19. *Tôi chọn nghề* (cẩm nang bách nghệ dành cho các bạn trẻ), Tủ sách hướng nghiệp Nhất nghệ tinh, Nxb. Kim Đồng, Hà Nội, 2007.
20. Quốc hội, *Luật Giáo dục*, 2001.
http://www.dhdlvanlang.edu.vn/Luatgiaoduc/Luat_GD_2005.pdf 4
21. Abul. H. O & Amir. A (ed), *Counseling in the Asia - Pacific Region*. Greenwood press.
22. Goh. M & Lee. J-K. (2003), *Career Counseling Centers in Higher Education: A study of Cross - Cultural Applications from the United States to Korea*. Asian Pacific Education Review, V4, N1, 84-96.
23. Leong. F (2002). *Challenges for career counseling in Asia: Variations in cultural accomodation*. Career Development Quarterly, retrieved April 20, 2008 from <http://www.encyclopedia.com/doc/1G1-84558592.html>.
24. NBCC (2006). *Guidances to NCC examination, Lifestyles and Career Development session*.
25. Vernon G. Zunker (2002), *Career counseling: Applied concepts of life planning*, United State of America.
26. *Vocational counseling & Guidance*, <http://www.tvet.pal.org/counseling/intro.html>

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

36 Hàng Chuối - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT. 04.39719073 - Fax. 04.39719071
Website: http://www.vass.gov.vn/nhaxuatban_khxh
Email: nxbkhxh@gmail.com

Chi nhánh Nhà xuất bản Khoa học xã hội
57 Trưng Nguyệt Ánh - Phường Bến Thanh - Quận I - TP Hồ Chí Minh
ĐT. 08.38394948 - Fax. 08 38394948

**TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP
CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
THỰC TRẠNG Ở VIỆT NAM VÀ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ**

Chịu trách nhiệm xuất bản
TS. NGUYỄN XUÂN DŨNG

Biên tập nội dung: HUỖNH THỊ HÒA
Kỹ thuật vi tính: DŨNG ĐẠT
Sửa bản in: HUỖNH HÒA
Trình bày bìa: PHÙNG MINH TRANG

.....
In 300 cuốn, khổ 14.5cm x 20.5cm, tại Xưởng In -NXB Thế Giới
Số đăng ký KHXB: 896-2010/ CXB / 07-98/ KHXH.
Số QĐXB: 106/ QĐ-NXB KHXH ngày 10 / 11 / 2010.
In xong nộp lưu chiểu tháng 11 / 2010.

U45(1)

U45(0)

VIỆN THÔNG TIN
KHOA HỌC XÃ HỘI

Vb

49473

**TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP
CHO HỌC SINH
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**

THỰC TRẠNG Ở VIỆT NAM
VÀ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ

Giá: 31.000 đ